

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DABACO VIỆT NAM

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 86/DBC-VP HĐQT
V/v: CBTT Báo cáo thường niên năm 2018

Bắc Ninh, ngày 08 tháng 4 năm 2019

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Tập đoàn DABACO Việt Nam

- Mã chứng khoán: DBC

- Địa chỉ: Số 35 Đường Lý Thái Tổ, TP. Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

- Điện thoại liên hệ: 0222 3826077 Fax: 0222 3896000

- E-mail: Contact@dabaco.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo thường niên năm 2018.

3. Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 08/04/2019 tại đường dẫn: www.dabaco.com.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

*** Tài liệu đính kèm:**

- Báo cáo thường niên năm 2018.

**TL. CHỦ TỊCH HĐQT
CHÁNH VĂN PHÒNG HĐQT**



Nguyễn Thị Huệ Minh



DABACO VIỆT NAM

2018

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

DABACO mang lại sự giàu sang cho người chăn nuôi
Sự phồn vinh cho đất nước



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

❖ 2018 ❖

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

Ngày 05 tháng 04 năm 2019

viết tắt

BCTN: Báo cáo thường niên

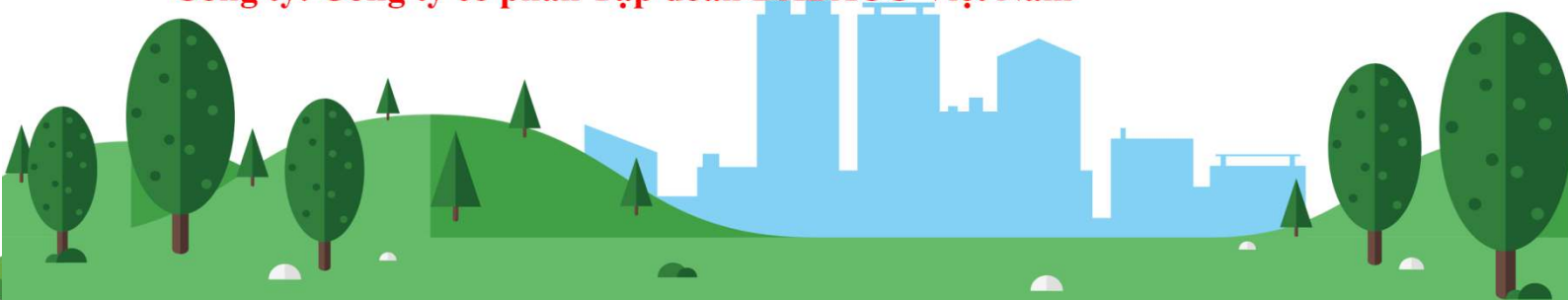
CTCP: Công ty cổ phần

HĐQT: Hội đồng quản trị

BTGD: Ban tổng giám đốc

BKS: Ban kiểm soát

Công ty: Công ty cổ phần Tập đoàn DABACO Việt Nam



NỘI DUNG

TÂM NHÌN, SỨ MỆNH & CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG

1. Quá trình hình thành và phát triển
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
4. Định hướng phát triển
5. Các rủi ro

PHẦN II: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2018

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tổ chức và nhân sự
3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án
4. Tình hình tài chính
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
6. Báo cáo phát triển bền vững

PHẦN III: BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tình hình tài chính
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai
5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

PHẦN IV: ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

PHẦN V: QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị
2. Ban kiểm soát
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát

PHẦN VI: BÁO CÁO TÀI CHÍNH



THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ Kính thưa Quý cổ đông !



Bước vào năm 2018, tình hình kinh tế thế giới có nhiều tín hiệu khởi sắc, tăng trưởng kinh tế toàn cầu cao hơn năm 2017, thương mại tích cực tạo thuận lợi cho kinh tế trong nước phát triển. Riêng đối với Việt Nam, tăng trưởng kinh tế năm 2018 đạt 7,08%, đây là mức tăng cao nhất 11 năm qua. Chất lượng tăng trưởng và môi trường đầu tư kinh doanh đang dần được cải thiện. Tuy nhiên, năm 2018 cũng gặp không ít khó khăn, thách thức do: (i) tình hình khu vực và thế giới diễn biến nhanh và phức tạp, xung đột xảy ra ở nhiều nơi, xuất hiện những nhân tố mới có tầm ảnh hưởng sâu, rộng, kéo theo hàng loạt động thái lớn về chính sách của các quốc gia, nền kinh tế lớn; (ii) giá hàng hóa thế giới tăng cao tạo áp lực không nhỏ cho công tác điều hành trong nước.

Đối với ngành chăn nuôi, cuộc khủng hoảng về giá lợn xuống thấp kỷ lục trong cả năm 2017 đến quý I/2018 đã khiến người chăn nuôi và doanh nghiệp thiệt hại nặng nề. Tuy nhiên, từ quý II/2018, giá lợn phục hồi kéo theo giá các sản phẩm nông nghiệp, thực phẩm khác cũng được cải thiện và tăng trưởng trở lại, các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực chăn nuôi ghi nhận kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 ở mức cao, đóng góp đáng kể vào sự tăng trưởng mạnh mẽ của cả Tập đoàn so với năm 2017, với mức tăng trưởng đạt 80% và đạt 146% kế hoạch.

Mặc dù vậy, ngành chăn nuôi vẫn luôn chịu áp lực và thách thức về tình hình dịch bệnh và biến động giá cả thị trường, đòi hỏi Ban lãnh đạo Tập đoàn phải thực sự nhạy bén, linh hoạt và có những quyết sách phù hợp, kịp thời, cũng như xây dựng kịch bản tăng trưởng, triển khai quyết liệt từng nhóm giải pháp đối với từng đơn vị, tiết kiệm triệt để nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và hạ giá thành, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Vượt qua khó khăn và thách thức, tận dụng cơ hội, năm 2018 Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã chèo lái con thuyền Dabaco gặt hái được những thành tựu vượt bậc, hoàn thành xuất sắc và vượt xa các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông giao phó.

Thay mặt HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và toàn thể CBCNV Tập đoàn DABACO Việt Nam, tôi chân thành cảm ơn Quý cổ đông, đối tác, bạn hàng đã tin nhiệm, đầu tư và đồng hành cùng DABACO.

Xin kính chúc Quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành công!



CHỦ TỊCH HĐQT

NGUYỄN NHƯ SƠ



GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY

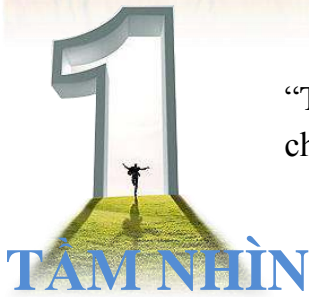


Tên giao dịch:	Công ty Cổ phần Tập đoàn DABACO Việt Nam
Mã số doanh nghiệp:	2300105790
Vốn điều lệ:	828.184.650.000 đồng
Vốn chủ sở hữu:	2.746.528.417.636 đồng
Địa chỉ:	Số 35 đường Lý Thái Tổ, TP.Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
Điện thoại:	0222 3826077 - 3895111
Fax:	0222 3896000 - 3825496
Email:	contact@dabaco.com.vn
Website:	www.dabaco.com.vn
Mã chứng khoán:	DBC
Sàn niêm yết:	Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN | 5

DABACO FARM

TẦM NHÌN, SỨ MỆNH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN



“Trở thành doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất Thức ăn chăn nuôi, giống gia súc gia cầm và chế biến thực phẩm”

“Mang đến cho người tiêu dùng các loại sản phẩm nông nghiệp sạch, an toàn và dinh dưỡng thông qua việc kiểm soát chặt chẽ chuỗi giá trị trong sản xuất nông nghiệp - thực phẩm”

Để làm được điều đó, chúng tôi không ngừng nỗ lực nâng cao chất lượng sản phẩm và giá trị dịch vụ mà Dabaco Group cung cấp đến người tiêu dùng.



“Phát triển thành Tập đoàn kinh tế vững mạnh trong lĩnh vực nông nghiệp - thực phẩm ứng dụng công nghệ cao theo mô hình sản xuất tiên tiến, khép kín (mô hình 3F) gồm: “Sản xuất giống gia súc, gia cầm và chăn nuôi gia công (**Farm - Trang trại**) - Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (**Feed - Thức ăn**) - Giết mổ và chế biến thực phẩm, sản xuất rau an toàn ứng dụng công nghệ cao (**Food - Thực phẩm**) song song với phát triển hệ thống bán lẻ hiện đại theo mô hình Siêu thị và Cửa hàng thực phẩm sạch DABACO”.



I. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Ngày 15/01/2017, khánh thành Trung tâm thương mại Dabaco Từ Sơn.

Ngày 10/02/2017, khánh thành Công viên Hồ điều hòa Văn Miếu Bắc Ninh
Thành lập cty TNHH phân bón hữu cơ Việt Nhật, Cty TNHH đầu thực vật Dabaco, Cty TNHH giống gia cầm Dabaco Bình Phước, Nhà máy chế biến trứng Dabaco.

Tháng 04/2017, Cty đã thực hiện phương án phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2016, nâng vốn điều lệ của Cty lên 828.184.650.000 đồng tương đương 82.818.465 cổ phiếu.

Năm 2017, Cty hoàn thành và đưa vào hoạt động các dự án lớn gồm: Khu chăn nuôi tại Hà Nam, Phú Thọ, Lương Tài, Hải Phòng và Nhà máy TẮCN Nasaco Hà Nam; Nhà máy sản xuất bột nhựa xuất khẩu.

Thành lập Công ty TNHH thức ăn chăn nuôi Nasaco Hà Nam, Công ty TNHH giống Dabaco Hà Nam, Công ty TNHH Lợn giống Dabaco Hải Phòng, Công ty TNHH Lợn giống Dabaco Phú Thọ...
Đầu tư xây dựng Trung tâm công nghệ sinh học Dabaco.

Ngày 14/02/2013, C.ty đã thực hiện chuyển đổi 1.872.794 trái phiếu thành 14.331.963 cổ phiếu, nâng vốn điều lệ của C.ty lên 627.419.230.000 đồng tương đương 62.741.923 cổ phần.

Giải thể C.ty cổ phần thủy sản CSC Dabaco và chuyển toàn bộ số vốn góp sang đầu tư xây dựng Trung tâm nghiên cứu ứng dụng và phát triển giống gia súc, gia cầm Dabaco. Đầu tư xây dựng Trung tâm nghiên cứu gà 9 cựa Dabaco; Trung tâm nghiên cứu ứng dụng và phát triển giống gia cầm Dabaco; Nhà máy sản xuất con giống gia cầm; Xí nghiệp gà đẻ trứng của Công ty ĐT&PT chăn nuôi gia công.

C.ty hoàn tất đợt phát hành 18.164.440 cổ phiếu và 2.544.666 trái phiếu chuyển đổi nâng vốn điều lệ của C.ty lên 436.111.000.000 đồng tương đương 43.611.100 cổ phần.

Thành lập Cty TNHH Nông nghiệp CNC Dabaco và các doanh nghiệp dự án để thực hiện các dự án theo hình thức BT gồm: Cty TNHH XD Hồ Điều Hòa Văn Miếu Bắc Ninh, Cty TNHH XD Đường từ Đền Đò đến đường vành đai III và TL 295B T.Son.

Chấm dứt hoạt động CN tại Hà Nội.
Tại ĐHCĐ thường niên ngày 26/3/2011, Cty đã đổi tên thành Công ty cổ phần Tập đoàn DABACO VN.



Tháng 4/2018, Khánh thành và đưa vào hoạt động Trung tâm thương mại Dababco Quế Võ với quy mô lớn và hiện đại bậc nhất Bắc Ninh. Tập đoàn Dabaco tiếp tục mở rộng quy mô sản xuất, thành lập mới thêm các công ty: Công ty TNHH Dabaco Tuyên Quang, Công ty TNHH đầu tư và phát triển cụm công nghiệp Khúc Xuyên, Công ty TNHH đầu tư nhà ở xã hội Thuận Thành, Công ty TNHH xây dựng đường H2 thành phố Bắc Ninh.

Tháng 03/2016, Công ty đã thực hiện phương án phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2015, nâng vốn điều lệ của Công ty lên 752.899.590.000 đồng tương đương 75.289.959 cổ phần.

Ngày 28/12/2016, khánh thành Khách sạn Le Indochina đạt tiêu chuẩn 5*.
Thành lập Công ty TNHH Lợn giống Dabaco Lương Tài. Sáp nhập Công ty TNHH Lợn giống Dabaco vào Công ty TNHH Lợn giống Hạng nhân Dabaco.

Mua lại Công ty cổ phần Tâm Tâm và thực hiện sáp nhập vào Công ty TNHH MTV Thương mại Hiệp Quang.

Khai trương Siêu thị Dabaco Gia Bình tại Thị trấn Đông Bình, huyện Gia Bình, Bắc Ninh. Đưa vào hoạt động dây chuyền xử lý trứng tự động được nhập khẩu của hãng MOBA – Hà Lan, với các công đoạn xử lý tự động qua các khâu: Rửa trứng–Làm khô–Khử trùng bằng tia cực tím–Soi trứng–Cân, phân loại trứng–In ngày sản xuất và đóng gói sản phẩm. Nhờ vậy, sản phẩm có độ đồng đều cao và đảm bảo chất lượng, an toàn hơn cho người sử dụng.

Ngày 14/02/2012, Công ty đã thực hiện chuyển đổi 671.872 trái phiếu thành 4.798.860 cổ phiếu, nâng vốn điều lệ của Công ty lên 484.099.600.000 đồng tương đương 48.409.960 cổ phần.

Thành lập doanh nghiệp dự án Công ty TNHH Xây dựng Đường Kinh Dương Vương 3 và Đường Trường Chinh.

Khánh thành Nhà máy chế biến TACN Dabaco Hoàn Sơn công suất 5 tấn/h chuyên sản xuất thức ăn heo con tại huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

Đưa vào hoạt động Nhà máy chế biến thịt gà, thành lập Công ty TNHH Bất động sản Dabaco, Công ty TNHH ĐT&PT Hạ tầng Dabaco, Trung tâm thương mại Dabaco tại Đường Lý Thái Tổ, TP. Bắc Ninh, Công ty TNHH Lợn giống hạt nhân DABACO.

Để nâng cao sản lượng sản xuất và tiêu thụ thức ăn chăn nuôi, Công ty đã thành lập Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi tại KCN Đại Đồng – Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, và tái cơ cấu lại một số đơn vị thành viên, chuyển một số đơn vị hạch toán phụ thuộc thành Công ty TNHH một thành viên, sáp nhập Xí nghiệp ngan giống Pháp vào Công ty TNHH ĐT&PT chăn nuôi gia công.



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Khánh thành Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi Dabaco công suất 25 tấn/giờ tại Khu công nghiệp Khắc Niệm, TP. Bắc Ninh; Siêu thị Dabaco tại phố Lạc Vệ, Tiên Du, Bắc Ninh.

Phát hành thành công 2 đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ để sáp nhập Công ty cổ phần thương mại Hiệp Quang và phát hành cho cổ đông chiến lược, nâng vốn điều lệ của công ty lên 254.466,6 triệu đồng tương đương 25.446.660 cổ phần.

Thành lập Công ty TNHH Dịch vụ thương mại Bắc Ninh, Công ty TNHH Cảng Dabaco Tân Chi, Công ty TNHH MTV Dabaco Tây Bắc.

Khánh thành Nhà kho và Nhà xử lý nguyên liệu tại xã Khắc Niệm, TP. Bắc Ninh.

Kể từ ngày 01/01/2005, Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần theo quyết định số 1316/QĐ/CT ngày 10/08/2004 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh.

Khánh thành Xí nghiệp lợn giống hướng nạc Thuận Thành.

Thành lập Xí nghiệp giống gia súc, gia cầm Thuận Thành mở rộng thêm lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh.

Thành lập công ty

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam được thành lập ngày 29/3/1996 (tên gọi đầu tiên là Công ty Nông sản Hà Bắc).

Xây dựng Nhà máy chế biến thức ăn gia súc DABACO với công suất 5 tấn/giờ tại xã Võ Cường, Bắc Ninh và Xí nghiệp gà giống công nghiệp Lạc Vệ tại huyện Tiên Du, Bắc Ninh.

2009



Thành lập Công ty TNHH Lợn giống Dabaco, Công ty TNHH Đầu tư phát triển chăn nuôi lợn Dabaco, Công ty TNHH Chế biến thực phẩm Dabaco và Trung tâm chẩn đoán thú y Dabaco.

Ngày 18/3/2008, cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội. Ngày 29/4/2008, đổi tên thành Công ty cổ phần Dabaco Việt Nam.

2008



2007



2006



Khánh thành Nhà máy chế biến thức ăn thủy sản Kinh Bắc 4 tấn/giờ.

Thành lập Công ty TNHH Đầu tư và phát triển chăn nuôi gia công và Xí nghiệp giống lợn Lạc Vệ.

2005



2004



Khánh thành Trụ sở của Công ty tại số 35 đường Lý Thái Tổ, Bắc Ninh. Thành lập Xí nghiệp ngân giống Pháp tại xã Lạc Vệ, Tiên Du, Bắc Ninh

2003



2002



Khánh thành Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi cao cấp TOPFEEDS công suất 30 tấn/giờ. Đầu tư xây dựng mới Xí nghiệp gà giống gốc ông bà siêu trứng tại xã Lạc Vệ, Tiên Du, Bắc Ninh.

2000



1998



Thành lập Chi nhánh công ty tại Hà Nội và Cửa hàng xăng dầu tại xã Lạc Vệ, Tiên Du, Bắc Ninh.

1996-1997



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN | 8



1. CÁC THÀNH TÍCH TIÊU BIỂU:

Trong quá trình hoạt động và phát triển, Ban lãnh đạo Công ty không ngừng nỗ lực nhằm phát triển Công ty hội nhập vào xu thế mới. Từ năm 1996 đến nay, Công ty đã vinh dự được Đảng, Nhà nước, Chính phủ và các ngành, các cấp trao tặng nhiều danh hiệu, phần thưởng cao quý, cụ thể:



2018

- Tập thể lao động xuất sắc
- Doanh nghiệp có năng lực Quản trị tài chính tốt nhất và đứng đầu ngành Thức ăn gia súc trên sàn chứng khoán Việt Nam
- Doanh nghiệp vì nhà nông
- Bông lúa vàng Việt Nam

2016

- Cờ thi đua của Chính phủ.
- Vinh danh “Doanh nghiệp đồng hành cùng nhà nông” và “Nhà lãnh đạo xuất sắc vì sự nghiệp nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam”.
- Giải thưởng “Top 20 nhãn hiệu hàng đầu Việt Nam năm 2016”.
- Giải thưởng Công ty có trang trại gà đẻ trứng lớn nhất năm 2015-2016.

2014

- Top 100 Sản phẩm, dịch vụ Việt Nam được tin dùng năm 2014.
- Top 30 Doanh nghiệp minh bạch nhất HNX 2013 - 2014 và Top 15 Doanh nghiệp đóng góp tích cực cho TTCK tại HNX từ năm 2009 - 2014.
- Giải thưởng Công ty quản lý, sản xuất và tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi theo chuỗi tốt nhất do Cục Chăn nuôi trao tặng.
- Doanh nghiệp văn hóa vì cộng đồng (Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Trung tâm Văn hóa doanh nhân trao tặng).

2012

- Huân chương lao động hạng Nhất do Chủ tịch nước trao tặng.
- Giải Vàng Chất lượng Việt Nam.
- Top 1000 doanh nghiệp đóng thuế thu nhập nhiều nhất 2012.
- Top 15 cổ phiếu trên sàn HNX được niêm yết trên Sở GDCK Asean (Asean Star) và Top 30 cổ phiếu có tính thanh khoản cao nhất trên sàn Hà Nội (HNX 30).

2017

- Giải thưởng “Top 20 nhãn hiệu hàng đầu Việt Nam năm 2017”
- Giải thưởng “Top 50 công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam”

2015

- Huân chương lao động hạng Nhất (lần 2).
- Danh hiệu “Doanh nghiệp vì nhà nông” và Giải thưởng “Bông lúa vàng Việt Nam” cho sản phẩm “Giống Gà Ja – Dabaco” (Bộ Nông nghiệp & PTNT trao tặng).
- Top 50 thương hiệu có giá trị lớn nhất Việt Nam năm 2015 do Tổ chức định giá Brand Finance (Anh) bình chọn.
- Giải thưởng sản phẩm nông nghiệp tiêu biểu năm 2014 đối với sản phẩm “Trứng Gà Dabaco Omega 3”.

2013

Giải thưởng Asian Feed Miller of the Year 2013

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN | 9



CÁC THÀNH TÍCH TIÊU BIỂU



2008, 2009, 2010
2011, 2012

Chứng nhận 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam



2000 đến 2006
2009 đến 2012

Giải thưởng Chất lượng Việt Nam



2010

- Giải thưởng "Doanh nghiệp Hội nhập và Phát triển".
- Giải thưởng Doanh nghiệp, doanh nhân tiêu biểu 1.000 năm.
- Chứng nhận "Thương hiệu Việt" cho sản phẩm thức ăn hỗn hợp Topfeeds.
- Top 500 thương hiệu Việt hàng đầu Việt Nam 2010.



2011

- Giải thưởng "Sản phẩm, dịch vụ Việt Nam được tin dùng".
- Top 100 hàng Việt Nam tin dùng.
- Chứng nhận sản phẩm thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy cầm đạt danh hiệu "Sản phẩm, dịch vụ Việt Nam được tin dùng".

2009

- Top 50 thương hiệu chứng khoán uy tín trên TTCK Việt Nam.
- Giải thưởng "Doanh nghiệp Hội nhập và Phát triển".
- Giải thưởng "Bông lúa vàng Việt Nam - Thương hiệu Vàng chất lượng"



2008

- Chứng nhận hàng Nông Lâm Thủy sản Việt Nam chất lượng cao và uy tín thương mại.
- Giải thưởng "Bông lúa vàng Việt Nam - Thương hiệu Vàng chất lượng".
- Giải thưởng Thương hiệu Việt Hội nhập WTO.
- Cúp vàng cho sản phẩm Thức ăn đặc biệt cho lợn con tập ăn.
- Giải thưởng - Cúp Vàng "Thương hiệu chứng khoán uy tín & Công ty cổ phần hàng đầu Việt Nam".



2007

- Huân chương lao động hạng nhì.
- Giải thưởng "Bông lúa vàng Việt Nam - Thương hiệu Vàng chất lượng".
- Giải thưởng "Doanh nghiệp hội nhập và phát triển".
- Cúp vàng Chất lượng hội nhập cho sản phẩm TA đậm đặc cho lợn
- Chứng nhận Hàng Việt Nam chất lượng cao cho ngành TACN.
- Giải thưởng "Doanh nhân, doanh nghiệp tiêu biểu Việt Nam Vàng".



2005

- Cúp Vàng "Thương hiệu và Nhân hiệu"
- Cúp vàng Sản phẩm Uy tín Chất lượng cho sản phẩm TACN Topfeeds, Dabaco



2004

- Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu **Anh hùng thời kỳ đổi mới.**
- Giải thưởng Sao Vàng Đất Việt.



2000

- Huân chương lao động hạng ba



2. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH



❖ *Ngành nghề kinh doanh chính:*

- (1) Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản;
- (2) Sản xuất, lai tạo giống gia súc, gia cầm;
- (3) Chăn nuôi gia công lợn và gà thương phẩm, gà đẻ trứng;
- (4) Sản xuất bao bì, kinh doanh dịch vụ, thương mại;
- (5) Giết mổ, chế biến thực phẩm;
- (6) Sản xuất dầu thực vật;
- (7) Sản xuất phân bón hữu cơ, rau an toàn ứng dụng công nghệ cao;
- (8) Kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng hạ tầng;
- (9) Và các lĩnh vực kinh doanh khác.



❖ *Địa bàn hoạt động kinh doanh chính:*



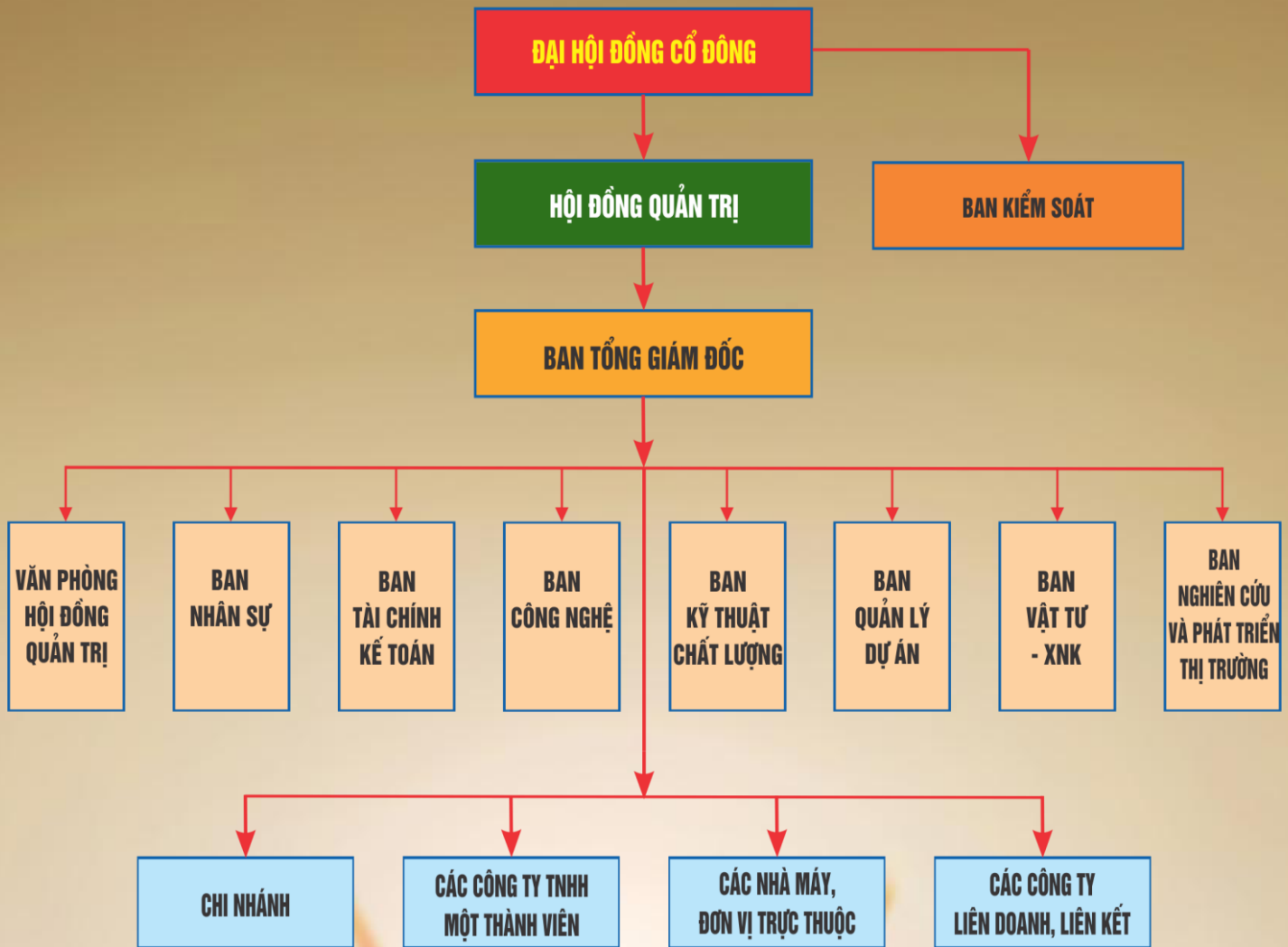
Với mục tiêu đưa thương hiệu Dabaco vươn tầm quốc tế, ngay từ những ngày đầu thành lập, Dabaco luôn mang trong mình khát vọng làm thế nào để sản phẩm, dịch vụ của mình tiếp cận với khách hàng trong và ngoài nước. Để thực hiện hóa được khát vọng đó, Dabaco đã xác định phát triển mạng lưới là một trong những giải pháp chiến lược nhằm đón đầu xu thế phát triển chung của nền kinh tế đất nước để nâng cao thị phần, mở rộng thị trường tạo nền tảng phát triển bền vững.

Trong suốt 23 năm hoạt động, nhận thức được tầm quan trọng của công tác phát triển mạng lưới, Dabaco vượt qua mọi khó khăn, thách thức trên bước đường phát triển, không ngừng đầu tư tại các vùng miền nhằm tối ưu tiềm năng tại các vùng miền.

Nhờ đó, Dabaco hiện đã trở thành Tập đoàn kinh tế đa ngành nghề có mạng lưới hoạt động rộng lớn cả về số lượng và chất lượng; xây dựng được hệ thống đại lý phân phối sản phẩm trải khắp từ Bắc vào Nam, cung cấp ra thị trường toàn quốc các sản phẩm thức ăn chăn nuôi, con giống, trứng gia cầm, thực phẩm chế biến... đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, với chất lượng và các giá trị vượt trội.



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN DABACO VIỆT NAM



Công ty cổ phần Tập đoàn DABACO Việt Nam được tổ chức theo mô hình công ty cổ phần, đứng đầu là Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc. Nhờ vào nền tảng kinh nghiệm cùng với khả năng quản lý, điều hành mang tính đột phá của Ban lãnh đạo, đã thúc đẩy công ty ngày càng phát triển mạnh mẽ cả về quy mô và chất lượng. Hiện nay, Tập đoàn DABACO Việt Nam gồm có các Công ty TNHH một thành viên và các đơn vị trực thuộc hoạt động sản xuất kinh doanh trên nhiều lĩnh vực.

Mô hình quản trị trên đã góp phần nâng cao hiệu quả quản trị của Hội đồng Quản trị đối với bộ máy điều hành; nâng cao hiệu quả trong công tác chỉ đạo chiến lược, quản lý tài chính, rủi ro, nhân sự và đầu tư.

Trong đó, nhiệm vụ và vai trò của các cấp là:

STT	CÁC CẤP	NHIỆM VỤ, VAI TRÒ
1	Đại hội đồng cổ đông:	Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, họp mỗi năm ít nhất 01 lần. ĐHĐCĐ quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. ĐHĐCĐ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát của Công ty.
2	Hội đồng Quản trị:	Hội đồng Quản trị (HĐQT) là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty (trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ). Hiện tại, HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn DABACO Việt Nam có 09 thành viên, nhiệm kỳ là 05 năm. Chủ tịch HĐQT là người đại diện theo pháp luật của Công ty.
3	Ban kiểm soát:	Ban kiểm soát (BKS) là cơ quan trực thuộc ĐHĐCĐ, do ĐHĐCĐ bầu ra. Vai trò của BKS là đảm bảo các quyền lợi của cổ đông và giám sát các hoạt động của Công ty. Hiện nay, BKS Công ty gồm 03 thành viên, có nhiệm kỳ 05 năm. BKS hoạt động độc lập với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.
4	Ban Tổng Giám đốc:	Ban Tổng Giám đốc của Công ty gồm 7 người: Tổng Giám đốc và 6 Phó Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng Giám đốc không đồng thời là Chủ tịch HĐQT. Các Phó Tổng Giám đốc được phân công phụ trách từng lĩnh vực cụ thể, có nhiệm vụ tham mưu, giúp việc cho Tổng Giám đốc theo lĩnh vực được phân công và cùng phối hợp triển khai nhiệm vụ chung của Ban Tổng Giám đốc.



ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

Nhà máy Chế biến thức ăn chăn nuôi cao cấp DABACO

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Khắc Niệm, TP. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất thức ăn chăn nuôi

Điện thoại: 0222.3821243 Fax: 0222.3737526



Nhà máy Chế biến thức ăn chăn nuôi cao cấp TOPFEEDS

Địa chỉ: Khu công nghiệp Khắc Niệm, TP. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất thức ăn chăn nuôi

Điện thoại: 0222.3829434 Fax: 0222.3829759



Nhà máy Chế biến thức ăn chăn nuôi Kinh Bắc

Địa chỉ: Khu công nghiệp Khắc Niệm, TP. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất thức ăn chăn nuôi

Điện thoại: 0222.3825111 Fax: 0222.3825112



Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi DABACO Hoàn Sơn

Địa chỉ: KCN Đại Đồng - Hoàn Sơn, xã Hoàn Sơn, Tiên Du, Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất thức ăn chăn nuôi

Điện thoại: 0222.3848202 Fax: 0222.3848201



Chi nhánh Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 22 ấp 4, Đường số 18, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, TP.HCM

Ngành nghề kinh doanh chính: Kinh doanh nguyên liệu chế biến sản xuất TACN; Kinh doanh vật tư thiết bị, hóa chất phục vụ sản xuất nông, công nghiệp; ...

Điện thoại: 028 54318385 Fax: 028 54317382



Trung tâm Chẩn đoán thú y DABACO

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Khắc Niệm, TP. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh chính: Hoạt động thú y, chẩn đoán bệnh động vật đưa ra phác đồ điều trị, dịch vụ kiểm tra, khám chữa bệnh động vật, tiêm chủng, dịch vụ thú y lưu động.

Điện thoại: 0222.3717358 Fax: 0222.3717359



Cửa hàng xăng dầu

Địa chỉ: Xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh chính: Đại lý và kinh doanh xăng dầu.

Điện thoại: 0222.3723671



CÔNG TY TNHH MTV DO DABACO LÀM CHỦ SỞ HỮU

Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển chăn nuôi gia công

Địa chỉ: Cụm công nghiệp, xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh: Chăn nuôi và các hoạt động hỗ trợ chăn nuôi

Điện thoại: 0222.723523 Fax: 0222.723524



Công ty TNHH Đầu tư phát triển chăn nuôi lợn DABACO

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp, xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh: Chăn nuôi và các hoạt động hỗ trợ chăn nuôi. Chăn nuôi lợn, lợn thịt, lợn sữa, lợn giống.

Điện thoại: 0222.3724320 Fax: 0222.3724321



Công ty TNHH MTV Gà giống DABACO

Địa chỉ: Thôn Hộ vệ, xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh: Chăn nuôi và kinh doanh giống gia cầm.

Điện thoại: 0222.3723713 Fax: 0222.3723764



Công ty TNHH MTV Lợn giống Lạc Vệ

Địa chỉ: Thôn Hộ vệ, xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh chính: Chăn nuôi lợn.SXKD lợn giống, lợn thịt, tinh lợn. Hoạt động dịch vụ chăn nuôi.

Điện thoại: 0222.3723938 Fax: 0222.3723522



Công ty TNHH Lợn giống Hạt nhân DABACO

Địa chỉ: Xã Tân chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

Ngành nghề chính: Chăn nuôi gia súc, gia cầm; lợn giống, lợn thịt, tinh lợn, trâu, bò. Sản xuất, nuôi giữ đàn lợn giống gốc.

Điện thoại: 0222.3721649 Fax: 0222.3721648



Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao DABACO

Địa chỉ: Thôn Hộ Vệ, xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất, KD rau an toàn ứng dụng công nghệ cao

Điện thoại: 0222.3724138 Fax: 0222.3724126



Công ty TNHH MTV Thương Mại Hiệp Quang

Địa chỉ: Khu công nghiệp Khắc Niệm, TP. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

Ngành nghề chính: Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bao bì từ nhựa PP, PE, composit....

Điện thoại: 0222.3717256 Fax: 0222.3717269



Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Bắc Ninh

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Khắc Niệm, xã Khắc Niệm, thành phố Bắc Ninh

Ngành nghề chính: Mua bán xuất nhập khẩu nguyên liệu sản xuất TACN, kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng, siêu thị, trung tâm thương mại,...

Điện thoại: 0222.3717388 Fax: 0222.3717377



Siêu thị Dabaco Lạc Vệ:

Địa chỉ: Phố Lạc Vệ, xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh
Điện thoại: 0222.3720999 Fax: 0222.3720979



Siêu thị Dabaco Lý Thái Tổ

Địa chỉ: Đường Lý Thái Tổ, TP Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
Điện thoại: 0222.3737989 Fax: 0222.3737969



Siêu thị Dabaco Nguyễn Cao

Địa chỉ: Đường Nguyễn Cao, P Ninh Xá, TP Bắc Ninh
Điện thoại: 0222.3692666



Siêu thị Dabaco Gia Bình

Địa chỉ: Thị trấn Đông Bình, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh
Điện thoại: 0222.3670799



Trung tâm thương mại DABACO Từ Sơn

Địa chỉ: Đường Lý Thái Tổ, P.Đình Bảng, TX. Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh
Điện thoại: 0222.3859888



Trung tâm thương mại DABACO Quê Võ

Địa chỉ: xã Phương Mao, huyện Quê Võ, tỉnh Bắc Ninh

Điện thoại: 0222.3624999



Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng DABACO

Địa chỉ: Huyện Quang, Ninh Xá, TP Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh chính: Xây dựng công trình, nhà các loại, phá dỡ, lắp đặt hệ thống điện, cấp thoát nước, kinh doanh vật liệu xây dựng, tư vấn và quản lý dự án đầu tư, mua bán và cho thuê xe, máy móc, thiết bị ngành xây dựng,...

Điện thoại: 0222.3813713 Fax: 0222.3813714



Công ty TNHH Cảng DABACO Tân Chi

Địa chỉ: Xã Tân Chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh chính: Vận tải hàng hóa, cho thuê và kinh doanh dịch vụ cầu cảng bên bãi...

Điện thoại: 0222.3724398 Fax: 0222.3724399



Công ty TNHH Nutreco

Địa chỉ: KCN Đại Đồng - Hoàn Sơn, Xã Hoàn Sơn, Tiên Du, Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất thức ăn chăn nuôi

Điện thoại: 0222.3847997 Fax: 0222.3847994



Công ty TNHH thức ăn chăn nuôi Nasaco Hà Nam

Địa chỉ: KCN Hòa Mạc, Thị trấn Hòa Mạc, Duy Tiên, Hà Nam

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất thức ăn chăn nuôi



Công ty TNHH Lợn giống Dabaco Phú Thọ

Địa chỉ: Khu 1 Xã Tề Lễ, Tam Nông, Phú Thọ

Ngành nghề kinh doanh chính: Chăn nuôi lợn

Điện thoại: 0210 3 821 821



Công ty TNHH Lợn giống Dabaco Hà Nam

Địa chỉ: Thượng Vỹ, Nhân Chính, Lý Nhân, Hà Nam

Ngành nghề kinh doanh chính: Chăn nuôi lợn



Công ty TNHH Lợn giống Dabaco Hải Phòng

Địa chỉ: Trại Viên, Lưu Kiếm, Thủy Nguyên, TP Hải Phòng

Ngành nghề kinh doanh chính: Chăn nuôi lợn

Điện thoại: 0982.993.707



Công ty TNHH Du lịch & Khách sạn Le Indochina

Địa chỉ: Số 45 Nguyễn Đăng Đạo, TP Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh chính: Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống.

Điện thoại: 090 3 413 878



Công ty TNHH Dầu thực vật Dabaco

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Tân Chi, xã Tân Chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật, Trồng cây có hạt chứa dầu; Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh; Hoạt động dịch vụ trồng trọt.

Điện thoại: 0222 3 895 111



Công ty TNHH phân bón hữu cơ Việt Nhật

Địa chỉ: Khu Sơn, Phường Hạp Lĩnh, TP Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ; Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón; Khai thác và thu gom than bùn; Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác;...

Điện thoại: 0222 3 826 077



Công ty TNHH DABACO Bình Phước

Địa chỉ: Ấp Suối Đồi, xã Tân Hưng, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước

Ngành nghề kinh doanh chính: Chăn nuôi gia cầm

Điện thoại: 0903 280 007



Công ty TNHH DABACO Tuyên Quang

Địa chỉ: Thông Địa Trung, xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang

Ngành nghề kinh doanh chính: Chăn nuôi lợn.

Điện thoại: 0919 588 286



Công ty TNHH Đầu tư nhà ở xã hội Thuận Thành

Địa chỉ: Thôn Ấp, thị trấn Hồ, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh chính: kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê

Điện thoại: 0222 3737855



Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển cụm công nghiệp Khúc Xuyên

Địa chỉ: Khu Khúc Toại, phường Khúc Xuyên, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh chính: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác

Điện thoại: 0222 3 737 855



CÁC DOANH NGHIỆP DỰ ÁN:

Công ty TNHH Xây dựng Đường từ Đền Đô đến Đường Vành đai III và TL295B Từ Sơn

Địa chỉ: Đường Lý Thái Tổ, TP Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh chính: Xây dựng công trình, nhà các loại, phá dỡ, lắp đặt hệ thống điện, kinh doanh bất động sản, tư vấn, mô giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất,....

Điện thoại: 0222.3737855 – 3895111 Fax: 0222.3825496

Công ty TNHH Xây dựng Hồ Điều Hoà Văn Miếu Bắc Ninh

Địa chỉ: Đường Lý Thái Tổ, TP Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh chính: Xây dựng công trình, nhà các loại, phá dỡ, lắp đặt hệ thống điện, kinh doanh bất động sản, tư vấn, mô giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất,....

Điện thoại: 02223737855 – 3895111 Fax: 0222.3825496

Công ty TNHH Xây dựng Đường Kinh Dương Vương 3 và Đường Trường Chinh

Địa chỉ: Đường Lý Thái Tổ, TP Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh chính: Xây dựng công trình, nhà các loại, phá dỡ, lắp đặt hệ thống điện, kinh doanh bất động sản, tư vấn, mô giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất,....

Điện thoại: 02223895111 Fax: 0222.3825496

Công ty TNHH Xây dựng Đường H2 Thành Phố Bắc Ninh

Địa chỉ: Số 35, đường Lý Thái Tổ, Phường Võ Cường, Thành phố Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh chính: Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ

Điện thoại: 0222 3 737 855



4. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

❖ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty



Về sản phẩm:

- Cung cấp những sản phẩm đảm bảo an toàn, tuân thủ các tiêu chuẩn và qui định, với giá trị và chất lượng vượt trội.
- Đa dạng hóa sản phẩm; tích cực nghiên cứu, phát triển các dòng sản phẩm mới, độc đáo, các sản phẩm có giá trị gia tăng cao.

Về quy mô sản xuất:

- Tất cả các cơ sở sản xuất kinh doanh được đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và các trang thiết bị hiện đại, tính tự động hóa cao; môi trường làm việc sạch sẽ, gọn gàng, ngăn nắp tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ công nhân viên làm việc chất lượng, hiệu quả, năng suất cao.

Về hiệu quả sản xuất kinh doanh:

- Tăng cường hoạt động nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất, chăn nuôi; nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm; tiết kiệm triển để; mang lại hiệu quả cho Công ty, cổ đông và người lao động.

Phát triển mạnh mẽ chuỗi giá trị 3F:

- Mở rộng qui mô sản xuất, nâng cao sản lượng, chất lượng, đa dạng hóa các sản phẩm của mô hình chuỗi giá trị 3F (Farm – Feed – Food), đồng thời không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động kinh doanh của công ty.

Hệ thống quản lý chất lượng:

- Xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001, hệ thống quản lý an toàn thực phẩm theo ISO 22000, HACCP, tiêu chuẩn GMP (đối với Nhà máy chế biến thực phẩm), tiêu chuẩn Halal và chương trình thực hành tốt 5S tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh nhằm đạt được mục tiêu ngày càng thỏa mãn tốt hơn nhu cầu của khách hàng.

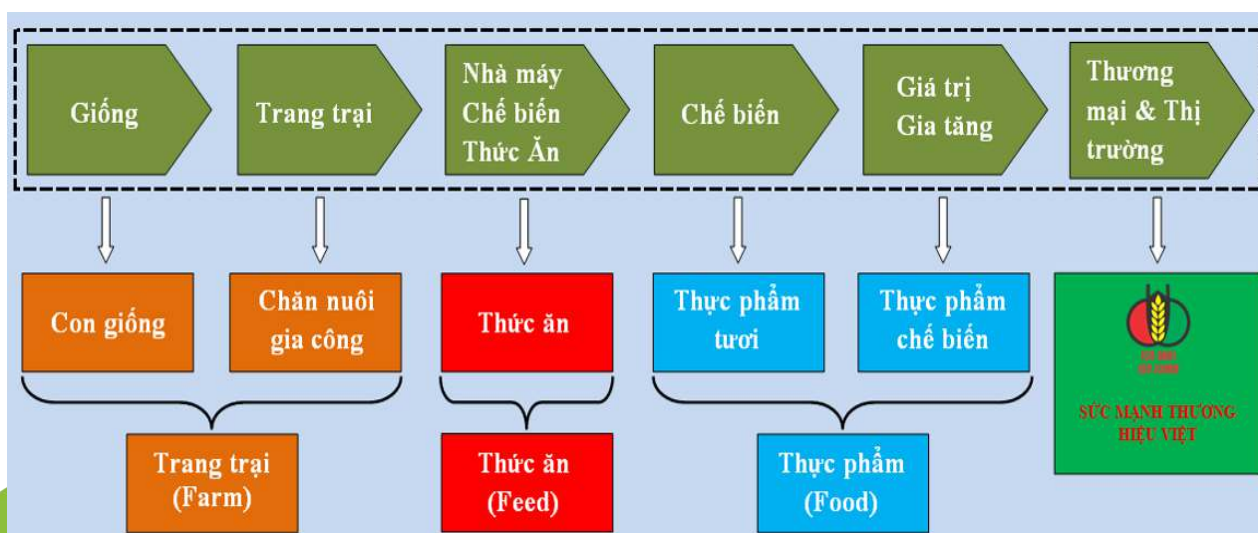
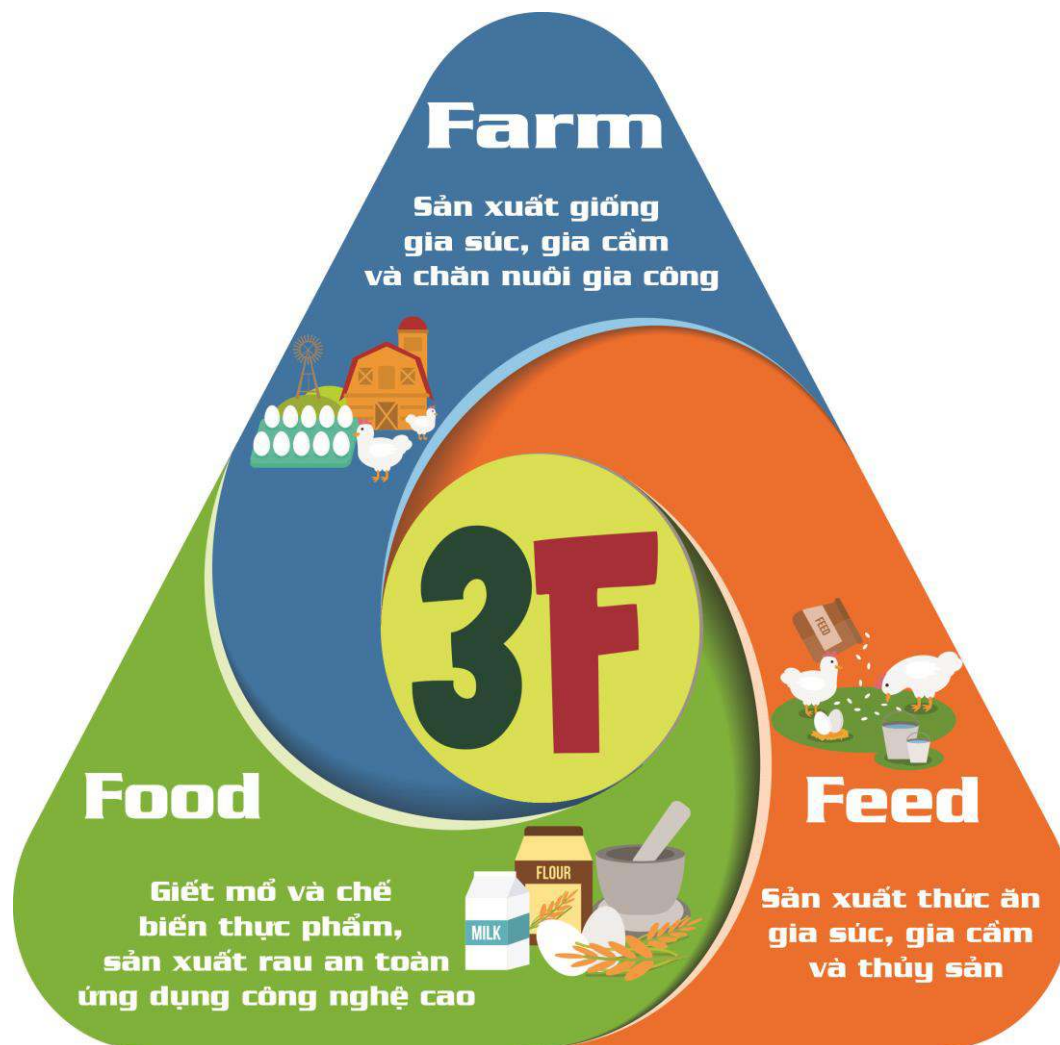


ISO 22000:2005



❖ **Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

Phát triển thành Tập đoàn kinh tế vững mạnh trong lĩnh vực nông nghiệp - thực phẩm ứng dụng công nghệ cao theo mô hình sản xuất tiên tiến, khép kín (**mô hình 3F**) gồm: “**Sản xuất giống gia súc, gia cầm và chăn nuôi gia công (Farm - Trang trại)** - **Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (Feed - Thức ăn)** - **Giết mổ và chế biến thực phẩm, sản xuất rau an toàn ứng dụng công nghệ cao (Food - Thực phẩm)** song song với phát triển hệ thống bán lẻ hiện đại theo mô hình Siêu thị và Cửa hàng thực phẩm sạch DABACO”.



❖ **Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) của Công ty:**

Nhận thức bảo vệ môi trường là một nhiệm vụ quan trọng trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp, tất cả các nhà máy sản xuất, đơn vị chăn nuôi của công ty đều được đầu tư hệ thống xử lý môi trường hiện đại, tuân thủ đúng các tiêu chuẩn về môi trường theo qui định hiện hành. Công ty luôn đảm bảo việc phát triển kinh doanh gắn liền với việc đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

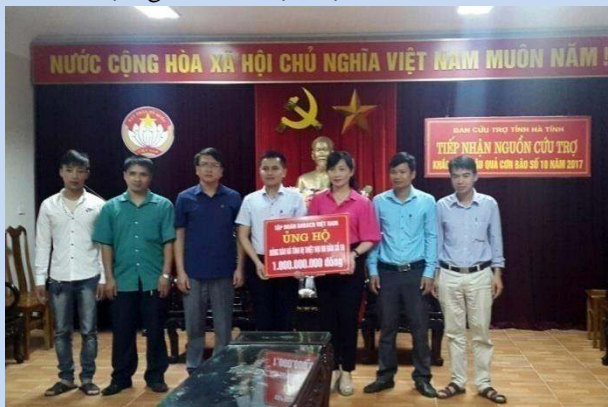
Bên cạnh đó, Công ty còn chú trọng đến trách nhiệm của mình đối với xã hội thông qua những hoạt động tài trợ, khuyến khích CBCNV, ban lãnh đạo đóng góp cho các chương trình từ thiện. Bằng cách này, công ty luôn đặt mục tiêu đóng góp nhiều nhất trong trách nhiệm xã hội của mình.



Tập đoàn DABACO Việt Nam tặng quà cho cách hộ nghèo xã Lạc Vệ, TP. Bắc Ninh



Tập đoàn DABACO Việt Nam trao học bổng ƯỚC MƠ LỚN tại Yên Phong – Bắc Ninh



Tập đoàn Dabaco Việt Nam trao 1 tỷ đồng ủng hộ đồng bào bị ảnh hưởng do bão số 10 tại tỉnh Hà Tĩnh



Đoàn Thanh niên Tập đoàn Dabaco Việt Nam thăm và tặng quà cho các bệnh nhân đang điều trị tại Bệnh viện Phong và Da liễu tỉnh Bắc Ninh



5. CÁC RỦI RO

STT	Tên rủi ro	Mô tả rủi ro	Biện pháp kiểm soát
1	Rủi ro dịch bệnh đàn vật nuôi	Điều kiện thời tiết biến đổi bất thường và dịch bệnh thường xuyên được xem là một trong các rủi ro không thể tránh khỏi mà các công ty trong ngành chăn nuôi nói chung và Tập đoàn DABACO Việt Nam nói riêng phải đối mặt. Hiện nay, vấn đề biến đổi khí hậu đang càng ngày trở nên phức tạp	Công ty luôn chú trọng công tác vệ sinh, bảo đảm kiểm soát chặt chẽ quy trình chăn nuôi an toàn sinh học và theo các tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001, tiêu chuẩn ISO 22000, HACCP, GMP và chương trình thực hành tốt 5S nhằm chủ động kiểm soát và khống chế các dịch bệnh nguy hiểm trên đàn gia súc, gia cầm; đồng thời bảo đảm sản phẩm lợn, gà cung cấp ra thị trường luôn sạch, khoẻ mạnh và an toàn vệ sinh thực phẩm.
2	Rủi ro về nhân sự	Khoa học kỹ thuật tiên tiến đòi hỏi lao động phải có trình độ kỹ thuật cao, bên cạnh đó, tình hình nhảy việc của lao động trẻ càng cao khiến Công ty mất nhiều thời gian và chi phí đào tạo.	Trang thiết bị hiện đại đòi hỏi người lao động phải có trình độ cao, đặt ra nhu cầu phải đào tạo liên tục để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và tạo điều kiện thuận lợi cho đội ngũ cán bộ tiếp cận tiến bộ khoa học kỹ thuật. Bên cạnh đó phải có cơ chế thu hút và giữ chân người tài, đặc biệt là đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật nhằm đáp ứng nhu cầu về nhân sự do mở rộng lĩnh vực sản xuất kinh doanh của công ty.
3	Rủi ro cạnh tranh	Rủi ro trong việc đánh mất lợi thế cạnh tranh, khi mức độ tăng trưởng của ngành giảm và khi nhiều đối thủ cạnh tranh ngày càng cải tiến sự khác biệt của họ	Kế hoạch chiến lược đã được thiết lập, truyền thông đến các bên liên quan và giao cho phòng Hoạch định Chiến lược giám sát thực hiện. Danh mục các Dự án chiến lược cũng được phê duyệt, triển khai và giám sát tình hình thực hiện.
4	Biến động tỷ giá	Biến động ngoại tệ là một trong những rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bởi vì phần lớn nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi của Công ty được nhập khẩu từ nước ngoài và thanh toán bằng Đô la Mỹ.	Lập nhu cầu ngoại tệ, chuẩn bị ngoại tệ dự trữ, dự báo theo dõi và phân tích các biến động tỷ giá để cân đối nhu cầu và điều chỉnh kế hoạch tương ứng.



II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2018.

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Mặc dù năm 2018, ngành nông nghiệp đã có những tín hiệu phát triển tích cực, tuy nhiên, tăng trưởng của ngành còn tiềm ẩn yếu tố thiếu bền vững, như: biến đổi khí hậu diễn biến khó lường; kinh tế hộ nhỏ lẻ cản trở quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, gây khó khăn cho ứng dụng khoa học công nghệ, cơ giới hóa các khâu của quá trình sản xuất; thị trường tiêu thụ nông sản thiếu ổn định, chưa đáp ứng được sức sản xuất lớn và đang tăng của nền nông nghiệp hàng hóa dẫn đến có lúc, có nơi xảy ra tình trạng dư thừa cục bộ một vài sản phẩm nông nghiệp; trình độ lao động ngành nông nghiệp, nông thôn còn ở mức thấp. Bên cạnh đó, chất lượng và khả năng cạnh tranh một số sản phẩm nông sản chưa cao; chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào công nghiệp chế biến sản phẩm nông lâm thủy sản chưa đủ mạnh, thiếu doanh nghiệp đủ sức dẫn dắt thị trường quốc tế; công tác quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm nông lâm thủy sản còn nhiều bất cập.

Đối với Tập đoàn Dabaco Việt Nam, một doanh nghiệp hoạt động trong toàn bộ chuỗi giá trị khép kín của ngành thì việc chịu tác động từ thị trường là điều không thể tránh khỏi. Tất cả các hoạt động trong ngành từ thức ăn chăn nuôi, giống, chăn nuôi tập trung, thực phẩm... đều bị tác động. Tuy nhiên, vượt qua những khó khăn, thách thức đó, với sự chỉ đạo trực tiếp, sát sao của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc, sự nỗ lực không ngừng của các đơn vị trong việc nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ cao vào sản xuất, chăn nuôi, nâng các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật đạt mức tiên tiến của thế giới, liên tục cải tiến, nâng cao năng suất, chất lượng, hạ giá thành sản phẩm nên hoạt động sản xuất kinh doanh vẫn được duy trì và có những bước đột phá.

❖ Lĩnh vực sản xuất và tiêu thụ thức ăn chăn nuôi:

Nửa đầu năm 2018, lĩnh vực sản xuất thức ăn chăn nuôi chịu nhiều tác động từ sự biến động chung của ngành chăn nuôi như: giá nguyên liệu thô đầu vào và thị trường tiêu thụ, đặc biệt là giá thịt lợn giảm sâu từ đầu năm khiến người chăn nuôi chịu thua lỗ, giảm đàn hoặc thay đổi cơ cấu thức ăn, dẫn đến sản lượng tiêu thụ gặp nhiều khó khăn. Đến Quý III, khi người dân bắt đầu tái đàn, lĩnh vực sản xuất và tiêu thụ thức ăn chăn nuôi đã có những bước phát triển ngoạn mục, nhiều đơn vị trong Tập đoàn vượt kế hoạch được giao.

Về sản xuất thức ăn chăn nuôi, sản lượng sản xuất của các nhà máy của Tập đoàn thực hiện đạt 93% kế hoạch. Trong đó, nhà máy Dabaco Hoàn Sơn vượt kế hoạch được giao, đạt 103% kế hoạch.

Đối với tiêu thụ thức ăn chăn nuôi, năm 2018, sản lượng thức ăn tiêu thụ của tập đoàn đạt 95% kế hoạch. (trong đó, sản lượng bán ra thị trường đạt 86% kế hoạch, tăng 6,7% so với năm 2017).

Nhằm nâng cao vị thế cạnh tranh trên thị trường, đội ngũ cán bộ nghiên cứu và phát triển sản phẩm của Công ty đã không ngừng sáng tạo, cải tiến chất lượng, cho ra đời các



sản phẩm mới như bộ sản phẩm thức ăn cho Gà trắng siêu thịt giai đoạn vỗ béo....đáp ứng tốt nhu cầu và thị hiếu người chăn nuôi.



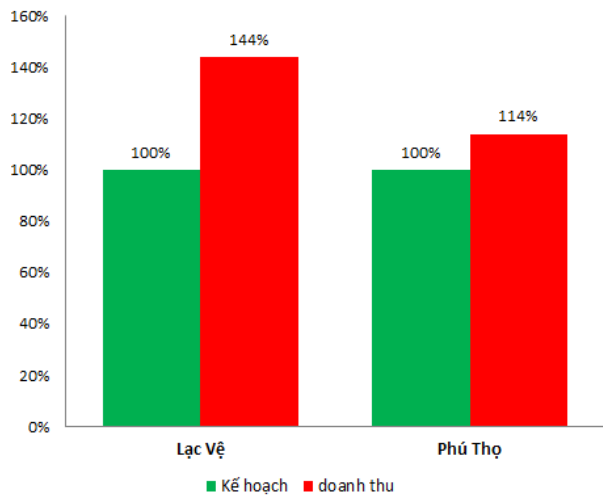
Trung tâm điều khiển

Giám sát dây chuyền sản xuất

Quy trình đóng gói sản phẩm

❖ Lĩnh vực sản xuất và tiêu thụ con giống (gà giống, lợn giống):

Năm 2018, các công ty sản xuất lợn giống của Tập đoàn đều hoạt động ổn định và đem lại lợi nhuận cao. Mặc dù thiệt hại do giá giảm sâu kéo dài từ năm 2017 đến những tháng đầu năm 2018, song nhờ sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của ban lãnh đạo tập đoàn, tạo mọi điều kiện về cơ sở vật chất cũng như cải tiến khoa học kỹ thuật, các chỉ tiêu kỹ thuật chính trong chăn nuôi như tỷ lệ đẻ, tỷ lệ sống, tỷ lệ cai sữa... đều đạt tốt, năng suất và chất lượng con giống luôn được cải tiến, được người chăn nuôi tin tưởng, lựa chọn. Một số công ty lợn giống đã vượt kế



(Cơ cấu doanh thu 2 công ty lợn giống của Tập đoàn Dabaco)

hoạch đề ra như: Công ty TNHH Lợn giống Lạc Vệ có sản lượng lợn con sản xuất đạt 121% kế hoạch, doanh thu vượt 144% kế hoạch, công ty Lợn giống Phú Thọ có sản lượng con giống sản xuất đạt 112% kế hoạch, doanh thu vượt 114% kế hoạch,...Sang những tháng đầu năm 2019, các công ty lợn giống chịu ảnh hưởng từ đại dịch tả lợn Châu Phi. Đây là khó khăn và thách thức lớn cho toàn ngành chăn nuôi cả nước. Ban lãnh đạo Tập đoàn đã lường trước được sự nguy hiểm của dịch nên chỉ đạo các đơn vị thực hiện nghiêm ngặt quy trình kiểm soát dịch quyết tâm không để dịch tả xuất hiện tại các trại

Đối với gà giống, năm 2018, bên cạnh các giống gà màu đã khẳng định được vị thế trên thị trường như Gà Ji Dabaco, Gà Nòi Dabaco... Công ty gà giống đã lai tạo thành công và được thị trường ưa chuộng giống gà Tân Hồ. Ngoài ra, Công ty đã nuôi và bán ra thị trường giống gà Mía thuần, Nòi thuần và Hồ thuần, đáp ứng nhu cầu thị trường và phát triển các giống gà bản địa với nhiều đặc tính ưu việt.



Tháng 3/2018, Tập đoàn khai trương và đưa vào hoạt động Trung tâm gà giống gốc Dabaco Yên Thế với quy mô lớn và hiện đại. Trung tâm Gà giống gốc Dabaco Yên Thế được xây dựng trên diện tích đất gần 5 ha thuộc Bản Rừng Dài, xã Tam Tiến, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang, gồm các hạng mục chuồng trại thiết bị hiện đại hàng đầu thế giới hiện nay như: Hệ thống 7 dãy nhà nuôi khép kín có công suất nuôi dưỡng khoảng 60.000 con gà giống gốc, mỗi năm sản xuất khoảng 5 triệu con gà giống bố mẹ; Khu nhà ấp nở trứng; Khu nhà điều hành 2 tầng; Khu nhà ăn, nhà nghỉ của cán bộ công nhân viên; Kho chứa cám, dụng cụ; Trạm xử lý nước sạch, trạm biến áp; Hệ thống xử lý môi trường và nhiều công trình phụ trợ khác.



Toàn bộ hệ thống lồng chuồng, trang thiết bị chăn nuôi và ấp nở của Trung tâm Gà giống gốc Dabaco Yên Thế đều được nhập khẩu hoàn toàn từ châu Âu và Mỹ, kết nối với hệ thống máy tính điều khiển trung tâm và được vận hành theo phần mềm đã cài đặt sẵn. Gà giống gốc cụ kỵ, ông bà được nuôi hoàn toàn trên hệ thống lồng, cho ăn, uống tự động, thụ tinh nhân tạo, các chỉ số về nhiệt độ, độ ẩm, thông thoáng, CO₂, ánh sáng...

được kiểm soát một cách tối ưu cho sinh trưởng và sản xuất theo sinh lý từng độ tuổi, giống gà. Hệ thống phần mềm thông minh được lập trình vận hành đảm bảo sử dụng điện năng một cách hiệu quả và tiết kiệm nhất.

Bên cạnh đó, Công ty còn hợp tác chiến lược về công nghệ làm giống với nước ngoài để nghiên cứu, áp dụng những tiên bộ mới nhất về di truyền phân tử và di truyền số lượng trong công tác chọn tạo và cải tiến các giống gà nhằm không ngừng tạo ra các giống gà bố mẹ có năng suất và chất lượng vượt trội. Nguồn giống gà bố mẹ của Trung tâm sản xuất ra được cung cấp chủ yếu cho các trại giống bố mẹ của Tập đoàn và các trang trại làm giống trên phạm vi cả nước.

Đặc biệt, Trung tâm Gà giống gốc Dabaco Yên Thế cũng là cơ sở quan trọng thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu, bảo tồn và phát triển nguồn gen, giống gà quý hiếm, tạo ra nguồn giống chất lượng cao phục vụ cho tỉnh Bắc Giang nói riêng và ngành chăn nuôi cả nước nói chung. Từ đó, định hướng Tập đoàn Dabaco phát triển theo chuỗi giá trị một cách bền vững trong làn sóng cách mạng công nghệ 4.0 hiện nay.



❖ Lĩnh vực chăn nuôi gà đẻ trứng:



Bên cạnh các sản phẩm trứng gà tươi thông dụng, công ty tiêu thụ mạnh mẽ bộ 4 sản phẩm trứng giá trị gia tăng gồm Omega 3, DHA, Selen và Trứng gà vỏ xanh. Hiện tại, các sản phẩm trứng của công ty đã được phân phối ở hầu hết các tỉnh miền Bắc và miền Trung. Mục tiêu của công ty phấn đấu đạt được 40% là các sản phẩm trứng giá trị gia tăng. Đặc biệt, công ty còn hợp tác với Viện dinh dưỡng Quốc gia tiến hành nghiên cứu, ứng dụng đề tài khoa học nhằm tạo ra các sản phẩm trứng có giá trị dinh dưỡng cao, có lợi cho sức khỏe người tiêu dùng.



Hiện tại, công ty đã cho ra mắt sản phẩm trứng gà ăn liền bổ sung một số thảo dược quý, đảm bảo dinh dưỡng, tiện lợi, an toàn, đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng, được sản xuất trên dây chuyền công nghệ hiện đại, đồng bộ, kiểm soát chặt chẽ về vệ sinh an toàn thực phẩm từ khâu lựa chọn giống, thức ăn – chăn nuôi gà đẻ trứng – thu trứng bằng hệ thống băng tải tự động – xử lý và khử trùng trứng bằng tia cực tím – đưa

vào dây chuyền chế biến, kết hợp với các bí quyết về công thức và gia vị, tạo ra sản phẩm trứng ăn liền độc đáo.

❖ Lĩnh vực chăn nuôi lợn thịt:

Năm 2018, lĩnh vực chăn nuôi lợn thịt dần được phục hồi nhờ vào giá bán lợn thịt khá tốt trong 2 quý cuối năm. Trong năm, công ty đã thực hiện được một số chỉ tiêu kỹ thuật trong chăn nuôi lợn nái như: số con cai sữa/nái/năm đạt 102% kế hoạch, tăng 3,7% so với năm 2017. Doanh thu lĩnh vực chăn nuôi lợn thịt 2018 đạt 127 % so với năm 2017.

Nhằm kiểm soát chặt chẽ các chi phí trong chăn nuôi, đảm bảo chất lượng sản phẩm từ đầu vào cho đến đầu ra, năm 2018, Tập đoàn đã đi vào hoạt động Khu chăn nuôi lợn thịt tập trung trên diện tích 43 ha tại huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang, với quy mô 43.000 con lợn thịt và 1.500 con lợn nái thường xuyên, hứa hẹn sẽ đem lại hiệu quả tích cực cho tập đoàn.





❖ **Lĩnh vực chế biến thực phẩm:**

Năm 2018, lĩnh vực chế biến thực phẩm cũng gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của ngành chăn nuôi, giá thịt, trứng giảm sâu trong 2 quý đầu năm cũng khiến cho giá các sản phẩm chế biến từ thịt bị giảm và tiêu thụ khó khăn. Mặc dù vậy, Công ty cũng nhận thức rõ đây là khâu hết sức quan trọng trong chuỗi 3F và phù hợp với xu thế tiêu dùng hiện đại, nhằm kiểm soát chặt chẽ các sản phẩm đến tận tay người tiêu dùng đảm bảo dinh dưỡng và an toàn vệ sinh thực phẩm.



❖ Lĩnh vực thương mại và dịch vụ:

Hệ thống siêu thị, Trung tâm thương mại hoạt động ổn định trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh. Hoạt động của các Siêu thị, Trung tâm thương mại đã đóng góp tích cực vào mục tiêu trọng tâm phát triển thương mại, dịch vụ cho Đô thị loại I của Tỉnh; đồng thời góp phần xây dựng thói quen tiêu dùng văn minh, hiện đại, nâng cao chất lượng sống của nhân dân. Trong đó Trung tâm Thương mại DABACO Từ Sơn được



xây dựng trên khu đất có diện tích gần 20.000 m² được thiết kế 2 tầng nổi theo mô hình phức hợp đa chức năng gồm: Hệ thống siêu thị với trên 50.000 mặt hàng, Hệ thống rạp chiếu phim theo chuẩn CGV, Nhà hàng Lotteria, Fitness Center, Khu vui chơi trẻ em, Nhà sách, Nhà hàng Café Phong Thủy... Đây là Trung tâm thương mại quy mô lớn và hiện đại bậc nhất tỉnh Bắc Ninh tính đến thời điểm hiện tại.



Tháng 4/2018, Tập đoàn Dabaco tổ chức Võ tại khu đô thị mới Quê Võ, huyện Quê

khai trương trung tâm thương mại Dabaco Quê Võ, tỉnh Bắc Ninh. Trung tâm Thương mại DABACO Quê Võ được đầu tư xây dựng trên khu đất có diện tích gần 20.000 m², được thiết kế theo mô hình phức hợp đa chức năng bao gồm: Siêu thị, Rạp chiếu phim, các Nhà hàng, Trung tâm thể thao đa năng (Dabaco Fitness), Khu vui chơi giải trí, các Shop hàng thời trang, thiết bị chăm sóc sức khỏe...



Trung tâm thương mại Dabaco Quê Võ được quy hoạch và đầu tư bài bản, hợp lý giữa các khu mua sắm, ẩm thực, vui chơi giải trí với hệ thống đường giao thông nội bộ, sân vườn,

cây xanh, tạo nên không gian xanh – sạch – đẹp, hiện đại và đẳng cấp.



Hệ thống siêu thị bán lẻ được thiết kế khoa học tại tầng 1 Tòa nhà với qui mô trên 50.000 mặt hàng, được bố trí theo từng ngành hàng từ thời trang, mỹ phẩm, điện tử, nội thất, trang trí, đồ gia dụng, thực phẩm, tiêu dùng, cho đến các thiết bị và sản phẩm chăm sóc sức khỏe – sắc đẹp... tại đây, quý khách có thể lựa chọn những sản phẩm, thương hiệu có uy tín trong nước và quốc tế. Đặc biệt, Siêu

thị bố trí riêng một khu chế biến thực phẩm sạch, thực phẩm đông lạnh, các sản phẩm

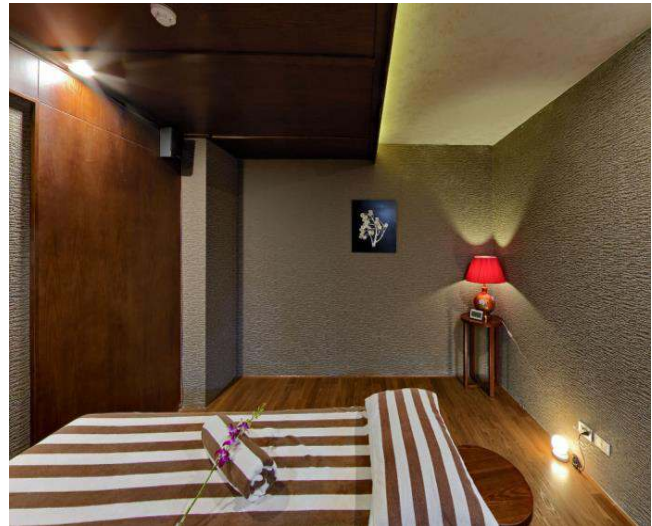


nông sản được sản xuất theo phương pháp hữu cơ, các sản phẩm được xác nhận an toàn theo chuỗi của Dabaco, quầy sản xuất bánh mì... đáp ứng nhu cầu cấp bách về thực phẩm an toàn của đông đảo người tiêu dùng hiện nay.



Bên cạnh hoạt động kinh doanh Siêu thị, trung tâm thương mại, Dabaco còn đẩy mạnh hoạt động kinh doanh Nhà hàng, khách sạn. Hiện tại, hai nhà hàng bao gồm: Nhà hàng Hương Dương, nhà hàng Dabaco đều tích cực đổi mới, cải cách, nâng cao chất lượng dịch vụ, thu hút thực khách gần xa đến thưởng thức các món ăn đặc sản địa phương, đặc sản dân tộc,...

Ngoài ra, khách sạn Le Indochina Hotel & Spa trực thuộc Tập đoàn DABACO Việt Nam là khách sạn đầu tiên của tỉnh Bắc Ninh được Tổng cục Du lịch - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Việt Nam cấp chứng nhận đạt chuẩn 5 sao. Khách sạn có 15 tầng với hệ thống Phòng nghỉ hạng sang trọng được thiết kế đa dạng từ chất lượng tiêu chuẩn đến cao cấp. Trang thiết bị nội thất tinh tế, hiện đại cùng với các dịch vụ bao gồm: Nhà hàng Âu và Á, Nhà hàng Buffet, Nhà hàng Nhật Bản - Hàn Quốc; Phòng hội thảo Quốc tế, Hội trường, Trung tâm tổ chức tiệc cưới, Century 14 Bar, Phòng Karaoke, Beauty Salon, Spa, xông hơi đá muối Hamalaya, Bể bơi bốn mùa, Phòng tập Gym... Dịch vụ phòng 24/24 tạo nên không gian thư giãn tinh tế, độc đáo và những tiện ích đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng trong và ngoài nước.



❖ Lĩnh vực sản xuất bao bì và bạt nhựa:



Năm 2018, Nhà máy bao bì Hiệp Quang sản xuất và tiêu thụ 52 triệu sản phẩm các loại gồm bao bì PP, PE và túi dùng cho siêu thị, trong đó 30% sản lượng phục vụ các Nhà máy TACN của Tập đoàn, 50% bán ra thị trường nội địa và 20% xuất khẩu trực tiếp sang các nước như Hàn Quốc, Hoa Kỳ...

Năm 2018, Tập đoàn đưa vào hoạt động Nhà máy sản xuất bạt nhựa xuất khẩu Việt – Hàn và ngay năm đầu tiên đã đạt 80% công suất thiết kế, hiện sản phẩm bạt nhựa đã được tiêu thụ rộng rãi trong nước và xuất khẩu sang thị trường các nước Băng La đét, Nhật Bản...



2. Tổ chức và nhân sự

❖ Danh sách Ban điều hành

1. Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Khắc Thảo
Năm sinh	1957
Nơi sinh	Bắc Ninh
Tỷ lệ nắm giữ cổ phần	1,12%
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Quá trình công tác	
05/2015 - đến nay	Phó CT.HĐQT kiêm TGD Tập đoàn Dabaco Việt Nam
03/2011- 05/2015	Thành viên HĐQT kiêm phó Tổng Giám đốc công ty CP Tập đoàn Dabaco Việt Nam
05/2008 – 03/2011	Thành viên HĐQT kiêm phó Tổng Giám đốc công ty CP Dabaco Việt Nam
01/2005 – 05/2008	Giám đốc Vật tư - XNK công ty CP Nông sản Bắc Ninh
11/1985 – 12/1996	Công tác tại công ty nông sản Bắc Ninh
10/1982 – 10/1985	Học Đại học Thương mại Hà Nội
10/1979 – 09/1982	Cán bộ nghiệp vụ thống kê công ty bán lẻ CNP Sơn Động, Lục Ngạn, Bắc Giang

2. Phó Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Thế Tường
Năm sinh	1970
Nơi sinh	Bắc Ninh
Tỷ lệ nắm giữ cổ phần	1,06%
Trình độ chuyên môn	Bác sỹ thú y, Thạc sỹ Nông nghiệp
Quá trình công tác	
05/2015 – nay	Thành viên HĐQT kiêm phó Tổng Giám đốc công ty CP Tập đoàn Dabaco Việt Nam

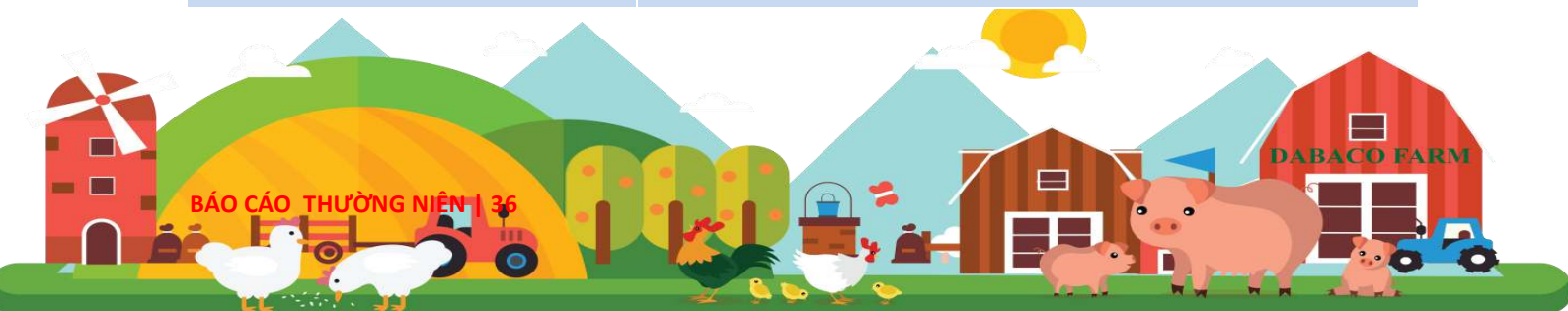


05/2008 – 05/2015	TV HĐQT, GD KT-CL Tập đoàn DABACO Việt Nam
01/2005 – 05/2008	Thành viên HĐQT, Giám đốc kỹ thuật chất lượng Công ty CP Nông sản Bắc Ninh
07/1999 – 12/2004	Trưởng phòng kỹ thuật Công ty Nông sản Bắc Ninh
05/1996 – 06/1999	Phó phòng kỹ thuật Công ty Nông sản Hà Bắc

3. Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng	Bà Nguyễn Thị Thu Hương
Năm sinh	1964
Nơi sinh	Bắc Ninh
Tỷ lệ nắm giữ cổ phần	1,7%
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế, Thạc sỹ quản trị kinh doanh
Quá trình công tác	
Từ 05/2015 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng Công ty Cổ phần tập đoàn DABACO Việt Nam
Từ 03/2011 đến 05/2015	Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần tập đoàn DABACO Việt Nam
Từ 05/2008 đến 03/2011	Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần DABACO Việt Nam
Từ 01/2005 đến 05/2008	Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Nông sản Bắc Ninh
Từ 05/1996 đến 12/2004	Phó phòng Tài vụ, Trưởng phòng Tài vụ, Kế toán trưởng Công ty Nông sản Bắc Ninh
Từ 06/1986 đến 04/1996	Công tác tại Trường cán bộ thống kê trung ương



4. Phó Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Trọng Kích
Nơi sinh	Bắc Ninh
Tỷ lệ nắm giữ cổ phần	0%
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư chăn nuôi
Quá trình công tác	
Chức vụ công tác hiện nay	Phó TGD Tập đoàn DABACO Việt Nam
Từ 03/2008 đến 12/2010	Phó Giám đốc Sở Khoa Học và Công Nghệ
Từ 11/2005 đến 02/2008	Chi cục trưởng Kiểm Lâm Bắc Ninh
Từ 12/2000 đến 10/2005	Phó Bí thư huyện ủy, Chủ tịch UBND huyện Tiên Du
Từ 09/1999 đến 11/2000	Ủy viên BTV Huyện ủy – Phó Chủ tịch thường trực UBND huyện Tiên Du
Từ 08/1997 đến 08/1999	Ủy viên BTV huyện ủy trưởng ban dân vận huyện ủy
Từ 05/1996 đến 08/1997	Huyện ủy viên – Chủ tịch liên đoàn lao động huyện Tiên Sơn
Từ 10/1991 đến 04/1996	Huyện ủy viên Chánh văn phòng huyện ủy Huyện Tiên Sơn
Từ 09/1989 đến 09/1991	Chi ủy viên Lớp phó lớp Cao đẳng quản lý nhà nước 89-91 Học viện hành chính quốc gia
Từ 09/1988 đến 08/1989	Huyện ủy viên - Quyền chánh văn phòng huyện ủy Huyện Tiên Sơn
Từ 06/1987 đến 08/1988	Cán bộ văn phòng huyện ủy huyện Tiên Sơn - Hà Bắc
Từ 05/1982 đến 05/1987	Cán bộ tinh đoàn Hà Bắc
Từ 10/1977 đến 04/1982	Chi ủy viên bí thư chi đoàn CN 11B, Ủy viên BCH đoàn trường Trường Đại học Nông nghiệp II
Từ 10/1974 đến 10/1977	Bộ đội
Từ 10/1977 đến 04/1982	Chi ủy viên bí thư chi đoàn CN 11B, Ủy viên BCH đoàn trường Trường Đại học Nông nghiệp II



5. Phó Tổng Giám đốc	Ông Phạm Văn Học
Năm sinh	1978
Nơi sinh	Bắc Ninh
Tỷ lệ nắm giữ cổ phần	0,01%
Trình độ chuyên môn	Bác sỹ thú y, thạc sỹ chăn nuôi
Quá trình công tác	
Chức vụ hiện nay	Phó TGD Công ty CP Tập đoàn Dabaco Việt Nam
03/2011 – 05/2014	Giám đốc Công ty TNHH Lợn giống Dabaco – Công ty CP Tập đoàn Dabaco Việt Nam
07/2010 – 02/2011	PGĐ Cty Lợn giống Dabaco - CT CP Dabaco Việt Nam
09/2009 – 06/2010	Phòng kế hoạch Công ty CP Nông sản Bắc Ninh
Năm 2003 – 05/2009	Trung tâm khuyến nông Bắc Ninh
Năm 2001 – 2003	Công tác tại Công ty CP Việt Nam – Thái Lan

6. Phó Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Thế Chinh
Năm sinh	1962
Nơi sinh	Bắc Ninh
Tỷ lệ nắm giữ cổ phần	0%
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư xây dựng
Quá trình công tác	
11/2016 – nay	Phó TGD Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam
07/2009 – 4/2016	TP quản lý Hạ tầng – Sở Xây dựng Bắc Ninh
08/2006 – 6/2009	TP quản lý chất lượng – Sở Xây dựng Bắc Ninh
07/2003 – 7/2006	Phó phòng Kỹ thuật Giám định – Sở Xây dựng Bắc Ninh
01/2002 – 06/2003	Chuyên viên Sở Xây dựng Bắc Ninh



01/2000 – 12/2001	Phó phòng Kế hoạch nguồn vốn – Chi nhánh Quỹ hỗ trợ phát triển Bắc Ninh
01/1997 – 12/1999	Phó phòng Kế hoạch thẩm định – Chi cục Đầu tư phát triển Bắc Ninh
06/1995 – 12/1996	Chuyên viên Cục Đầu tư phát triển Hà Bắc
04/1986 – 05/1995	Chuyên viên Sở Lao động – Thương binh và xã hội Hà Bắc
12/1985 – 03/1986	Cán bộ Sở Nông nghiệp Hà Bắc

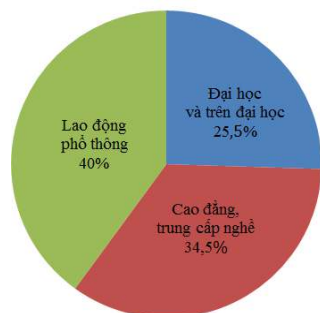
7. Phó Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Văn Tuất
Năm sinh	1956
Nơi sinh	Bắc Ninh
Tỷ lệ nắm giữ cổ phần	0,01%
Trình độ chuyên môn	Tiến sĩ nông nghiệp – Chuyên ngành chăn nuôi động vật
Quá trình công tác	
Từ tháng 10/2017 -đến nay	Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần tập đoàn Dabaco Việt Nam kiêm Giám đốc công ty TNHH Nutreco
Năm 2010 –tháng 10/2017	Giám đốc công ty TNHH Nutreco
Năm 2009 – 2010	Giám đốc nhà máy TACN cao cấp NUTRECO
Năm 2008 – 2009	Chi cục trưởng Chi cục Thủy sản tỉnh Bắc Ninh
Năm 1997 – 2008	Giám đốc Trung tâm khuyến nông tỉnh Hà Bắc
Năm 1993 – 1996	Phó giám đốc Trung tâm khuyến nông tỉnh Hà Bắc
Năm 1981 – 1993	Công tác tại Sở Nông nghiệp Hà Bắc

❖ **Thay đổi nhân sự:**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Nguyễn Văn Tuấn	Phó Tổng Giám đốc		1/06/2018



❖ Cơ cấu trình độ lao động:



Cơ cấu trình độ lao động trong công ty như sau: Đại học và trên Đại học chiếm 25,5%; Cao đẳng, Trung cấp, nghề chiếm 34,5%; Còn lại là lao động phổ thông đào tạo tại chỗ; đáp ứng yêu cầu quản trị, quản lý, điều hành và sản xuất kinh doanh của công ty theo xu hướng phát triển đa ngành, đa lĩnh vực.

❖ Những chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động: Chiến lược phát triển nguồn nhân lực

DABACO xác định con người là yếu tố cốt lõi, quyết định đến sự phát triển bền vững của doanh nghiệp, vì vậy trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực, các giải pháp tập trung nhằm xây dựng, phát triển đội ngũ nhân sự có trình độ trong các lĩnh vực then chốt, xây dựng môi trường làm việc hấp dẫn, chuyên nghiệp, thân thiện, đánh giá theo thành tích, đào tạo để hướng đến sự thành công trong nghề nghiệp... được phát triển và liên kết với nhau chặt chẽ, dựa trên tầm nhìn, quy tắc đạo đức ứng xử, đạo đức nghề nghiệp và các đặc trưng văn hóa của DABACO.



DABACO trân trọng những giá trị do các thành viên tạo ra và đóng góp vào thành công chung của Tập đoàn, không phân biệt vị trí, độ tuổi, giới tính, trình độ, địa vị xã hội, tính cách, phong cách sống, quá trình tư duy, kinh nghiệm làm việc, nguồn gốc dân tộc... mang đến cho các thành viên một môi trường làm việc năng động, công bằng, mỗi cá nhân đều có cơ hội được làm việc, rèn luyện để hướng đến sự thành công và phát triển sự nghiệp tại DABACO.

Chính sách tuyển dụng nhân sự

Trong bối cảnh gia nhập cộng đồng kinh tế ASEAN và quốc tế, các doanh nghiệp trong nước không những phải đối mặt với sự cạnh tranh trong lĩnh vực dịch vụ - sản phẩm mà còn đứng trước nguy cơ cạnh tranh nhằm tìm kiếm và giữ chân nhân tài với các doanh nghiệp trong cộng đồng kinh tế. Để thu hút đội ngũ nhân sự, các hoạt động tuyển dụng của DABACO được triển khai rõ ràng, minh bạch với quy trình đầy đủ, rõ ràng, đảm bảo sự công bằng, tạo cơ hội cho tất cả mọi người. DABACO luôn mong muốn chào đón những ứng viên năng động, nhiệt huyết và giàu khát vọng, sẵn sàng đón nhận những thách thức đến từ công việc và môi trường kinh doanh của DABACO.



Chính sách đào tạo nhân sự



Với hoạt động sản xuất kinh doanh đa lĩnh vực, đa ngành nghề, DABACO luôn phải đối mặt với những thách thức lớn đến từ đối thủ cạnh tranh, sự biến động kinh tế vĩ mô và những thay đổi của thị trường tài chính trong nước và thế giới. Để nắm bắt và thích ứng nhanh với những thay đổi đó, các thể hệ cán bộ, nhân viên DABACO phải không ngừng học tập để góp phần phát triển và đạt được nhiều thành quả to

lớn trong suốt hơn 22 năm xây dựng và trưởng thành.

Với định hướng phát triển bền vững theo hình thức tập đoàn kinh tế đa ngành nghề, Dabaco luôn chú trọng xây dựng đội ngũ nhân sự vững mạnh nhằm đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng và thị trường. Sau 23 năm xây dựng và trưởng thành, với vị thế, uy tín, thương hiệu đã được khẳng định trên thị trường trong nước cũng như khu vực, chiến lược kinh doanh cho những năm tiếp theo được tập đoàn xác định với trọng tâm là ưu tiên hàng đầu cho công tác bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao. Trong thời đại kinh tế tri thức, yếu tố về con người được xem là nhân tố tiên quyết đối với sự phát triển, vì vậy, chính sách nhân sự nói chung luôn được Dabaco quan tâm và xây dựng theo hướng ngày càng chuyên nghiệp.



Trong năm 2018, DABACO tập trung xây dựng, hoàn thiện chính sách, quy chế, quy trình quản lý đào tạo xuyên suốt từ Công ty mẹ Tập đoàn đến các Công ty con để đảm bảo cơ chế, hệ thống quản lý thống nhất nhằm mục tiêu phát triển nguồn nhân lực một cách đồng bộ và bền vững. DABACO đã triển khai các khóa đào tạo nâng cao năng lực quản lý và kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ công nhân viên Tập đoàn. Các khóa học này nhằm mục đích nâng cao sự hiểu biết, trao đổi, nắm bắt thông tin, chia sẻ kinh nghiệm, giao lưu, tăng cường tình đoàn kết giữa đội ngũ cán bộ, nhân viên trong toàn hệ thống DABACO.



Chính sách đối với người lao động

Với phương châm người lao động phải thật sự làm chủ doanh nghiệp, lãnh đạo công ty đã triển khai kịp thời đầy đủ các chủ trương, chỉ thị, nghị quyết của Đảng và pháp luật của nhà nước đến người lao động bằng việc xây dựng, ban hành các nội quy, quy chế, quy định trong doanh nghiệp để người lao động tham gia đóng góp. Người lao động được





cử đại diện của mình tham gia hội đồng doanh nghiệp thực hiện các chính sách tiền lương, tiền thưởng phúc lợi, chế độ nâng lương nâng bậc, thi đua khen thưởng, kỉ luật,...

Tập đoàn luôn đặt ra yêu cầu phải xây dựng một môi trường làm việc công bằng, chuyên nghiệp, khuyến khích sự sáng tạo nhằm mang lại sự sung túc cho người lao động và gia đình.

Mặc dù năm 2018 là năm Tập đoàn phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, song Tập đoàn vẫn nỗ lực duy trì mức thu nhập ổn định đảm bảo cuộc sống cho người lao động, tạo động lực cho CBCNV yên tâm công tác, cống hiến và gắn bó lâu dài với Tập đoàn. Ngoài ra, Tập đoàn còn chú trọng xây dựng cơ chế lương thưởng hợp lý, khuyến khích và đãi ngộ tốt đối với người lao động có trình độ, tâm huyết. Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách, không ngừng nâng cao đời sống tinh thần và vật chất cho người lao động. Tạo môi trường tốt nhất để cán bộ nhân viên trong Công ty phát huy hết khả năng, tận tâm phục vụ vì mục tiêu phát triển chung của tập thể.



Chính sách phúc lợi cho Cán bộ công nhân viên

Bên cạnh việc chăm lo nâng cao đời sống vật chất cho cán bộ, công nhân viên: trợ cấp khó khăn như hỗ trợ xây nhà cho CBCNV có hoàn cảnh khó khăn; tập đoàn còn rất quan tâm đến đời sống tinh thần của người lao động, Tập đoàn đã cùng với tổ chức Công



đoàn, Đoàn thanh niên tổ chức các hoạt động nhằm động viên cán bộ, người lao động yên tâm công tác, tích cực thi đua lao động sản xuất như: Thường xuyên tổ chức thăm hỏi động viên người lao động khi ốm đau, hiếu hỷ, tổ chức sinh nhật cho người lao động. Hàng năm, Tập đoàn tổ chức tặng quà cho CBCNV nữ nhân dịp 8/3; Tặng quà cho các cháu là con CBCNV nhân ngày Quốc tế thiếu nhi, Tết trung thu, các cháu đạt danh hiệu học sinh giỏi, đỗ đại học...

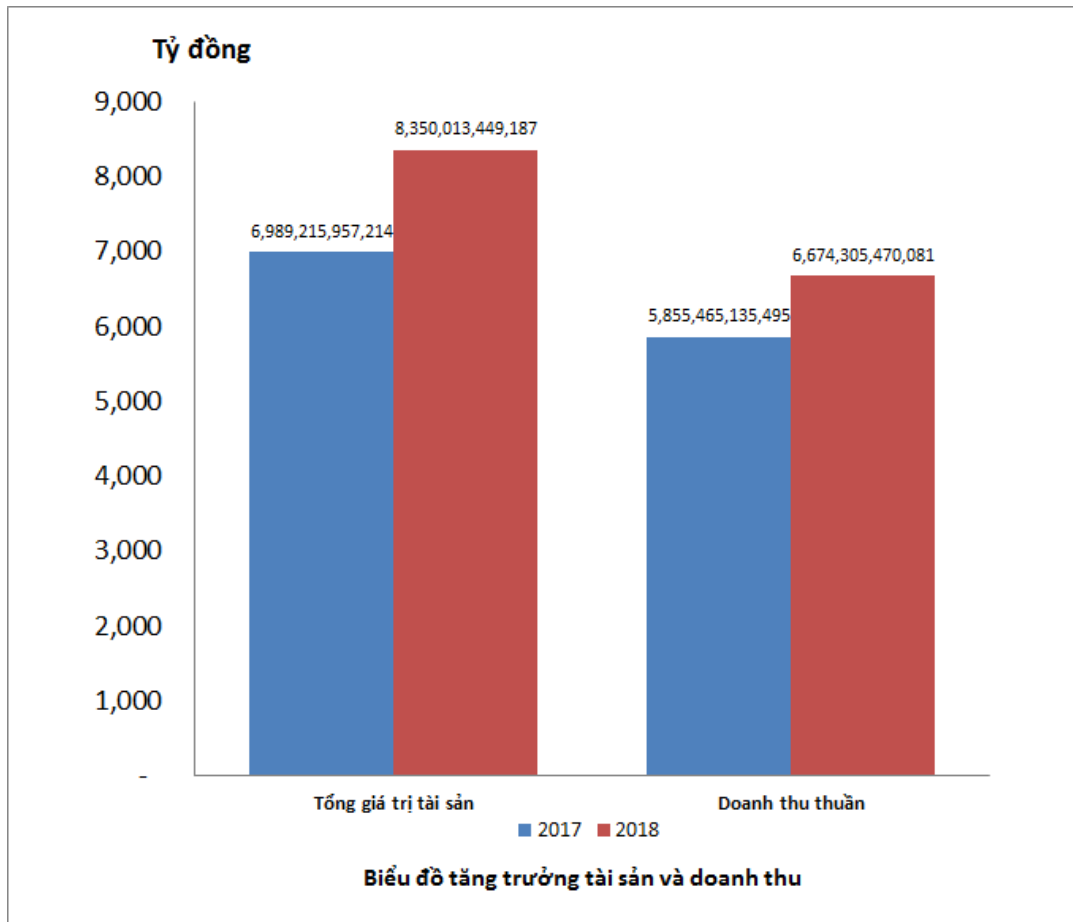


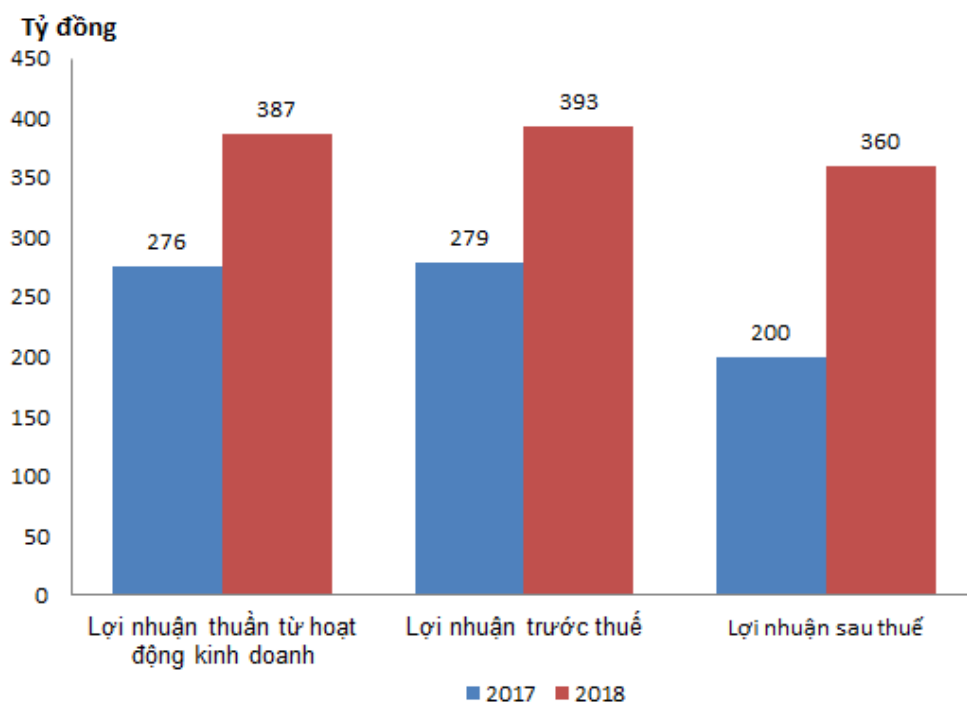
3. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Theo Báo cáo tài chính hợp nhất)

a) Tình hình tài chính

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	6.989.215.957.214	8.350.013.449.187	19.5
Doanh thu thuần	5.855.465.135.495	6.674.305.470.081	13.98
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	275.612.675.075	387.156.820.297	40.5
Lợi nhuận khác	3.187.464.962	6.201.894.016	94.6
Lợi nhuận trước thuế	278.800.140.037	393.358.714.313	41.1
Lợi nhuận sau thuế	200.105.222.090	360.235.354.153	80.0
Tỷ lệ cổ tức	10%	10%	0





Biểu đồ tăng trưởng lợi nhuận

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,96	0,93
+ Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,57	0,26
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,64	0,67
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,79	2,04
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho	Lần	4,6	3,3
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0,84	0,8
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	3,4	5,4
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	8,0	13
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	2,9	4,3
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	4,7	5,8



Tình hình nguồn vốn

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ		Chênh lệch	
	Số tiền (đồng)	Tỷ trọng (%)	Số tiền (đồng)	Tỷ trọng (%)	Số tiền (đồng)	Tỷ lệ tăng/giảm (%)
Nợ phải trả	5.603.485.031.551	67.1	4.486.599.351.977	64.1	1.116.885.679.574	24.8
Nợ ngắn hạn	4.075.302.630.398	48.8	3.462.415.430.265	49.5	612.887.200.133	17.7
Nợ dài hạn	1.528.182.401.153	18.3	1.027.183.921.712	14.7	500.998.479.441	48.7
Vốn chủ sở hữu	2.746.528.417.636	32.8	2.502.616.605.237	35.8	243.911.812.399	9.7
Vốn chủ sở hữu	2.746.528.417.636	32.8	2.502.616.605.237	35.8	243.911.812.399	9.7
Tổng nguồn vốn	8.350.013.449.187	100	6.989.215.957.214	100	1.360.797.491.973	19.4

4. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

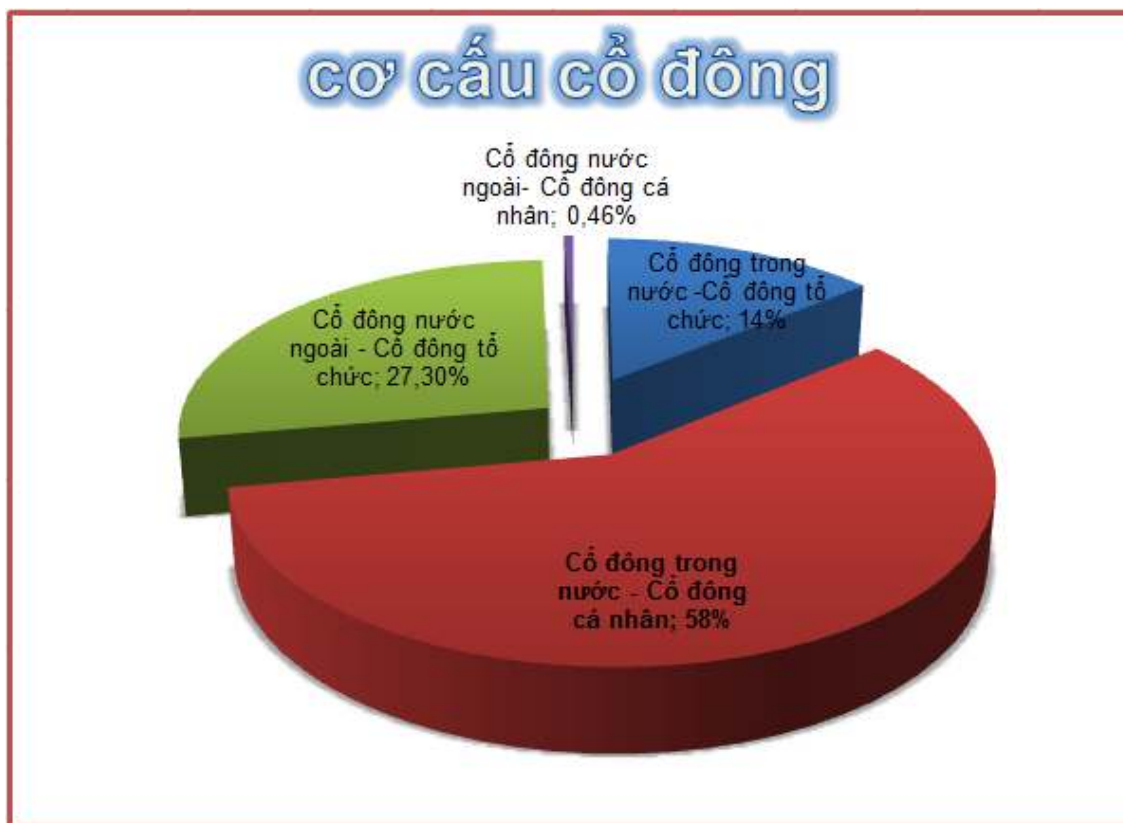
❖ Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: **82.818.465** cổ phần
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: không có

❖ Cơ cấu cổ đông tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 02/04/2018:

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông trong nước	59.828.666	72
	- Cổ đông lớn (Sở hữu trên 5% cổ phần)	23.810.590	29
	- Cổ đông nhỏ (Sở hữu dưới 1% cổ phần)	12.817.399	16
	- Cổ đông tổ chức	11.729.306	14
	- Cổ đông cá nhân	48.099.360	58
II	Cổ đông nước ngoài	22.989.799	27,76
	- Cổ đông lớn (Sở hữu trên 5% cổ phần)	7.221.456	9
	- Cổ đông nhỏ (Sở hữu dưới 1% cổ phần)	4.469.767	5
	- Cổ đông tổ chức	22.613.148	27,3
	- Cổ đông cá nhân	376.651	0,46
	Tổng cộng:	82.818.465	100





Danh sách cổ đông lớn cập nhật ngày 02/04/2018:

TT	Cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Như So	Số 87 Lê Văn Thịnh, P.Suối Hoa, TP.Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	15.132.554	18,27
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	Số 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	8.678.036	10,48
3	Fraser Investment Holdings Pte.Ltd	1 Raffles Place, #29-02 One Raffles Place, Singapore (048616)	7.221.456	8,72
Tổng cộng:			31.032.046	37,47



5. BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG:

5.1: Cơ hội và thách thức của ngành nông nghiệp Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế và cuộc cách mạng 4.0, đặc biệt khi Việt Nam tham gia ký kết CPTPP:

Năm 2018, ngành nông nghiệp Việt Nam đã có sự chuyển mình mạnh mẽ từ mọi góc độ, đáng chú ý là sự khởi sắc của việc ký kết nhiều Hiệp định thương mại tự do (FTA) có hiệu lực

hoặc tiếp tục được triển khai trên phạm vi rộng hơn. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu và rộng, cách mạng 4.0 đến rất gần, đặc biệt khi Việt Nam tham gia ký kết Hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), ngành nông nghiệp Việt Nam đang đứng trước nhiều cơ hội và thách thức đan xen.



Cơ hội:

- Mở rộng thị trường xuất khẩu với các mặt hàng chiến lược. Việc thực thi cam kết cắt giảm thuế quan của các nước có thể giúp đẩy mạnh xuất khẩu các nông sản chiến lược, đặc trưng, đặc sản, lợi thế của Việt Nam như: gạo, thịt động vật, lợn Móng Cái, gà Ri, gà H'mong

- Cơ hội nhập khẩu đa dạng nguồn cung cấp nguyên liệu đầu vào như: thức ăn chăn nuôi (ngô, đậu tương, bột cá), máy nông nghiệp

- Mặt khác, các trang thiết bị phục vụ cho ngành chăn nuôi khi nhập vào Việt Nam sẽ được giảm thuế, điều này góp phần làm giảm chi phí sản xuất vốn ở mức cao của Việt Nam.

- Rút ngắn được thời gian xuất khẩu các sản phẩm chăn nuôi, nếu như trước đây phải mất từ 6 - 12 năm thì nay các nước nằm trong khối đã đồng điệu về mặt văn bản, ký kết, hợp đồng... tuy nhiên vẫn phải đáp ứng các tiêu chuẩn cao.

- Cơ hội cho doanh nghiệp Việt Nam đầu tư ra nước ngoài, cải thiện môi trường kinh doanh và thu hút đầu tư. Việc thực hiện các cam kết trong TPP, EU, CPTPP sẽ tạo áp lực để Việt Nam cải thiện năng lực quản trị, môi trường kinh doanh, các quy trình thủ tục trong nước,...từ đó mở ra cơ hội thu hút đầu tư nước ngoài đặc biệt vào các lĩnh vực mà Việt Nam đang yếu kém như công nghệ cao trong nông nghiệp và chế biến nông, lâm, thủy sản.

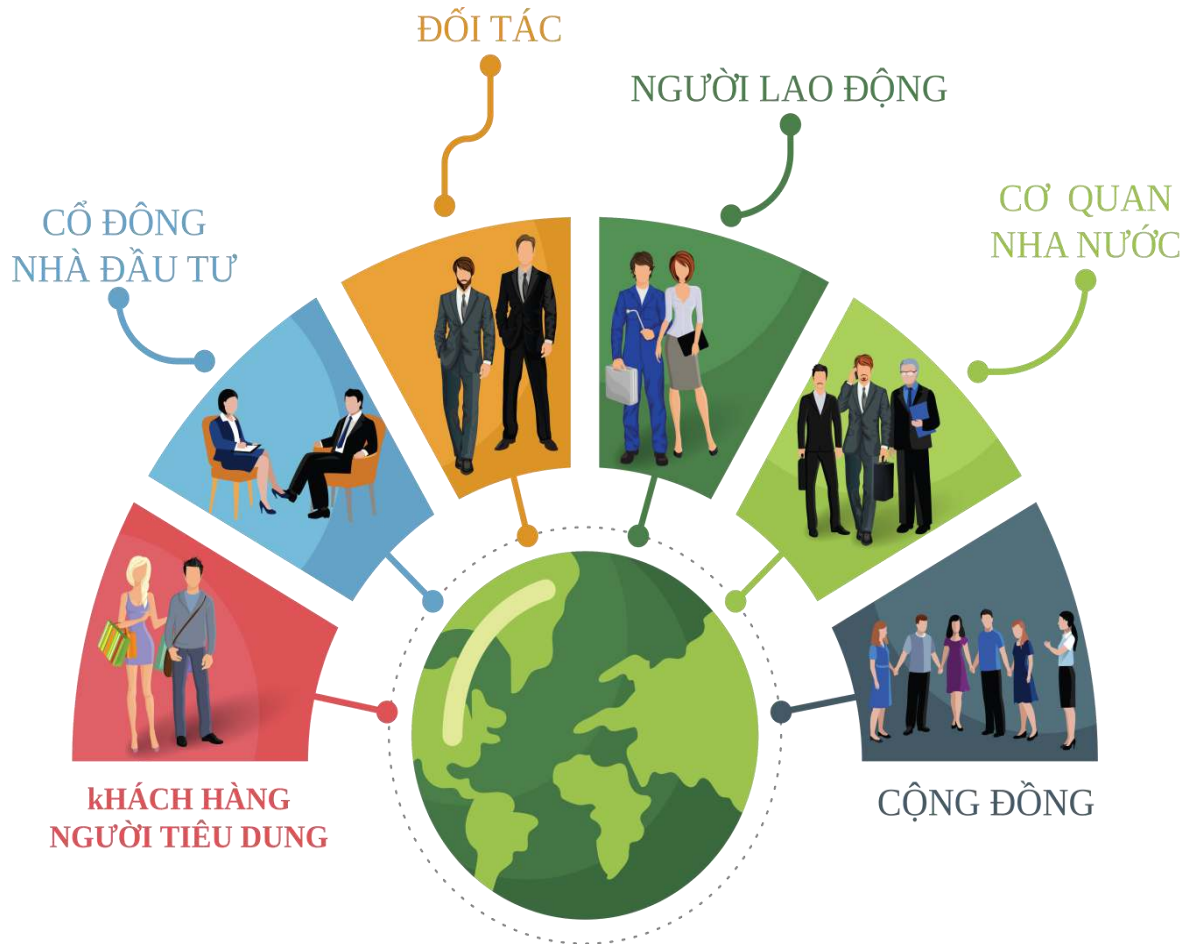
Thách thức:

Đi cùng với cơ hội thì quá trình hội nhập trong giai đoạn này sẽ trở nên khó lường hơn với nhiều thách thức. Việc cắt giảm thuế nhập khẩu sẽ tăng sức ép cạnh tranh cho nhà sản xuất trong nước, không chỉ về giá mà còn về chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm, thách thức trong việc đáp ứng nguồn gốc xuất xứ để đảm bảo quyền lợi hưởng ưu đãi và các quy định của thị trường nhập khẩu,...

Trong xu hướng hội nhập ngày càng mạnh mẽ, để hòa mình vào dòng chảy toàn cầu, xuyên suốt hành trình phát triển, Tập đoàn đã ý thức rõ trách nhiệm của mình không chỉ với khách hàng, cổ đông, người lao động mà còn với môi trường, xã hội và cộng đồng.



Định hướng phát triển bền vững của Tập đoàn DABACO tập trung vào các nội dung sau:



Tập đoàn DABACO Việt Nam là một doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh theo mô hình chuỗi giá trị từ con giống, thức ăn chăn nuôi, chăn nuôi gia công và chế biến thực phẩm. Mô hình này gắn liền với nông nghiệp, nông thôn và nông dân Việt Nam. Trong chiến lược phát triển của mình Tập đoàn luôn đặt mục tiêu phát triển doanh nghiệp đi đôi với bảo vệ môi trường và thực hiện trách nhiệm với xã hội như một nhiệm vụ, một nét đẹp văn hóa của doanh nghiệp. Nhận thức được điều này, trong quá trình phát triển, Tập đoàn luôn cam kết bảo vệ môi trường đồng thời tham gia giải quyết các vấn đề toàn cầu.

Là một trong những doanh nghiệp nông nghiệp hàng đầu tại Việt Nam, Tập đoàn Dabaco nhận thức rõ tầm ảnh hưởng của mình đến cộng đồng và sự phát triển bền vững của xã hội. Tập đoàn luôn xác định chỉ có thể thực hiện thành công chiến lược phát triển bền vững khi thực hiện kết hợp mục tiêu tăng trưởng kinh tế với mục tiêu thực thi trách nhiệm đối với xã hội, cộng đồng và môi trường. Đồng thời, đảm bảo sự cân bằng lợi ích giữa các bên liên quan với hoạt động sản xuất kinh doanh.



5.1. Mối quan hệ bền vững với các bên liên quan:

❖ Đối với khách hàng, người tiêu dùng:

Tập đoàn cam kết cung cấp cho khách hàng, người tiêu dùng những sản phẩm đảm bảo an toàn và chất lượng hàng đầu bằng tất cả sự trân trọng tình yêu và trách nhiệm của mình đối với con người và xã hội.

Đa dạng hóa sản phẩm và tạo ra những giá trị mới cho sản phẩm để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của con người.

Cung cấp tất cả các dịch vụ nhanh chóng, kịp thời, đồng thời, đảm bảo cơ hội cạnh tranh công bằng trên thị trường cho khách hàng. Cam kết không cung cấp, chia sẻ thông tin kinh doanh của khách hàng với đối thủ cạnh tranh của khách hàng đó.



❖ Đối với cổ đông, nhà đầu tư:

Công bố thông tin minh bạch, chính xác, trung thực, đầy đủ, rõ ràng và kịp thời, đảm bảo cơ hội đầu tư ngang bằng cho mọi nhà đầu tư.

Đảm bảo cho các cổ đông, nhà đầu tư một khoản đầu tư an toàn, sinh lợi bền vững.

Tập đoàn duy trì kênh thông tin hiệu quả cho các cổ đông, nhà đầu tư thông qua: Website, Báo cáo thường niên, các cuộc gặp gỡ trực tiếp, trả lời qua email, trả lời qua điện thoại và các hoạt động khác.



❖ **Đối với người lao động:**

Bên cạnh các chế độ đãi ngộ đối với người lao động, Tập đoàn luôn tạo môi trường làm việc đoàn kết, cạnh tranh, thi đua, học tập để người lao động phát huy hết khả năng sáng tạo của mình trong công việc.

Tập đoàn cam kết đảm bảo đầy đủ các lợi ích và quyền lợi chính đáng của người lao động theo qui định của Bộ luật lao động và các qui định khác của Nhà nước có liên quan.



❖ **Đối với đối tác:**

Hợp tác phát triển trên cơ sở cùng có lợi, minh bạch và có trách nhiệm với xã hội.



❖ **Đối với chính quyền, cơ quan Nhà nước:**

Tuyệt đối tuân thủ các chính sách, quy định của Nhà nước. Thực hiện các nghĩa vụ thuế và đóng góp Ngân sách địa phương theo qui định.



❖ **Đối với cộng đồng:**

Có trách nhiệm chia sẻ, hỗ trợ góp phần nâng cao, cải thiện và phát triển cuộc sống cộng đồng.



5.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:



Năm 2018, công tác đảm bảo vật tư – nguyên liệu cũng gặp nhiều khó khăn do biến động giá cả khó lường. Tuy nhiên, bộ phận thu mua đã đảm bảo đủ lượng nguyên liệu phục vụ sản xuất và dự trữ theo kế hoạch; Tham mưu, đề xuất thu mua nguyên liệu với giá cả hợp lý; Sắp xếp việc tiếp nhận nguyên liệu kịp thời, giảm chi phí phát sinh như: lưu cont, lưu bãi....

5.3. Tiêu thụ năng lượng và nước:

Năm 2018, các đơn vị sản xuất thức ăn chăn nuôi của Tập đoàn tiêu thụ 24.178.373 kwh điện năng.

Khối lượng nước sạch tiêu thụ là 116.444 m³. Nguồn nước được lấy từ hệ thống cung cấp nước của Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Bắc Ninh.

Tập đoàn tích cực nghiên cứu đổi mới, cải tiến trang thiết bị và tìm kiếm các giải pháp tiết kiệm năng lượng và nước phục vụ sản xuất, giảm chi phí và thân thiện với môi trường.



5.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:



Tập đoàn luôn thực hiện đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện đầu tư đầy đủ các hệ thống xử lý khí thải, nước thải tại tất cả các đơn vị. Tuân thủ việc lập báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) trước khi triển khai xây dựng; Thực hiện quan trắc môi trường mỗi năm 2 lần và lập báo cáo hiện trạng môi trường định kỳ nộp cho các cơ quan quản lý môi trường để kịp thời khắc phục những ảnh hưởng từ hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo các chỉ tiêu về môi trường đáp ứng các tiêu chuẩn quy định.

Đồng thời, Tập đoàn tập trung đầu tư nâng cao cơ sở hạ tầng và cải tiến công nghệ nhằm hạn chế và giảm tác động tiêu cực tới môi trường, bảo vệ môi trường một cách bền vững.



❖ Đối với sản xuất thức ăn chăn nuôi:

- Do tính chất sản xuất của Nhà máy, sau ngày làm việc quản đốc phân xưởng kiểm tra nhắc nhở công nhân làm tốt công tác vệ sinh khu vực mình làm, nhất là bộ phận tiếp liệu và nguyên liệu bổ sung. Sau mỗi tuần sản xuất, tổng vệ sinh trong và ngoài nhà máy.

- Hàng năm, Tập đoàn đều phát động phong trào trồng cây xanh bao quanh nhà máy, vừa làm tăng mỹ quan, vừa làm xanh, sạch môi trường. Sử dụng hệ thống nước máy công nghiệp và bể chứa dự trữ đảm bảo cung cấp đủ nước sạch cho sản xuất, sinh hoạt. Hệ thống thoát nước mưa, nước thải được xây bằng gạch đảm bảo thoát nhanh nhất, đáy bê tông và có nắp đậy bằng tấm đan đồ bê tông.



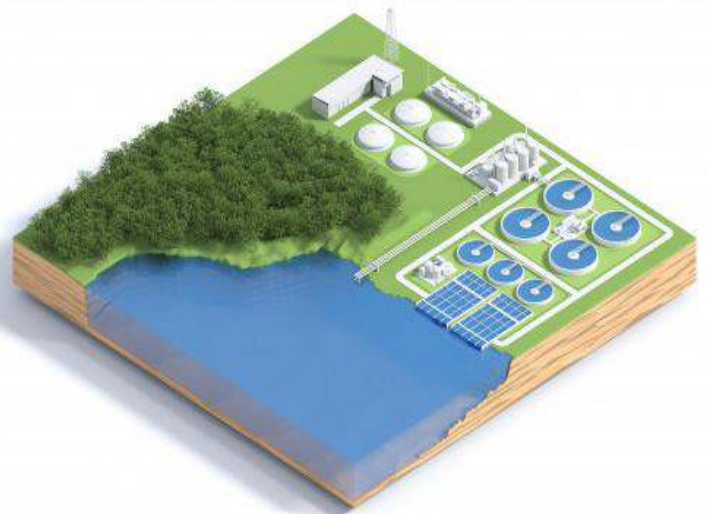
- Áp dụng nhiều phương pháp nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của ô nhiễm tiếng ồn và bụi tới khu vực xung quanh, bảo vệ sức khỏe cho công nhân trực tiếp sản xuất.

- Quy trình công nghệ dây chuyền sản xuất của nhà máy được đánh giá là không ảnh hưởng đến môi trường, tiếng ồn và nồng độ bụi nằm trong giới hạn cho phép, đảm bảo TCVN do Bộ Tài nguyên và môi trường qui định.



❖ Đối với các đơn vị sản xuất con giống gia súc, gia cầm:

- Nguồn nước thải sau sản xuất đáp ứng đúng tiêu chuẩn quy định trước khi xả ra hệ thống chung của tỉnh Bắc Ninh bằng việc đầu tư xây dựng hoàn chỉnh hệ thống biogas, hệ thống xử lý nước thải công nghiệp, theo phương pháp keo tụ - tạo bông, kết hợp với sinh học hiếu khí cho tất cả các đơn vị sản xuất, chăn nuôi. Sau xử lý, nguồn nước thải hoàn toàn có thể sử dụng trực tiếp cho cây trồng.



Các đơn vị thường xuyên trồng cây xanh xung quanh khu vực chăn nuôi, thực hiện các biện pháp chăn nuôi thú y và các biện pháp an toàn sinh học, vệ sinh sạch sẽ trong và ngoài công ty...



- Đầu tư xây dựng hệ thống xử lý chất thải với công nghệ xử lý hiện đại nhất hiện nay được nhập khẩu từ Nhật Bản, bao gồm hệ thống xử lý nước thải, dây chuyền xử lý phân tập trung, dây chuyền máy ép viên đóng bao, thiết bị tách phân, thiết bị xử lý xác gia súc, gia cầm, đảm bảo giải quyết triệt để các ảnh hưởng đối với môi trường, đồng thời tạo ra nguồn nguyên liệu sản xuất phân bón hữu cơ đáp ứng nhu cầu của ngành trồng trọt.



- Tích cực tham gia hưởng ứng ngày môi trường thế giới và tuần lễ quốc gia về môi trường hàng năm với các hình thức như: Tổ chức tuyên truyền bằng hình thức treo băng rôn hưởng ứng tại trụ sở làm việc; tổ chức cho các đoàn thanh niên của các chi đoàn trực thuộc tham gia các hoạt động về môi trường như: trồng cây xanh, dọn dẹp vệ sinh môi trường sống xung quanh...; tích cực đóng góp cho phong trào “Toàn dân xây dựng nông thôn mới”...

Nhờ thực hiện tốt các hoạt động bảo vệ môi trường nên liên tục trong suốt những năm qua Tập đoàn được Sở Tài nguyên và Môi trường Bắc Ninh đánh giá là đơn vị đi đầu, luôn chấp hành tốt và không vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường trong suốt quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh.



Nhờ thực hiện tốt các hoạt động bảo vệ môi trường nên liên tục trong suốt những năm qua Tập đoàn được Sở Tài nguyên và Môi trường Bắc Ninh đánh giá là đơn vị đi đầu, luôn chấp hành tốt và không vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường trong suốt quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh.

5.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Thu nhập của người lao động:

- Năm 2018 mặc dù toàn ngành chăn nuôi khó khăn, cạnh tranh khốc liệt, tuy nhiên, Công ty vẫn đảm bảo mức thu nhập bình quân cho người lao động ở mức cao trên địa bàn tỉnh, tạo động lực cho người lao động gắn bó với Công ty, 100% người lao động được ký hợp đồng lao động, áp dụng đúng thời gian thử việc theo quy định.



b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:



- Tuân thủ đúng các quy định của pháp luật lao động và nội qui lao động, thỏa ước lao động tập thể về thời giờ làm việc và thời giờ nghỉ ngơi; ngày làm việc 8 giờ; nghỉ giữa ca...

- Thực hiện nghiêm chỉnh các chế độ nghỉ ngơi như: nghỉ tuần, nghỉ lễ, nghỉ phép... Việc chấm công được ghi chép đầy đủ.

- Tổ chức cho toàn thể CBCNV-LĐ ăn bữa ăn ca miễn phí đảm bảo sạch sẽ, đủ dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm.



TRẢI THẢM ĐỎ ĐÓN NHÂN TÀI

- Thực hiện tốt các chính sách đối với người lao động như thăm hỏi, thanh toán các chế độ ốm đau, thai sản... thực hiện tốt chế độ BHXH, BHYT, BHTN, Bảo hiểm thân thể cho người lao động theo đúng chế độ chính sách của Nhà nước; làm tốt công tác BHLĐ, vệ sinh lao động, ký kết và tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV-LĐ...

- Tổ chức thăm hỏi CBCNV-LĐ lúc ốm đau, thai sản, sinh nhật, đám hiếu, hỷ của bản thân người lao động và tứ thân phụ mẫu; tặng quà cho cán bộ nữ CNVC –LĐ nhân dịp 8/3; tặng quà cho các cháu là con cán bộ công nhân viên công ty có thành tích học tập tốt, ngày Quốc tế thiếu nhi và Tết Trung thu...

- Luôn tạo điều kiện cho NLD được tham gia ý kiến, quyết định những vấn đề liên quan đến quyền và lợi ích của NLD như chính sách tiền lương, nội quy lao động, nội quy PCCC, nội quy ra vào cơ quan.



- Luôn chú trọng đến chất lượng công tác xây dựng và ký kết TULĐTT với chính sách ưu đãi thu hút nhân tài, lao động có tay nghề cao, tạo sự gắn bó giữa người lao động với doanh nghiệp. Duy trì việc ký kết TULĐTT, thường xuyên bổ sung, sửa đổi cho phù hợp với chính sách mới của Nhà nước liên quan đến quyền và lợi ích của NLD.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:



- Đối với công nhân lao động trực tiếp: Thực hiện công tác đào tạo tại chỗ, đảm bảo công nhân đạt kỹ năng thuần thục công việc tại vị trí đảm nhận.

- Đối với cán bộ, nhân viên thị trường: Đào tạo về chuyên môn, đào tạo thực nghiệm tại trại, kỹ năng bán hàng, kỹ năng mềm....; Phối hợp với các đối tác của công ty tổ chức các buổi đào tạo về kỹ thuật nhằm nâng cao kỹ năng bán hàng và trình độ chăn nuôi thú y cho

đội ngũ cán bộ, nhân viên thị trường.

- Đối với cán bộ quản lý, kỹ thuật: Thường xuyên được cử đi đào tạo, tập huấn tại các cơ sở đào tạo, các Tập đoàn lớn trong và ngoài nước.

- Các đối tượng khác, tùy theo đặc thù công việc, công ty tổ chức các khóa đào tạo tại đơn vị hoặc cử cán bộ theo học như: quản lý sản xuất, kho tàng, cơ điện, quản lý chi phí, vật tư, kế toán, bán hàng...



5.6. Trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

Trong những năm qua, công ty luôn chủ động, tích cực thực hiện tốt trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương thông qua các chương trình như:

- Vận động toàn thể CBCNV tham gia ủng hộ “quỹ mái ấm công đoàn”, “quỹ hỗ trợ người nghèo” của địa phương, quyên góp ủng hộ đồng bào bị thiên tai....
- Hỗ trợ sản phẩm cho người chăn nuôi tại các vùng khó khăn.

Kết quả hoạt động thực tế cho thấy, việc hỗ trợ cộng đồng không chỉ là sợi dây liên kết giữa nhà sản xuất với người sử dụng sản phẩm về mặt tinh thần mà nó còn mang lại lợi ích kinh tế không nhỏ do việc tin tưởng vào sản phẩm và uy tín của Tập đoàn, và chính họ là những người mở rộng thêm những mối quan hệ mới cho công ty.



Tập đoàn DABACO Việt Nam Tập đoàn DABACO Việt Nam Tập đoàn DABACO Việt Nam
trao nhà tình nghĩa cho hộ tặng ô tô điện cho xã lạc vệ, Nam trao tặng học bổng quỹ
nghèo tại huyện Lương Tài, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh khuyến học “Lê Văn Thịnh”
tỉnh Bắc Ninh đưa đón học sinh tới trường học tại huyện Gia Bình

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

❖ Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đánh giá chung, từ quý 2 năm 2018 đã có những dấu hiệu khởi sắc đối với ngành nông nghiệp, đặc biệt là ngành chăn nuôi lợn. Tuy nhiên, bước sang đầu năm 2019, ngành chăn nuôi lại phải đối mặt với dịch tả Châu Phi làm ảnh hưởng không nhỏ đến các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực chăn nuôi của Tập đoàn. Trước tình hình đó, Ban lãnh đạo Tập đoàn đã luôn bám sát diễn biến thị trường các sản phẩm chăn nuôi, tìm mọi giải pháp nâng cao năng suất, chất lượng, giảm chi phí để hạ giá thành sản phẩm. Do vậy, hầu hết các chỉ tiêu kỹ thuật về năng suất, chất lượng sản phẩm đều đạt tốt. Ngoài ra, Ban lãnh đạo cũng chỉ đạo sát sao trong công tác phòng dịch, để đảm bảo 100% các trại không bị nhiễm dịch.

Năm 2018, lợi nhuận sau thuế toàn Tập đoàn đạt hơn 360 tỷ đồng, tăng tương 80% so với năm 2017 và vượt 146% kế hoạch đề ra, kết quả này là sự ghi nhận những nỗ lực vượt bậc của Ban lãnh đạo và tập thể CBCNV toàn Tập đoàn trong bối cảnh tình hình ngành gặp khó khăn như giai đoạn vừa qua.



❖ Những tiến bộ công ty đã đạt được năm 2018:

- Hoàn thiện phòng camera đặt tại văn phòng Tập đoàn giúp Ban lãnh đạo kiểm soát, kịp thời nắm bắt tình hình, chỉ đạo sát sao các đơn vị chăn nuôi trong Tập đoàn.

- Đăng ký nhãn hiệu đầu ăn Cobra và Umi, hoàn tất các bước nhằm chuẩn bị ra mắt sản phẩm đầu ăn của tập đoàn trong quý III năm 2019

- Ra mắt thành công sản phẩm trứng gà ăn liền Devi với đa dạng các vị như: không cay, cay, thảo dược,... tiếp cận với mọi đối tượng. Hiện nay, trứng gà ăn liền Devi đã có mặt tại hầu hết các siêu thị, cửa hàng bán lẻ trên toàn quốc và đang được người tiêu dùng nhiệt tình đón nhận.

- Hoàn thiện và đưa vào hoạt động ổn định phòng phân tích hiện đại cho nhà máy NASACO Hà Nam, xây dựng xong đường chuẩn phân tích nhanh bằng máy NIR cho tất cả các sản phẩm thức ăn gia súc, gia cầm với độ chính xác cao.

- Thay thế toàn bộ khoáng tổng hợp Bioplex gia cầm nhập của Alltech và Novus bằng khoáng vô cơ kết hợp hữu cơ.

- Tiến hành nhiều khảo nghiệm lựa chọn những phụ gia có hiệu quả; khảo nghiệm các mức dinh dưỡng khác nhau, các quy trình nuôi khác nhau để tìm ra nhu cầu dinh dưỡng tối ưu cho từng loại vật nuôi, từng giai đoạn nuôi. Từ đó đưa ra các quy trình chăn nuôi mới áp dụng cho thị trường và cho chăn nuôi gia công nhằm phát huy tối đa lợi thế của từng sản phẩm và tăng hiệu quả chăn nuôi.

- Cải tiến kích cỡ viên từ 3,5 ly xuống 2,5 ly đối với sản phẩm thức ăn cho lợn ngoại và lợn siêu, ra bộ sản phẩm mới Gà trắng siêu thịt giai đoạn vỗ béo... đáp ứng tốt nhu cầu và thị hiếu người chăn nuôi.

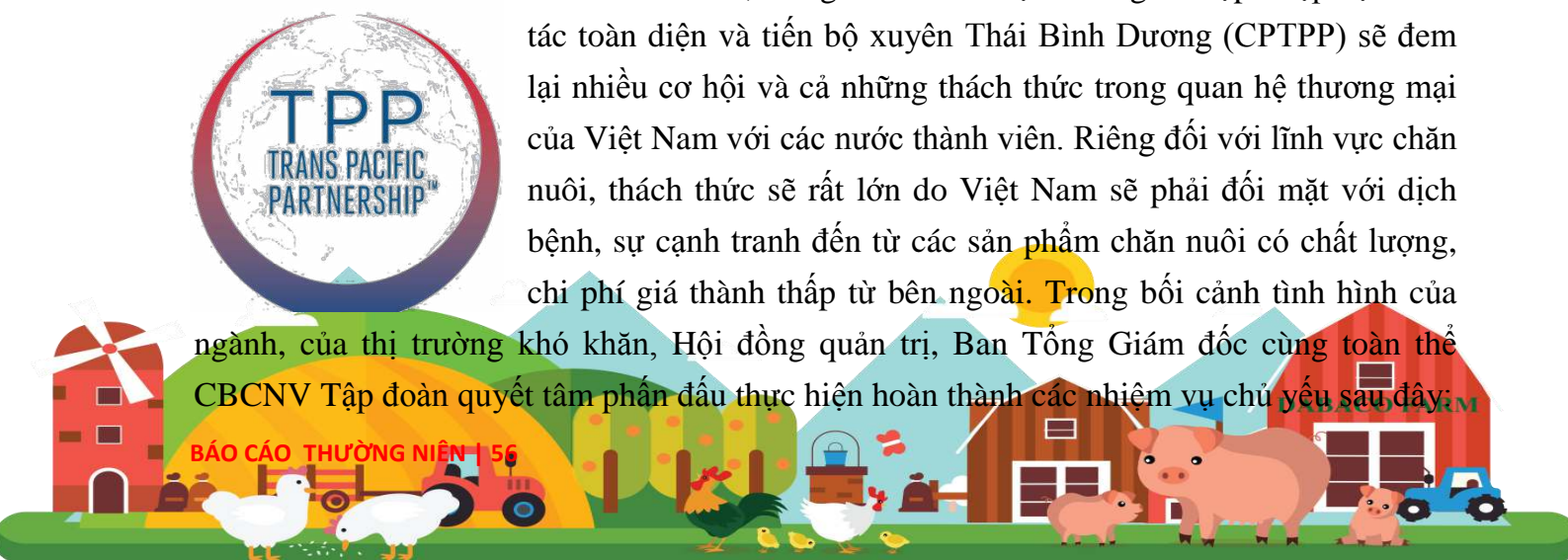
- Lai tạo thành công giống gà Tân Hồ và cùng với các giống gà màu của Công ty đang dần gia tăng thị trường tiêu thụ trên cả nước.

- Các giống gà bố mẹ và gà thương phẩm có giá trị cao do công ty nghiên cứu, lai tạo thành công được người tiêu dùng ưa thích như: Gà J-DABACO, Gà 9 cựa, gà Mía thuần, Nòi thuần và Hồ thuần, Bộ 3 Gà Nòi (Gà Nòi chân vàng, Gà Nòi ô tía và Gà Nòi sọc đen); Gà đẻ trứng xanh; Gà thảo dược...

- Tiếp tục quảng bá rộng rãi bộ nhận diện thương hiệu các sản phẩm trứng gà Dabaco, đặc biệt là bộ 4 loại trứng giá trị gia tăng (Omega3, DHA, Selen và Trứng vỏ xanh).

4. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

Năm 2019, trong bối cảnh Việt Nam gia nhập Hiệp định đối tác toàn diện và tiên bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) sẽ đem lại nhiều cơ hội và cả những thách thức trong quan hệ thương mại của Việt Nam với các nước thành viên. Riêng đối với lĩnh vực chăn nuôi, thách thức sẽ rất lớn do Việt Nam sẽ phải đối mặt với dịch bệnh, sự cạnh tranh đến từ các sản phẩm chăn nuôi có chất lượng, chi phí giá thành thấp từ bên ngoài. Trong bối cảnh tình hình của ngành, của thị trường khó khăn, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc cùng toàn thể CBCNV Tập đoàn quyết tâm phấn đấu thực hiện hoàn thành các nhiệm vụ chủ yếu sau đây:



Một số chỉ tiêu kế hoạch SXKD chính năm 2019:

- ❖ Tổng doanh thu :10.401 tỷ đồng
- ❖ Lợi nhuận trước thuế: 405 tỷ đồng
- ❖ Lợi nhuận sau thuế : 356 tỷ đồng



Giải pháp chủ yếu Tập đoàn đề ra nhằm thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019:

1. Đối với lĩnh vực thức ăn chăn nuôi:

a. Nhóm giải pháp về mặt thị trường:

a1. Về tổ chức thị trường:

Năm 2019, các đơn vị TACN tiếp tục thực hiện mô hình quản lý thị trường theo địa bàn đã được qui hoạch và tiếp tục nghiên cứu các phương pháp quản lý phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả của công tác thị trường.



a2. Về con người:

- Các đơn vị phải đặc biệt chú trọng đến việc lựa chọn, tuyển dụng nhân sự làm công tác thị trường; tuyển đủ và tuyển nhân sự có chất lượng, làm được việc; tích cực tìm kiếm, thu hút người có năng lực, kinh nghiệm; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng những cán bộ mới có khả năng phát triển, nhằm xây dựng đội ngũ thị trường có năng lực và chuyên nghiệp.



- Cải tiến chất lượng nhân sự, nâng cao năng lực làm việc, các kiến thức chuyên môn và kỹ năng mềm của đội ngũ thị trường.

- Chủ động tính toán, bố trí, sắp xếp nhân sự một cách thực sự khoa học và hợp lý trong phạm vi mỗi vùng và giữa các phòng thị trường của Nhà máy, đảm bảo phát huy tối đa năng lực, sở trường của từng người, đóng góp vào việc phát triển chung của Nhà máy nói riêng và Tập đoàn nói chung.

- Quản lý tốt về thời gian làm việc, kết quả công việc, báo cáo công việc hàng ngày giám sát chặt chẽ trong từng công việc cụ thể của từng nhân viên thị trường. Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần tạo động lực phát huy năng lực trong từng cá nhân và tập thể.



- Có chính sách lương thưởng hợp lý, tạo động lực, khuyến khích và động viên cán bộ thị trường chủ động tích cực trong công việc.

a3. Về xây dựng hệ thống phân phối, phát triển thị trường:

- Tập trung chăm sóc hệ thống khách hàng cũ ổn định; hỗ trợ khách hàng cũ có khả năng tăng sản lượng; đồng thời có kế hoạch cải tạo chất lượng đại lý hoặc thay thế bằng đại lý mới tốt hơn nếu họ không phát triển được.



- Xây dựng kế hoạch phát triển khách hàng mới một cách cụ thể và tích cực; tập trung tìm kiếm, khai thác triệt để thị trường; Tích cực mở đại lý tiêu thụ ở tất cả các vùng trồng, các vùng chăn nuôi trọng điểm, vùng có số lượng đại lý ít, mật độ thưa, nâng cao số lượng và chất lượng đại lý, phân đầu phủ kín đại lý của công ty tại tất cả các vùng miền.

- Khảo sát, chăm sóc khách hàng mục tiêu ở những vùng tiềm năng, tạo cơ hội mở rộng hệ thống phân phối.

- Xây dựng cơ cấu sản phẩm hợp lý; Tùy theo từng thời điểm, từng vùng thị trường cụ thể để xây dựng cơ cấu sản phẩm cạnh tranh hợp lý, có khả năng khai thác tốt.

- Giao khoán sản lượng tiêu thụ cụ thể, chi tiết đến từng khách hàng, từng nhân viên thị trường; Xây dựng kế hoạch phát triển chi tiết cho từng khách hàng, từng vùng từ cấp xã, huyện trở lên.

a4. Về chế độ, chính sách thị trường:

- Nghiên cứu, sử dụng các chính sách bán hàng, các chương trình, thời gian thực hiện, đảm bảo mềm dẻo, hấp dẫn, linh hoạt và hiệu quả.

- Nghiên cứu và xây dựng chế độ đối với khách hàng mới, khách hàng bán nhiều mặt hàng và các trường hợp đặc biệt, đảm bảo hiệu quả kinh tế và mục tiêu phát triển, mở rộng thị trường.

- Giải quyết những tồn tại, vướng mắc, tiến tới thực hiện triệt để nguyên tắc bán hàng không cho nợ và nghiêm cấm tuyệt đối việc cạnh tranh nội bộ.



a5. Về đào tạo – huấn luyện:

- Ban kỹ thuật chất lượng chủ trì phối hợp với các Trường đào tạo, các Nhà máy TACN và các công ty sản xuất giống trong Tập đoàn tổ chức đào tạo cho toàn thể cán bộ, nhân viên thị trường mỗi tháng tối thiểu 1 ngày về các nội dung: Kỹ thuật chăn nuôi, dinh dưỡng, sử dụng thức ăn, phòng và chữa bệnh gia súc gia cầm; Kỹ năng bán hàng, kiến thức về quản trị, khai thác, phát triển thị trường, khách hàng...





- Xây dựng qui trình, sổ tay sử dụng thức ăn, kỹ thuật chăn nuôi; Phổ biến, huấn luyện cho toàn bộ cán bộ, nhân viên các phòng thị trường nắm vững qui trình và hướng dẫn khách hàng, người chăn nuôi thực hiện đúng qui trình đã ban hành, nhằm nâng cao hiệu quả trong chăn nuôi.

- Quan tâm, chú trọng đến công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn kỹ thuật cho cán bộ, công nhân kỹ thuật của đơn vị mình, nếu không tự làm được cho phép thuê chuyên gia giỏi để đào tạo.

b. Nhóm giải pháp về tổ chức sản xuất:

- Thực hiện nghiêm ngặt qui trình sản xuất, giám sát chặt chẽ tất cả các công đoạn từ nhập nguyên liệu đầu vào đến sản phẩm đầu ra, tiết kiệm triệt để các chi phí, hạn chế việc dừng máy, chạy không tải, sửa chữa, lãng phí điện năng làm tăng giá thành sản phẩm.

- Tăng cường đào tạo kiến thức, kỹ năng cho CBCNV, nâng cao ý thức tự giác tuân thủ qui định, quy trình của từng người, từng vị trí công việc, từng nhóm với tinh thần trách nhiệm cao nhất.

- Thực hiện nghiêm chỉnh và hiệu quả các qui trình theo Tiêu chuẩn ISO 9001, 22.000 và chương trình thực hành tốt 5S.



c. Nhóm giải pháp về nguyên liệu:

- Bám sát kế hoạch sản xuất kinh doanh, diễn biến giá cả nguyên liệu và các yếu tố ảnh hưởng đến giá cả (như giá dầu, tỉ giá ngoại tệ...) để quyết định mua ở mức giá, thời điểm hợp lý nhất, đảm bảo yêu cầu sản xuất và dự trữ nguyên liệu theo qui định của Tập đoàn.

- Lựa chọn nhà cung cấp nguyên liệu có uy tín, đảm bảo chất lượng, giá cả hợp lý, đáp ứng nhu cầu sản xuất của các Nhà máy.

- Tìm kiếm và có phương án sử dụng nguyên liệu thay thế, đảm bảo chất lượng và giá thành sản phẩm.

2. Đối với lĩnh vực chăn nuôi gia súc, gia cầm:

- Năm 2019, các đơn vị sản xuất giống cần phải nỗ lực, tích cực nghiên cứu các giải pháp nâng cao năng suất, quản lý chặt chẽ các chi phí, thực hành tiết kiệm triệt để, hạ giá thành sản xuất, nâng cao hiệu quả SXKD nhằm thực hiện tốt tiêu chí của Tập đoàn trong công tác làm giống “*chất lượng con giống phải tốt nhất*”, định vị thương hiệu con giống Dabaco nằm ở Top đầu.



- Tích cực nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật mới trong chăn nuôi nhằm nâng cao năng suất, chất lượng con giống, phấn đấu đưa các chỉ tiêu kỹ thuật đạt mức ngang bằng với thế giới.



- Thực hiện nghiêm ngặt các quy trình chăn nuôi, vệ sinh thú y, vệ sinh phòng dịch, đảm bảo tuyệt đối an toàn cho vật nuôi; Thực hiện tốt công tác quản lý, kỹ thuật để đảm bảo đàn giống gia súc, gia cầm sinh trưởng, phát triển tốt, giảm tối đa tỷ lệ chết.



- Tích cực thực hiện các biện pháp nhằm giảm thiểu tối đa tác động đến môi trường như thường xuyên quét dọn, trồng cây xanh, khơi thông cống rãnh, phun thuốc sát trùng, vận hành hệ thống xử lý chất thải... đảm bảo các tiêu chuẩn về khí thải, chất thải, nước thải nằm trong giới hạn cho phép. Công tác bảo vệ môi trường là một trong những nhiệm vụ “trọng tâm, sống còn” cần phải làm thường xuyên, liên tục cùng với vấn đề năng suất, chất lượng và an toàn dịch bệnh.

- Đảm bảo an toàn tuyệt đối về vấn đề cháy nổ, áp dụng các biện pháp sưởi ấm cho vật nuôi an toàn và tiết kiệm.

- Tăng cường công tác đào tạo, huấn luyện cho đội ngũ cán bộ và công nhân kỹ thuật. Năm 2019, Tập đoàn thành lập tổ công tác gồm những người có trình độ chuyên môn cao đi hướng dẫn, đào tạo trực tiếp về kỹ thuật đối với từng đơn vị, nhằm nâng cao tính chuyên nghiệp, lành nghề của cán bộ kỹ thuật và công nhân chăn nuôi.



- Đối với chăn nuôi gia công lợn phải siết chặt công tác quản lý, xem quản lý là vấn đề được quan tâm hàng đầu trong hoạt động chăn nuôi gia công; phải gắn chỉ tiêu chất lượng với hạ giá thành sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả SXKD; Tổ chức thực hiện nghiêm ngặt các quy trình, tuyệt đối không được tùy tiện cắt giảm thuốc, vắc xin nhằm hạ giá thành, gây ảnh hưởng đến năng suất, chất lượng sản phẩm; Lựa chọn các chuồng nuôi đảm bảo các điều kiện và tiêu chuẩn hạ tầng, cơ sở vật chất. Thực hiện khoán đến từng khâu, từng chuồng, từng người lao động trong công ty về các định mức, chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật, tiền công, tiền lương, chi phí...; các chuồng thuê nuôi phải áp dụng định mức khoán giống như các hộ gia công; áp dụng các định mức kinh tế kỹ thuật theo kết quả nuôi thí nghiệm lợn của Tập đoàn để giao khoán.



- Các đơn vị chăn nuôi phải tăng cường hơn nữa công tác thị trường, xây dựng kênh phân phối và hệ thống tiêu thụ rộng khắp, đảm bảo tiêu thụ hết sản lượng sản xuất với giá tốt nhất tại thời điểm.



3. Đối với các lĩnh vực kinh doanh khác.

- Kiểm soát chặt chẽ về lao động, vật tư, tài sản, tiền vốn, chi phí, sản phẩm lỗi, hư hao... khắc phục triệt để tình trạng sản xuất kinh doanh kém hiệu quả, thua lỗ tại các lĩnh vực như: nhà hàng, siêu thị, chế biến thực phẩm, sản xuất rau an toàn, kinh doanh bất động sản...

- Nâng cao chất lượng, cải tiến mẫu mã bao bì phục vụ các nhà máy trong Công ty, thị trường nội địa và xuất khẩu.

- Đẩy mạnh tiến độ thực hiện các dự án phục vụ sản xuất.

4. Công tác tổ chức, quản lý:

- Thực hiện nghiêm túc các quy định của Nhà nước, quy chế, quy định của Tập đoàn, thực hiện cuộc cách mạng triệt để về tiết kiệm, chống lãng phí, tham nhũng... không ngừng nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Thực hiện nghiêm chỉnh chế độ trách nhiệm người đứng đầu ở các đơn vị đảm bảo sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Nếu để thất thoát tài sản, vật tư, tiền vốn hoặc kinh doanh kém hiệu quả thì người đứng đầu đơn vị phải chịu trách nhiệm trước Tập đoàn và pháp luật.

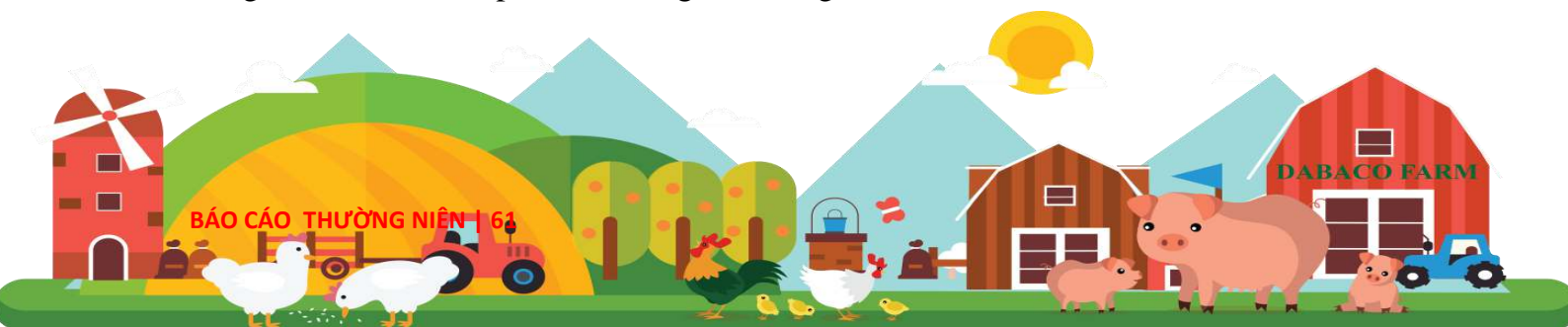
- Nâng cao hiệu quả quản lý tài chính, quản lý nhân lực nhằm nâng cao năng lực làm việc của đội ngũ cán bộ, người lao động, đảm bảo duy trì tình hình tài chính lành mạnh và ổn định, tích cực khai thác nguồn vốn với chi phí thấp nhất để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.



- Tổ chức tuyển chọn, đào tạo và sử dụng lao động hợp lý nhằm phục vụ cho các nhà máy, Công ty TNHH sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Đặc biệt chú trọng chất lượng nguồn nhân lực, nhất là đội ngũ nhân sự quản lý, kỹ thuật; giảm tối đa lực lượng lao động hành chính. Thực hiện tốt các chính sách lương thưởng, đãi ngộ, đảm bảo trả lương xứng đáng với trình độ chuyên môn và từng vị trí công việc, tránh gây mất đoàn kết nội bộ, tránh cào bằng; quan tâm nâng cao đời sống cho người lao động.

- Thực hiện hiệu quả phương án khoán đến từng vị trí công việc, đảm bảo chuyên sâu và chuyên môn hóa cao.

- Làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động cán bộ, người lao động tích cực thi đua lao động sản xuất, phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ kế hoạch năm 2019. Thực hiện tốt công tác thi đua khen thưởng, kỷ luật, đảm bảo công khai, dân chủ, kịp thời và đúng đối tượng.



5. TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY:

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường:

Tập đoàn luôn luôn thực hiện tốt các biện pháp bảo vệ môi trường, không ngừng nghiên cứu, cải tiến, ứng dụng khoa học công nghệ cao vào sản xuất góp phần bảo vệ môi trường ngày càng tốt hơn.

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:



Nhận thức được vai trò của con người đối với doanh nghiệp, Ban Lãnh đạo Công ty luôn quan tâm đến đời sống của người lao động, đảm bảo những quyền và lợi ích của người lao động theo đúng đường lối của Đảng chính sách pháp luật của Nhà nước nhằm tạo môi trường làm việc thuận lợi nhất cho người lao động yên tâm công tác.

c) Trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

Tập đoàn rất coi trọng và quan tâm xây dựng mối quan hệ mật thiết với các cộng đồng chủ chốt bằng các hình thức như ủng hộ xây dựng các công trình phúc lợi, đền ơn đáp nghĩa, tạo công ăn việc làm cho người dân, tích cực tham gia các hoạt động xã hội, các hoạt động từ thiện và bảo vệ môi trường tại địa phương.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

Năm 2018, là năm nhiều thách thức với ngành chăn nuôi, mặc dù vậy, Ban lãnh đạo Tập đoàn đã luôn bám sát diễn biến của thị trường các sản phẩm chăn nuôi, tìm mọi giải pháp để nâng cao năng suất, chất lượng, giảm chi phí hạ giá thành sản phẩm. Do vậy, hầu hết các chỉ tiêu kỹ thuật về năng suất, chất lượng sản phẩm đều đạt tốt. Tuy nhiên, do giá các sản phẩm chăn nuôi xuống thấp khiến cho các đơn vị này không thực hiện được kế hoạch kinh doanh đã đề ra.

Mặc dù còn gặp nhiều khó khăn, song Tập đoàn vẫn thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách cho người lao động như chế độ ốm đau, thai sản, sinh nhật, đám hiếu, hỷ; thực hiện tốt chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thân thể cho người lao động theo quy định của pháp luật; đảm bảo thu nhập bình quân của người lao động đạt mức khá tốt so với các doanh nghiệp trong ngành; Các lợi ích của cổ đông cũng được đảm bảo.

❖ Đánh giá của Hội đồng quản trị liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội của công ty:

Nhận thức bảo vệ môi trường là một nhiệm vụ quan trọng trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp, tất cả các nhà máy sản xuất, đơn vị chăn nuôi của công ty đều được đầu tư hệ thống xử lý môi trường hiện đại, tuân thủ đúng các tiêu chuẩn về môi trường theo quy định hiện hành. Công ty luôn đảm bảo việc phát triển kinh doanh gắn liền với việc đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường. Công ty đã thực hiện đúng các chủ trương, chính sách pháp luật của Nhà nước, tích cực bảo vệ môi trường, thực hiện tốt các trách nhiệm xã hội đối với cộng đồng địa phương.



2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty

2.1. Hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

- Ban Tổng Giám đốc có 7 thành viên gồm: Tổng Giám đốc và 06 Phó Tổng Giám đốc được phân công phụ trách các lĩnh vực hoạt động của Công ty: Tài chính, Kỹ thuật, Vật tư – XNK, Thị trường, Công nghệ, Sản xuất giống, Đầu tư xây dựng.

- Trong năm qua, Ban Tổng Giám đốc đã có những chính sách, biện pháp sát với tình hình thực tế, chỉ đạo, điều hành xuyên suốt các phòng ban, các công ty và đơn vị trực thuộc thực hiện các chỉ tiêu, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 do Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đề ra.

2.2. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc:

HĐQT công ty định hướng chỉ đạo, theo dõi và giám sát đối với việc quản lý, điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc Công ty thông qua:

- HĐQT đã thực hiện tốt vai trò định hướng, quản lý và giám sát toàn diện các mặt hoạt động SXKD, hoạt động đầu tư của Công ty, kịp thời đưa ra các biện pháp hiệu quả, chỉ đạo thực hiện quyết liệt các giải pháp có trọng tâm, trọng điểm, tuân thủ đúng pháp luật, đảm bảo thực hiện tốt các kế hoạch, nhiệm vụ theo đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua, đồng thời đảm bảo tính minh bạch và tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông và nhà đầu tư cũng như cơ quan quản lý Nhà nước có thể thực hiện tốt chức năng thanh tra, kiểm soát, giám sát của mình.

- Thông báo đầy đủ và kịp thời các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đến các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và chỉ đạo, giám sát Ban Tổng Giám đốc thực hiện đúng các nội dung đã được thông qua theo quy định.

- Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT duy trì chế độ họp giao ban sản xuất định kỳ 1 tháng 1 lần với Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc các Ban chuyên môn nghiệp vụ Công ty, Giám đốc các Công ty TNHH một thành viên và đơn vị trực thuộc để nghe báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị, đồng thời có ý kiến chỉ đạo trực tiếp tại cuộc họp, đảm bảo các quyết định chỉ đạo của HĐQT được kịp thời và bám sát tình hình SXKD thực tế của Công ty.

2.3. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty:

- Ban TGD đã thực thi đúng quyền hạn và nghĩa vụ với tinh thần trách nhiệm cao, vì lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông. Ban Tổng Giám đốc đã bám sát các mục tiêu, định hướng ĐHĐCĐ quyết nghị để triển khai các nhiệm vụ cụ thể trong việc thực hiện quản lý, điều hành công ty và các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty.

- Trong năm qua, Ban TGD đã không ngừng đổi mới công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, xây dựng cơ chế chính sách phù hợp với tình hình thực tế của công ty, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý.

3. Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Phát triển thành một tập đoàn kinh tế vững mạnh trong lĩnh vực nông nghiệp - thực

phẩm ứng dụng công nghệ cao theo mô hình **3F (Farm-Feed-Food)** gồm: “Sản xuất giống gia súc, gia cầm và chăn nuôi gia công (Farm - Trang trại) - Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (Feed - Thức ăn) -



Giết mổ và chế biến thực phẩm, sản xuất rau an toàn ứng dụng công nghệ cao song song với phát triển hệ thống bán lẻ hiện đại theo mô hình Siêu thị và Cửa hàng thực phẩm sạch DABACO (Food - Thực phẩm)”; đồng thời tận dụng các cơ hội từ lĩnh vực kinh doanh bất động sản, thương mại – dịch vụ để nâng cao hiệu quả hoạt động SXKD.

- Tăng cường hoạt động nghiên cứu phát triển, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học và tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất; lai tạo giống gia súc, gia cầm có năng suất, chất lượng cao và sạch bệnh; tạo ra các sản phẩm mới trong chăn nuôi có giá trị gia tăng cao.

- Ưu tiên đầu tư xây dựng và cải tạo, nâng cấp các cơ sở sản xuất kinh doanh, mở rộng qui mô, nâng cao năng suất, chất lượng, gia tăng giá trị và khả năng cạnh tranh.

- Phát triển bền vững đi đôi với bảo vệ môi trường sinh thái và trách nhiệm với cộng đồng.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

a) Thành viên và cơ cấu HĐQT

TT	Họ và tên	Chức danh	Số cổ phần sở hữu (chốt ngày 02/04/2018)	Tỷ lệ (%)
1	Ông Nguyễn Như So	Chủ tịch HĐQT	15.132.554	18,27%
2	Ông Nguyễn Khắc Thảo	Phó CT HĐQT kiêm TGD	927.828	1,12%
3	Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Ủy viên HĐQT kiêm Phó TGD, Kế toán trưởng	1.407.120	1,7%
4	Ông Nguyễn Thế Tường	Ủy viên HĐQT kiêm Phó TGD	878.592	1,06%
5	Ông Nguyễn Đình Toàn	Ủy viên HĐQT, không điều hành	6.629	0,01%
6	Ông Nguyễn Hoàng Nguyên	Ủy viên HĐQT, không điều hành	94.248	0,11%
7	Ông Trần Xuân Mạnh	Ủy viên HĐQT, không điều hành	403.920	0,49%
8	Ông Lê Quốc Đoàn	Ủy viên HĐQT, không điều hành	951.371	1,15%
9	Bà Nguyễn Thanh Hương	Ủy viên HĐQT, độc lập không điều hành	0	



b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Công ty không thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị được phân công phụ trách từng lĩnh vực cụ thể.

c) Hoạt động của HĐQT:

Các cuộc họp của HĐQT:

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	Số 01/2018/NQ- HĐQT	02/01/2018	<ul style="list-style-type: none">- Sơ kết, đánh giá kết quả SXKD năm 2017;- Thông qua kế hoạch SXKD năm 2018;- Thông qua việc đề nghị cấp GHTD và vay vốn của Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Bắc Ninh tại VietinBank Bắc Ninh;- Thông qua việc vay vốn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Phước đầu tư dự án Khu chăn nuôi gà;- Một số nội dung khác.
2	Số 02/2018/NQ- HĐQT	24/01/2018	<ul style="list-style-type: none">- Thông qua việc xét thưởng năm 2017 và thưởng tết Mậu Tuất năm 2018;- Thông qua việc vay vốn tại các ngân hàng, tổ chức tín dụng, công ty cho thuê tài chính để phục vụ SXKD năm 2018 và đầu tư xây dựng;- Thông qua giao dịch giữa Công ty cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam với các bên có liên quan;- Thông qua việc thay đổi vốn điều lệ của Công ty TNHH Bất động sản DABACO;- Đăng ký bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và Phát triển Hạ tầng Dabaco;- Đăng ký thay đổi người đứng đầu chi nhánh Công ty cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam – Nhà máy chế biến TACN cao cấp Nasaco;- Một số nội dung khác.
3	Số 03/2018/NQ- HĐQT	12/03/2018	<ul style="list-style-type: none">- Chuyển nhượng vốn góp của Công ty cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam tại Công ty TNHH Bất động sản Dabaco;- Điều chuyển tài sản và góp vốn vào các công ty con.
4	Số 04/2018/NQ- HĐQT	10/04/2018	<ul style="list-style-type: none">- Đánh giá tình hình SXKD quý I/2018 và triển khai nhiệm vụ quý II/2018;- Thông qua việc đề nghị cấp tín dụng tại Ngân hàng SeABank Chi nhánh BN để phục vụ cho hoạt động SXKD và đầu tư dự án của Công ty;- Thông qua dự án đầu tư;- Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018.



5	Số 05/2018/NQ- HDQT	17/05/2018	<ul style="list-style-type: none"> - Thành lập Công ty TNHH một thành viên để quản lý, khai thác dự án Tổ hợp sản xuất giống gia súc, gia cầm tại huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang; - Miễn nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc Công ty đối với ông Nguyễn Văn Tuấn; - Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp của một số công ty con; - Thông qua việc vay vốn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Phước đầu tư dự án Nhà máy thức ăn chăn nuôi; - Thông qua việc vay vốn của Công ty TNHH MTV Thương mại Hiệp Quang; - Điều chỉnh thời gian thực hiện một số dự án.
6	Số 06/2018/NQ- HDQT	09/07/2018	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá tình hình SXKD 6 tháng đầu năm 2018 và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm; - Thành lập doanh nghiệp dự án để triển khai thực hiện dự án đầu tư xây dựng tuyến đường H2, thành phố Bắc Ninh theo hình thức hợp đồng Xây dựng – Chuyển giao (BT); - Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cho năm tài chính 2018; - Thông qua việc thay đổi nhân sự và đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp của Công ty TNHH DABACO Tuyên Quang; - Thông qua chủ trương chuyển nhượng Công ty TNHH Dabaco Tây Bắc; - Thông qua một số dự án đầu tư.
7	Số 07/2018/NQ- HDQT	02/08/2018	Thông qua việc chuyển nhượng toàn bộ vốn góp của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam tại Công ty TNHH MTV Dabaco Tây Bắc.
8	Số 08/2018/NQ- HDQT	03/12/2018	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá tình hình SXKD 11 tháng đầu năm 2018 và triển khai nhiệm vụ tháng cuối năm; - Triển khai xây dựng kế hoạch SXKD năm 2019; - Triển khai công tác kiểm kê đánh giá tài sản năm 2018; - Thành lập công ty con; - Thông qua việc điều chỉnh một số dự án.



Tỷ lệ tham dự các cuộc họp của thành viên HĐQT

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
01	Ông Nguyễn Như So	Chủ tịch HĐQT	26/4/2015	08	100%	
02	Ông Nguyễn Khắc Thảo	Phó Chủ tịch HĐQT	26/4/2015	08	100%	
03	Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Ủy viên HĐQT	26/4/2015	08	100%	
04	Ông Nguyễn Thế Tường	Ủy viên HĐQT	26/4/2015	08	100%	
05	Ông Nguyễn Hoàng Nguyên	Ủy viên HĐQT	26/4/2015	08	100%	
06	Ông Nguyễn Đình Toàn	Ủy viên HĐQT	26/4/2015	08	100%	
07	Ông Trần Xuân Mạnh	Ủy viên HĐQT	26/4/2015	08	100%	
08	Ông Lê Quốc Đoàn	Ủy viên HĐQT	26/4/2015	08	100%	
09	Bà Nguyễn Thanh Hương	Ủy viên HĐQT	26/4/2015	08	100%	

Năm 2018 các phiên họp của Hội đồng quản trị được duy trì đều đặn và đúng Điều lệ, Quy chế quản trị công ty. HĐQT đã bám sát định hướng của Nghị quyết ĐHĐCĐ và tình hình thực tế của Tập đoàn, diễn biến của thị trường, kịp thời đưa ra các giải pháp hiệu quả, chỉ đạo thực hiện quyết liệt các giải pháp có trọng tâm, trọng điểm, tuân thủ đúng pháp luật, điều hành công ty vượt qua khó khăn, thách thức. Trong năm, HĐQT đã tổ chức 8 phiên họp tập trung chủ yếu vào các vấn đề: Thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ 2018, phê duyệt kế hoạch SXKD, đánh giá kết quả SXKD trong năm của từng đơn vị và toàn Tập đoàn, quyết định hạn mức vay vốn ngân hàng, các khoản đầu tư thuộc thẩm quyền của HĐQT, chi trả cổ tức và các vấn đề quan trọng khác của công ty, đồng thời đảm bảo tính minh bạch và tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông và các nhà đầu tư cũng như cơ quan quản lý có thể thực hiện tốt được chức năng giám sát, thanh tra, kiểm soát của mình.



d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập, không điều hành: Các thành viên HĐQT độc lập, không điều hành đã thực hiện tốt vai trò, nhiệm vụ của mình, tham gia đầy đủ các phiên họp và các hoạt động của HĐQT, phát huy vai trò phản biện đối với các thành viên HĐQT khác và Ban điều hành.

e) Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

Tất cả thành viên HĐQT công ty đã tham gia lớp đào tạo về quản trị Công ty do UBCKNN tổ chức và đã được cấp chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty, cụ thể:

TT	Họ tên	Chức vụ	Số chứng nhận của chứng chỉ QTCT
1	Ông Nguyễn Như So	Chủ tịch HĐQT	13 QTCT 312/QĐ-TTNC
2	Ông Nguyễn Khắc Thảo	Phó Chủ tịch HĐQT	14 QTCT 312/QĐ-TTNC
3	Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Ủy viên HĐQT	90 QTCT 67/QĐ-TTNC
4	Ông Nguyễn Hoàng Nguyên	Ủy viên HĐQT	39 QTCT 53/QĐ-TTNC
5	Ông Nguyễn Thế Tường	Ủy viên HĐQT	67 QTCT 53/QĐ-TTNC
6	Bà Nguyễn Thanh Hương	Ủy viên HĐQT	22 QTCT 42/QĐ-TTNC
7	Ông Trần Xuân Mạnh	Ủy viên HĐQT	04 QTCT 56/QĐ-TTNC
8	Ông Lê Quốc Đoàn	Ủy viên HĐQT	05 QTCT 56/QĐ-TTNC
9	Ông Nguyễn Đình Toàn	Ủy viên HĐQT	06 QTCT 56/QĐ-TTNC

2. BAN KIỂM SOÁT

a) Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát

TT	Họ và tên	Chức danh	Số cổ phần sở hữu (chốt ngày 02/04/2018)	Tỷ lệ (%)
1	Ông Nguyễn Văn Lĩnh	Trưởng BKS	34.320	0,04%
2	Ông Ngô Huy Tuệ	TV BKS	2.772	0,003%
3	Bà Đinh Thị Minh Thuận	TV BKS	3.960	0,005%



b) Hoạt động của Ban kiểm soát

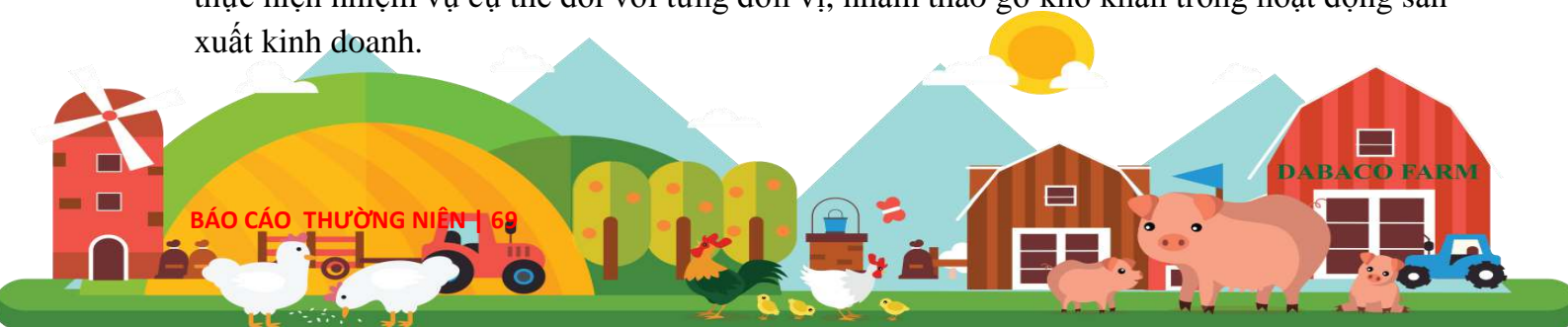
Cuộc họp của Ban kiểm soát

TT	Số Biên bản	Ngày họp	Nội dung họp
1	Số 01/2018/ BB-BKS	03/01/2018	- Thông báo kết quả SXKD2017, - Thông báo một số quyết định, chủ trương 2018 - Thông báo chương trình & nội dung chuẩn bị đại hội cổ đông thường niên năm 2018.
2	Số 02/2018/ BB-BKS	01/04/2018	- Thông báo 1 số nội dung về đại hội ngày 23/4/2018 - Thông báo sơ bộ kết quả kinh doanh những tháng đầu năm, biện pháp triển khai một số nhiệm vụ cấp bách 6 tháng cuối năm;
3	Số 03/2018/ BB-BKS	02/10/2018	- Thông báo và phổ biến nội dung đánh giá 9 tháng hoạt động sản xuất kinh doanh và kế hoạch triển khai của HĐQT 3 tháng cuối năm 2018 - Yêu cầu các thành viên tăng cường đôn đốc kiểm tra sát các đơn vị, ban kiểm soát cũng phải tăng cường kiểm tra các đơn vị, tìm ra yếu kém để khắc phục - Thông báo một số chủ trương của HĐQT công ty; - Triển khai công việc của Ban kiểm soát.
4	Số 04/2018/ BB-BKS	3/11/2018	- Tăng cường đôn đốc kiểm tra sát các đơn vị, đặc biệt kiểm tra sát sao việc phòng dịch ban kiểm soát cũng phải tăng cường kiểm tra các đơn vị, tìm ra yếu kém để khắc phục - Thông báo một số chủ trương của HĐQT công ty; - Triển khai công việc của Ban kiểm soát.

Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát:

Đối với Hội đồng quản trị:

- Hàng quý, HĐQT tiến hành họp định kỳ, đột xuất theo quy định của Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT, Quy chế quản trị Công ty để triển khai công tác giám sát và định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tại các phiên họp, HĐQT yêu cầu Ban Tổng Giám đốc báo cáo về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; Xem xét, đánh giá việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra và đưa ra các giải pháp thực hiện nhiệm vụ cụ thể đối với từng đơn vị, nhằm tháo gỡ khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh.



- Các phiên họp HĐQT và các cuộc họp giao ban Công ty hàng tháng do Chủ tịch HĐQT chủ trì, Ban kiểm soát đều được mời tham dự, phát biểu ý kiến nhằm đảm bảo các hoạt động của Công ty luôn đáp ứng quyền lợi của các cổ đông.

- Nghị quyết HĐQT đưa ra đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật và bám sát thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đảm bảo tính dân chủ và thống nhất cao. Việc triển khai các Nghị quyết của HĐQT được thực hiện nghiêm túc và hiệu quả. Công bố thông tin các nội dung của Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Đối với Ban Tổng Giám đốc:

- Ban Tổng Giám đốc quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng các mục tiêu đã được Đại hội đồng cổ đông và HĐQT phê duyệt. Các thành viên Ban Tổng Giám đốc được phân công phụ trách các đơn vị theo từng lĩnh vực cụ thể, có trách nhiệm chỉ đạo và kiểm tra toàn bộ hoạt động SXKD của đơn vị, từ đó chỉ ra được những tồn tại trong quá trình hoạt động SXKD và đưa ra giải pháp hỗ trợ các đơn vị khắc phục hiệu quả.

- Ban Tổng Giám đốc làm việc với tinh thần trách nhiệm cao vì lợi ích của Công ty và cổ đông; không ngừng đổi mới công tác quản lý, điều hành, xây dựng cơ chế chính sách phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh thực tế của Công ty, quan tâm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.

- Đánh giá chung, ngành chăn nuôi năm 2018 gặp nhiều khó khăn do giá thực phẩm xuống thấp kéo dài từ năm 2017. Tuy nhiên, 6 tháng cuối năm 2018 giá các thực phẩm chăn nuôi, đặc biệt là giá lợn có sự hồi phục tích cực và tăng trưởng ổn định, người chăn nuôi bắt đầu có lãi. Mặc dù vậy, hoạt động chăn nuôi vẫn luôn phải đối mặt với nhiều thách thức như tình hình dịch bệnh, cạnh tranh với các sản phẩm nhập khẩu.... Với sự chỉ đạo kịp thời, sát sao và trực tiếp của HĐQT về việc triển khai thực hiện nghiêm túc và đồng bộ các giải pháp kỹ thuật và quản lý, sự chủ động, tích cực của Ban điều hành và Ban giám đốc các đơn vị thành viên trong việc thường xuyên rà soát, đánh giá và không ngừng cải tiến, nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm. Do đó, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 hầu hết các đơn vị trong lĩnh vực chăn nuôi của Tập đoàn đều đạt kết quả tốt, dẫn đến kết quả SXKD chung của Tập đoàn năm 2018 hoàn thành kế hoạch đề ra.

Đối với các cán bộ quản lý khác:

Các cán bộ quản lý khác của Công ty thực hiện công tác quản lý, điều hành theo sự chỉ đạo của Ban Tổng Giám đốc, nhất quán thực hiện các mục tiêu, kế hoạch sản xuất kinh doanh mà Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đề ra ngay từ những ngày đầu năm. Đồng thời, chủ động đưa ra các giải pháp triển khai thực hiện mục tiêu cho phù hợp với biến động của thị trường.



Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:

- HĐQT cung cấp đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT cho Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát trong việc thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty khi có yêu cầu. Hoạt động của Ban kiểm soát được tôn trọng và đảm bảo tính khách quan, độc lập.

- Ban kiểm soát đã phối hợp tốt với các đoàn kiểm tra, tổ công tác của Công ty triển khai công tác kiểm tra, giám sát tại các đơn vị thành viên Công ty.

- Những ý kiến của Ban kiểm soát gửi đến HĐQT, Ban Tổng Giám đốc đều được phản hồi đầy đủ và kịp thời.

Hoạt động khác của BKS:

- Kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đối với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc Công ty.

- Xem xét tính phù hợp các Quyết định của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành; kiểm tra trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Xem xét, thẩm định Báo cáo tài chính quý, năm nhằm đánh giá tính hợp lý của các số liệu tài chính.

- Giám sát việc thực thi pháp luật và thực hiện các quy chế, quy định mà Công ty đã ban hành cũng như xem xét, kiến nghị Công ty xây dựng, ban hành các quy chế nội bộ.

Một số kiến nghị của Ban kiểm soát:

Qua thực tế giám sát hoạt động của công ty, để duy trì được tốc độ tăng trưởng theo kế hoạch kinh doanh 2018 đã trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2018, đồng thời kiểm soát được những rủi ro có thể phát sinh, Ban kiểm soát có một số kiến nghị như sau:

- Đề nghị HĐQT và Ban TGD tiếp tục chỉ đạo, tăng cường công tác giám sát bán hàng
- Tiếp tục rà soát, cải tiến quy trình, quy chế quản lý, giám sát làm cơ sở cho công tác điều hành, đánh giá hiệu quả và kiểm soát rủi ro.
- Tăng cường vai trò của kiểm soát nội bộ trong việc quản lý tài chính, giám sát sự tuân thủ các quy trình, quy chế trong công ty.
- Xây dựng định mức tồn kho, quy trình quản lý kho theo tiêu chuẩn tiên tiến để tăng vòng quay hàng tồn kho đồng thời vẫn đảm bảo việc cung ứng hàng cho thị trường.

Phương hướng hoạt động của Ban kiểm soát năm 2019:

- Ban kiểm soát sẽ tiếp tục thực hiện công việc kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
- Giám sát HĐQT và Ban Tổng Giám đốc công ty trong việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ công ty.



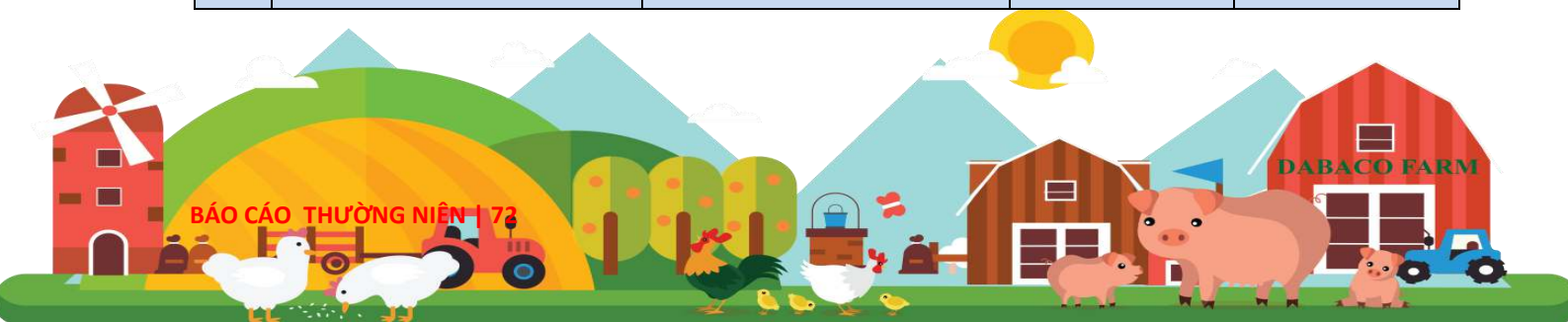
- Thực hiện công tác thẩm định các báo cáo tình hình kinh doanh và báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT công ty để trình ĐHCĐ thường niên 2019.
- Tiếp tục rà soát, kiến nghị những vấn đề bất cập trong các quy trình, quy chế, hoạt động kinh doanh của công ty. Giám sát việc tuân thủ đúng các quy trình và quy chế. Giám sát việc triển khai các dự án đầu tư mới.

3. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

a) Tiền lương và thù lao của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát năm 2018 (chưa trừ thuế TNCN và BHXH, YT, TN):

Hội đồng quản trị, Ban điều hành:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương (VNĐ)	Tiền thù lao (VNĐ)
1	Ông Nguyễn Như So	Chủ tịch HĐQT	883.598.000	360.000.000
2	Ông Nguyễn Khắc Thảo	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	663.349000	240.000.000
3	Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Ủy viên HĐQT, Phó TGD, Kế toán trưởng	442920.000	240.000.000
4	Ông Nguyễn Thế Tường	Ủy viên HĐQT, Phó TGD	442.771.000	240.000.000
5	Ông Nguyễn Đình Toàn	Ủy viên HĐQT, không điều hành	-	240.000.000
6	Ông Nguyễn Hoàng Nguyên	Ủy viên HĐQT, không điều hành	-	240.000.000
7	Ông Trần Xuân Mạnh	Ủy viên HĐQT, không điều hành	-	240.000.000
8	Ông Lê Quốc Đoàn	Ủy viên HĐQT, không điều hành	-	240.000.000
9	Bà Nguyễn Thanh Hương	Ủy viên HĐQT, độc lập không điều hành	-	300.000.000
10	Ông Nguyễn Trọng Kịch	Phó TGD	530.920.000	-
11	Ông Phạm Văn Học	Phó TGD	602.771.000	-
12	Ông Nguyễn Thế Chinh	Phó TGD	530.920.000	-
13	Ông Nguyễn Văn Tuế	Phó TGD	552.920.000	-



Ban kiểm soát

TT	Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương (VNĐ)	Tiền thù lao (VNĐ)
1	Ông Nguyễn Văn Lĩnh	Trưởng BKS	308.621.000	36.000.000
2	Ông Ngô Huy Tuệ	TV BKS	165.000.000	24.000.000
3	Bà Đinh Thị Minh Thuận	TV BKS	-	18.000.000

b) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

- Công ty thực hiện nghiêm chỉnh các qui định của pháp luật về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và các qui định về quản trị công ty theo Điều lệ, Quy chế quản trị công ty đã ban hành.

- Tuân thủ các quy định tại Quy chế công bố thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

- Để đảm bảo tính minh bạch và quyền lợi với tất cả các cổ đông và nhà đầu tư, Công ty luôn rà soát và hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định nội bộ giúp Ban lãnh đạo Công ty quản lý chuẩn mực và hiệu quả.



DABACO
KHẲNG ĐỊNH VỊ THẾ
VƯỜN TÂM QUỐC TẾ

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam

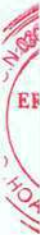
Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018



MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 49



Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 2300105790 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp vào ngày 23 tháng 12 năm 2004, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 18 được cấp ngày 4 tháng 5 năm 2018.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- ▶ Sản xuất thức ăn chăn nuôi; sản xuất và kinh doanh giống gia súc, gia cầm, thủy cầm, giống thủy sản; sản xuất tinh gia súc;
- ▶ Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị máy móc, phương tiện vận tải, hàng tiêu dùng, nguyên liệu chế biến thức ăn chăn nuôi; đại lý và kinh doanh xăng dầu, cảng bốc xếp và vận tải hàng hóa;
- ▶ Kinh doanh bất động sản, nhà ở và đầu tư xây dựng hạ tầng khu đô thị mới, khu công nghiệp vừa và nhỏ;
- ▶ Sản xuất, chế biến và kinh doanh thịt gia súc, gia cầm, thủy cầm; sản xuất, chế biến và kinh doanh thức ăn thủy sản; nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi; nuôi giữ, lai tạo đàn giống gốc: gia súc, gia cầm và thủy sản;
- ▶ Kinh doanh siêu thị; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

Công ty có trụ sở chính tại số 35, đường Lý Thái Tổ, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh và các chi nhánh sau:

<i>Tên chi nhánh</i>	<i>Địa chỉ</i>
Chi nhánh Công ty tại thành phố Hồ Chí Minh	Số 22 ấp 4, đường số 18, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
Cửa hàng xăng dầu	Xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Như So	Chủ tịch
Ông Nguyễn Khắc Thảo	Phó Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên
Ông Nguyễn Thế Tường	Thành viên
Ông Nguyễn Hoàng Nguyên	Thành viên
Ông Nguyễn Đình Toàn	Thành viên
Ông Trần Xuân Mạnh	Thành viên
Ông Lê Quốc Đoàn	Thành viên
Bà Nguyễn Thanh Hương	Thành viên

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Lĩnh	Trưởng ban
Ông Ngô Huy Tuệ	Thành viên
Bà Đinh Thị Minh Thuận	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Khắc Thảo	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trọng Kích	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Học	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thế Tường	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng
Ông Nguyễn Thế Chinh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tuế	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Phó Tổng Giám đốc

miễn nhiệm ngày 1 tháng 6 năm 2018

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Như So.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

Nguyễn Khắc Thảo
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thu Hương
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 19 tháng 3 năm 2019



Building a better
working world

Ernst & Young Vietnam Limited
8th Floor, CornerStone Building
16 Phan Chu Trinh Street
Hoan Kiem District
Hanoi, S.R. of Vietnam

Tel: +84 24 3831 5100
Fax: +84 24 3831 5090
ey.com

Số tham chiếu: 61063700/20160188

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam ("Công ty") và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Tập đoàn") được lập ngày 19 tháng 3 năm 2019 và được trình bày từ trang 6 đến trang 49, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Bùi Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1067-2018-004-1



Nguyễn Thu Hằng
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3342-2015-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 19 tháng 3 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
ngày 31 tháng 12 năm 2018


Đơn vị tính: VND


Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		3.771.110.157.571	3.327.953.697.400
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	150.005.137.485	225.860.064.701
111	1. Tiền		150.005.137.485	155.860.064.701
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	70.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		378.373.060.065	412.960.275.514
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	378.373.060.065	412.960.275.514
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		346.280.162.569	568.369.376.246
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	150.319.692.022	377.433.670.840
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	123.133.906.708	107.371.027.522
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	72.826.563.839	83.564.677.884
140	IV. Hàng tồn kho	8	2.701.421.140.647	2.037.872.432.223
141	1. Hàng tồn kho		2.701.421.140.647	2.043.872.432.223
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	(6.000.000.000)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		195.030.656.805	82.891.548.716
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	48.417.845.755	6.075.777.332
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	18	143.213.006.458	69.475.639.604
155	3. Tài sản ngắn hạn khác		3.399.804.592	7.340.131.780
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		4.578.903.291.616	3.661.262.259.814
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		3.085.593.000	6.573.538.999
216	1. Phải thu dài hạn khác		3.085.593.000	6.573.538.999
220	II. Tài sản cố định		3.225.441.438.338	2.528.553.445.997
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	2.802.420.893.821	2.202.375.023.402
222	Nguyên giá		3.837.523.103.796	3.042.616.758.542
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.035.102.209.975)	(840.241.735.140)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	10	423.020.544.517	326.178.422.595
225	Nguyên giá		557.969.321.977	444.127.339.134
226	Giá trị hao mòn lũy kế		(134.948.777.460)	(117.948.916.539)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn	11	1.213.348.243.514	966.748.412.948
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		1.213.348.243.514	966.748.412.948
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	13	87.233.693.082	87.233.693.082
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		87.233.693.082	87.233.693.082
260	V. Tài sản dài hạn khác		49.794.323.682	72.153.168.788
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	48.612.531.433	69.789.584.259
269	2. Lợi thế thương mại	15	1.181.792.249	2.363.584.529
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		8.350.013.449.187	6.989.215.957.214


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		5.603.485.031.551	4.486.599.351.977
310	I. Nợ ngắn hạn		4.075.302.630.398	3.462.415.430.265
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	923.066.017.552	564.133.761.601
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	207.002.414.629	132.251.259.340
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	28.615.521.027	64.929.269.084
314	4. Phải trả người lao động	19	51.473.030.174	61.932.931.356
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	20	50.130.284.201	93.182.143.087
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	20	58.155.368.506	234.542.842.167
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	21	2.710.566.910.187	2.293.804.036.508
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	22	46.293.084.122	17.639.187.122
330	II. Nợ dài hạn		1.528.182.401.153	1.024.183.921.712
337	1. Phải trả dài hạn khác	20	241.022.410.774	10.881.637.600
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	21	1.287.159.990.379	1.013.302.284.112
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.746.528.417.636	2.502.616.605.237
410	I. Vốn chủ sở hữu	23	2.746.528.417.636	2.502.616.605.237
411	1. Vốn cổ phần	23.1	828.184.650.000	828.184.650.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		828.184.650.000	828.184.650.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	23.1	418.432.992.221	418.432.992.221
418	3. Quỹ đầu tư phát triển	23.1	1.139.675.421.262	1.057.574.691.172
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	23.1	360.235.354.153	198.424.271.844
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		-	-
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		360.235.354.153	198.424.271.844
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		8.350.013.449.187	6.989.215.957.214


Nguyễn Thị Thanh Huyền
Người lập


Nguyễn Thị Thu Hương
Phó Tổng Giám đốc kiêm
Kế toán trưởng


Nguyễn Như So
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 19 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	6.795.512.334.046	5.959.707.636.582
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24.1	(121.206.863.230)	(104.242.501.087)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	6.674.305.470.816	5.855.465.135.495
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	25	(5.595.581.185.533)	(5.091.990.790.863)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.078.724.285.283	763.474.344.632
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24.2	40.781.927.222	66.922.417.993
22	7. Chi phí tài chính	26	(192.635.924.873)	(119.958.870.054)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(188.946.659.079)	(119.958.086.103)
25	8. Chi phí bán hàng	27	(258.384.611.438)	(210.292.556.195)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	(281.328.855.897)	(224.532.661.301)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		387.156.820.297	275.612.675.075
31	11. Thu nhập khác	28	14.617.568.062	9.953.007.830
32	12. Chi phí khác	28	(8.415.674.046)	(6.765.542.868)
40	13. Lợi nhuận khác	28	6.201.894.016	3.187.464.962
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		393.358.714.313	278.800.140.037
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.1	(33.123.360.160)	(78.694.917.947)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		360.235.354.153	200.105.222.090
61	17. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	23.1	360.235.354.153	200.105.222.090
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32	4.350	1.991
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	32	4.350	1.991

[Signature]

Nguyễn Thị Thanh Huyền
Người lập

[Signature]
Nguyễn Thị Thu Hương
Phó Tổng Giám đốc kiêm
Kế toán trưởng



[Signature]
Nguyễn Như So
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 19 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		393.358.714.313	278.800.140.037
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)		259.495.216.033	140.745.624.490
03	(Hoàn nhập)/trích lập các khoản dự phòng		(6.000.000.000)	6.000.000.000
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(1.810.909)	(783.951)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(40.730.899.618)	(66.670.766.445)
06	Chi phí lãi vay	26	188.946.659.079	119.958.086.103
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		795.071.500.716	478.832.300.234
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu		136.047.689.870	(195.624.357.213)
10	Tăng hàng tồn kho		(657.548.708.424)	(112.612.276.889)
11	Tăng các khoản phải trả		299.136.017.780	129.215.199.869
12	Tăng chi phí trả trước		(21.165.015.597)	(53.721.661.590)
14	Tiền lãi vay đã trả		(254.795.493.018)	(165.387.241.216)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	18	(61.544.820.040)	(56.638.630.599)
16	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	88.063.500.000
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(6.532.130.000)	(30.588.109.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		228.669.041.287	81.538.723.596
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(936.419.399.542)	(1.237.391.178.283)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ		3.032.849.296	6.608.247.080
23	Tiền chi đầu tư vào khoản tiền gửi có kỳ hạn		(141.046.084.390)	(281.469.626.386)
24	Tiền thu hồi lại khoản tiền gửi có kỳ hạn		175.633.299.839	238.633.170.370
26	Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác		15.000.000.000	297.307.790.007
27	Tiền thu lãi tiền gửi		29.194.334.865	41.056.822.088
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(854.604.999.932)	(935.254.775.124)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		5.213.725.838.587	5.062.092.816.082
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(4.484.196.327.590)	(4.153.191.438.267)
35	Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính		(96.628.203.659)	(107.955.913.033)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	23.3	(82.818.465.000)	(1.120.712.425)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		550.082.842.338	799.824.752.357

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(75.856.738.125)	(53.891.299.171)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		225.860.064.701	279.750.579.921
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.810.909	783.951
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	150.005.137.485	225.860.064.701



Nguyễn Thị Thanh Huyền
Người lập



Nguyễn Thị Thu Hương
Phó Tổng Giám đốc kiêm
Kế toán trưởng



Nguyễn Như Sơn
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 19 tháng 3 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 2300105790 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp vào ngày 23 tháng 12 năm 2004, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 18 được cấp ngày 4 tháng 5 năm 2018.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- ▶ Sản xuất thức ăn chăn nuôi; sản xuất và kinh doanh giống gia súc, gia cầm, thủy cầm, giống thủy sản; sản xuất tinh gia súc;
- ▶ Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị máy móc, phương tiện vận tải, hàng tiêu dùng, nguyên liệu chế biến thức ăn chăn nuôi; đại lý và kinh doanh xăng dầu, cảng bốc xếp và vận tải hàng hóa;
- ▶ Kinh doanh bất động sản, nhà ở và đầu tư xây dựng hạ tầng khu đô thị mới, khu công nghiệp vừa và nhỏ;
- ▶ Sản xuất, chế biến và kinh doanh thịt gia súc, gia cầm, thủy cầm; sản xuất, chế biến và kinh doanh thức ăn thủy sản; nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi; nuôi giữ, lai tạo đàn giống gốc: gia súc, gia cầm và thủy sản;
- ▶ Kinh doanh siêu thị; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

Công ty có trụ sở chính tại số 35, đường Lý Thái Tổ, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh và các chi nhánh sau:

<i>Tên chi nhánh</i>	<i>Địa chỉ</i>
Chi nhánh Công ty tại thành phố Hồ Chí Minh	Số 22 ấp 4, đường số 18, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
Cửa hàng xăng dầu	Xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là: 4921 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 4535 nhân viên).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có 22 công ty con, bao gồm:

<i>STT</i>	<i>Tên công ty</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết (%)</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính trong năm</i>
1	Công ty TNHH Lợn giống Hạt nhân Dabaco	100	100	Xã Tân Chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	▶ Chăn nuôi gia súc, gia cầm, sản xuất, kinh doanh lợn giống, lợn thịt, tinh lợn, trâu, bò.
2	Công ty TNHH MTV Lợn giống Lạc Vệ	100	100	Thôn Hộ Vệ, xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	▶ Chăn nuôi lợn, chăn nuôi gia cầm và một số loại gia súc; sản xuất kinh doanh lợn giống, lợn thịt, tinh lợn, ba ba và giống thủy sản khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

STT	Tên công ty	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính trong năm
3	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Chăn nuôi gia công	100	100	Cụm công nghiệp xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	▶ Chăn nuôi, các hoạt động hỗ trợ chăn nuôi, mua bán và đại lý.
4	Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Chăn nuôi Lợn Dabaco	100	100	Cụm công nghiệp xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	▶ Chăn nuôi lợn thịt, chăn nuôi lợn sữa, lợn giống, hoạt động hỗ trợ chăn nuôi; sản xuất và kinh doanh mua bán lợn thịt, lợn giống, lợn thương phẩm.
5	Công ty TNHH MTV Gà giống Dabaco	100	100	Thôn Hộ Vệ, xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	▶ Chăn nuôi và kinh doanh gà giống.
6	Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao Dabaco	100	100	Thôn Hộ Vệ, xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	▶ Sản xuất và kinh doanh rau an toàn ứng dụng công nghệ cao.
7	Công ty TNHH MTV Thương mại Hiệp Quang	100	100	Khu công nghiệp Khắc Niệm, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	▶ Sản xuất, kinh doanh thực phẩm; các sản phẩm bao bì nhựa PP, PE, composit; thương mại, dịch vụ.
8	Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Bắc Ninh	100	100	Cụm công nghiệp Khắc Niệm, xã Khắc Niệm, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	▶ Mua bán, xuất nhập khẩu nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi, kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng, siêu thị, trung tâm thương mại.
9	Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Dabaco (*)	100	100	Đường Huyền Quang, phường Ninh Xá, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	▶ Xây dựng công trình, lắp đặt hệ thống điện, cấp thoát nước, kinh doanh vật liệu xây dựng, mua bán và cho thuê xe, máy móc và thiết bị.
10	Công ty TNHH Nutreco	100	100	Khu công nghiệp Đại Đồng - Hoàn Sơn, xã Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	▶ Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm, và thủy sản; kinh doanh thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản.
11	Công ty TNHH MTV Cảng Dabaco Tân Chi	100	100	Xã Tân Chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	▶ Khai thác và kinh doanh đá, cát, sỏi; mua bán vật liệu xây dựng, vận tải hàng hóa; cho thuê, kinh doanh dịch vụ cầu cảng bến bãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

STT	Tên công ty	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính trong năm
12	Công ty TNHH Lợn giống Hải Phòng	100	100	Thôn Trại Viên, xã Lưu Kiếm, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng	▶ Chăn nuôi lợn, chăn nuôi gia cầm và một số loại gia súc khác; sản xuất, kinh doanh lợn giống, lợn thịt, tinh lợn, ba ba và giống thủy sản khác.
13	Công ty TNHH Lợn giống Hà Nam	100	100	Thôn Thương Vĩ, xã Nhân Chính, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam	▶ Chăn nuôi lợn, chăn nuôi gia cầm và một số loại gia súc khác; sản xuất, kinh doanh lợn giống, lợn thịt, tinh lợn, ba ba và giống thủy sản khác.
14	Công ty TNHH Thức ăn chăn nuôi Nasaco Hà Nam	100	100	Khu công nghiệp Hòa Mạc, thị trấn Hòa Mạc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam	▶ Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm, và thủy sản; kinh doanh thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản.
15	Công ty TNHH Lợn giống Phú Thọ	100	100	Khu 1, xã Tê Lễ, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ	▶ Chăn nuôi lợn, chăn nuôi gia cầm và một số loại gia súc khác; sản xuất, kinh doanh lợn giống, lợn thịt, tinh lợn, ba ba và giống thủy sản khác.
16	Công ty TNHH Xây dựng Đường Kinh Dương Vương 3 và Đường Trường Chinh	100	100	Số 35 đường Lý Thái Tổ, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh	▶ Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, nhà, đường bộ.
17	Công ty TNHH Xây dựng Hồ điều hòa Văn Miếu Bắc Ninh	100	100	Số 35 đường Lý Thái Tổ, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh	▶ Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, nhà, đường bộ.
18	Công ty TNHH Xây dựng Đường từ Đền Đô đến Đường vành đai III và TL295B Từ Sơn	100	100	Số 35 đường Lý Thái Tổ, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh	▶ Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, nhà, đường bộ.
19	Công ty TNHH Du lịch và Khách sạn L'Indochina	100	100	Đường Nguyễn Đăng Đạo, phường Suối Hoa, thành phố Bắc Ninh	▶ Dịch vụ lưu trú, nhà hàng, ăn uống, thương mại, dịch vụ.
20	Công ty TNHH Lợn giống Dabaco Lương Tài	100	100	Thôn Thanh Khê, xã Lai Hạ, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh	▶ Chăn nuôi lợn, chăn nuôi gia cầm và một số loại gia súc khác; sản xuất, kinh doanh lợn giống, lợn thịt, tinh lợn, ba ba và giống thủy sản khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

STT	Tên công ty	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính trong năm
21	Công ty TNHH Dabaco Tuyên Quang Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cụm Công nghiệp Khúc Xuyên	100	100	Thôn Định Trung, xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang Khu Khúc Toại, Phường Khúc Xuyên, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh	<ul style="list-style-type: none"> ▶ Sản xuất, lai tạo giống gia súc, gia cầm; chăn nuôi gia súc, gia cầm và các lĩnh vực khác liên quan. ▶ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
22	Công ty TNHH Bất động sản Dabaco	100	100	Thôn Định Trung, xã Phúc Ứng, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang	

(*) Công ty TNHH Bất động sản Dabaco đã sáp nhập vào Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Dabaco tại ngày 19 tháng 3 năm 2018.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tập đoàn là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tập đoàn là đồng Việt Nam (VND).

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một niên độ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường, trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nguyên vật liệu, thành phẩm thức ăn chăn nuôi và hàng hóa thương mại

Đối với con giống, gia súc và gia cầm chăn nuôi, Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để ghi nhận hàng tồn kho. Đối với các loại hàng tồn kho khác, Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán các loại hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | | |
|--|---|--|
| Nguyên vật liệu, hàng hóa | - | Giá gốc được xác định dựa trên phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của thức ăn chăn nuôi | - | Giá gốc bao gồm nguyên vật liệu (được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền), chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ cho các thành phẩm theo tiêu chí hợp lý. |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 *Hàng tồn kho* (tiếp theo)

Hàng hóa bất động sản

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Tập đoàn, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hóa bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm:

- ▶ Chi phí tiền sử dụng đất và tiền thuê đất;
- ▶ Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- ▶ Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và chiết tính giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 *Tài sản cố định hữu hình* (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 *Thuê tài sản*

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê. Thời gian trích khấu hao của tài sản thuê tài chính như sau:

Máy móc và thiết bị	6 - 10 năm
---------------------	------------

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 *Khấu hao*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2017, Công ty đã thay đổi thời gian khấu hao của một số nhóm tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 15 năm
Phương tiện vận tải	5 - 10 năm
Trang thiết bị văn phòng	3 - 10 năm

3.7 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- ▶ Chi phí trả trước về thuê cơ sở hạ tầng;
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ v.v.

3.9 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch;
- ▶ Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.

Quỹ khen thưởng phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành được xác nhận bởi người mua.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản

Doanh thu được ghi nhận khi bên bán đã chuyển giao cho bên mua phần lớn các rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản, thông thường là trùng với việc chuyển giao bất động sản, và khả năng thu hồi giá chuyển nhượng bất động sản được đảm bảo một cách hợp lý.

Nếu một giao dịch không đáp ứng được các điều kiện trên, các khoản thanh toán theo tiến độ nhận được từ khách hàng được ghi nhận vào khoản mục người mua trả tiền trước trên bảng cân đối kế toán hợp nhất đến khi tất cả các điều kiện nêu trên được đáp ứng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu từ hoạt động chuyển nhượng vốn

Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng vốn được xác định là phần chênh lệch giữa giá bán và giá trị vốn góp. Thu nhập được ghi nhận vào ngày phát sinh giao dịch chuyển nhượng.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Tập đoàn có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.16 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt được của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Hoạt động sản xuất và bán thức ăn chăn nuôi, sản xuất con giống, chăn nuôi và chế biến thực phẩm trong lãnh thổ Việt Nam là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Tập đoàn, trong khi các hoạt động kinh doanh khác trong lãnh thổ Việt Nam chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	37.188.027.388	5.536.585.376
Tiền gửi ngân hàng	112.817.110.097	150.323.479.325
Các khoản tương đương tiền	-	70.000.000.000
TỔNG CỘNG	<u>150.005.137.485</u>	<u>225.860.064.701</u>

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Giá trị ghi sổ (đồng thời là giá gốc)</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền gửi có kỳ hạn	378.373.060.065	412.960.275.514
TỔNG CỘNG	<u>378.373.060.065</u>	<u>412.960.275.514</u>

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất từ 3%/năm đến 8,15%/năm, trong đó:

- ▶ khoản tiền gửi có giá trị là 57 tỷ đồng Việt Nam đã được dùng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Ninh (Thuyết minh số 21.1);
- ▶ khoản tiền gửi có giá trị là 26,9 tỷ đồng Việt Nam đã được dùng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TNHH MTV ANZ Việt Nam (Thuyết minh số 21.1); và
- ▶ khoản tiền gửi có giá trị là 30 tỷ đồng Việt Nam đã được dùng để đảm bảo cho các khoản thu tín dụng đã mở của Công ty này tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Bắc Ninh (Thuyết minh số 21.1).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ hoạt động sản xuất thức ăn chăn nuôi và các hoạt động khác	79.202.038.532	136.401.778.519
Phải thu từ hoạt động kinh doanh bất động sản	71.117.653.490	241.031.892.321
- Các khoản phải thu từ chuyển nhượng bất động sản	58.197.206.640	224.409.057.960
- Các khoản phải thu khách hàng khác	12.920.446.850	16.622.834.361
TỔNG CỘNG	150.319.692.022	377.433.670.840

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán ngắn hạn		
- Công ty TNHH MTV Chế biến Lương thực Vạn Lợi	-	15.000.000.000
- Công ty Thép tiền chế Zamil VN	16.278.994.675	10.980.323.845
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Tân Long	33.049.763.969	-
- Các khoản trả trước khác	58.805.148.064	81.390.703.677
Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	15.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	123.133.906.708	107.371.027.522

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng cho nhân viên	20.665.196.330	45.799.842.554
Đặt cọc để mở thư tín dụng tại ngân hàng	32.515.163.952	12.416.919.488
Phải thu lãi tiền gửi, lãi trả chậm	7.201.991.684	10.665.426.931
Phải thu từ giao dịch chuyển nhượng vốn góp công ty con (Thuyết minh số 31)	10.000.000.000	10.000.000.000
Phải thu khác	2.444.211.873	4.682.488.911
TỔNG CỘNG	72.826.563.839	83.564.677.884

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. HÀNG TỒN KHO

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Hàng đang đi trên đường	224.158.333.704	139.827.535.507
Nguyên liệu, vật liệu	605.594.851.190	475.543.096.178
Công cụ, dụng cụ	3.898.961.636	7.934.626.742
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.660.950.646.638	1.255.613.675.082
<i>Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang hoạt động kinh doanh bất động sản (*)</i>	<i>350.681.797.875</i>	<i>238.669.958.035</i>
<i>Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang hoạt động chăn nuôi và hoạt động khác</i>	<i>1.310.268.848.763</i>	<i>1.016.943.717.047</i>
Thành phẩm	114.336.849.281	78.537.882.652
<i>Thành phẩm hoạt động kinh doanh bất động sản (**)</i>	<i>10.165.110.301</i>	<i>38.140.766.864</i>
<i>Thành phẩm hoạt động sản xuất và chăn nuôi</i>	<i>104.171.738.980</i>	<i>40.397.115.788</i>
Hàng hóa	92.481.498.198	86.415.616.062
TỔNG CỘNG	<u>2.701.421.140.647</u>	<u>2.043.872.432.223</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	6.000.000.000

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	6.000.000.000	-
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	-	6.000.000.000
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	<u>6.000.000.000</u>	<u>-</u>
Số cuối năm	<u>-</u>	<u>6.000.000.000</u>

(*) Bao gồm chi phí liên quan đến các dự án bất động sản khu nhà ở Nguyễn Cao, khu nhà ở Vạn An, Khu nhà ở Hồ Điều Hòa và Khu Dịch vụ làng nghề Khúc Xuyên và các dự án khác.

(**) Bao gồm chi phí liên quan đến Dự án Khu đô thị Đền Đô.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, một số hàng tồn kho đã được sử dụng để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng như sau:

- ▶ Hàng tồn kho tại Nhà máy Chế biến thức ăn chăn nuôi cao cấp Topfeeds tại Khu Công nghiệp Khắc Niệm, Bắc Ninh với giá trị tối thiểu tương đương 8 triệu USD được dùng làm tài sản thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ Việt Nam (Thuyết minh số 21.1).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Trang thiết bị văn phòng	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá:					
Số đầu năm	1.812.213.373.788	1.060.439.695.431	154.585.957.760	15.377.731.563	3.042.616.758.542
Mua trong năm	1.075.621.000	113.673.391.306	11.867.279.158	1.439.053.358	128.055.344.822
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	516.686.568.136	179.341.220.433	1.739.082.182	2.945.867.483	700.712.738.234
Tặng khác (*)	-	36.249.177.212	6.740.000.000	-	42.989.177.212
Thanh lý, nhượng bán	(25.408.494.897)	(46.002.159.323)	(5.049.281.840)	(390.978.954)	(76.850.915.014)
Phân loại lại	(14.384.329.893)	9.693.064.093	(2.438.700.000)	7.129.965.800	-
Số cuối năm	2.290.182.738.134	1.353.394.389.152	167.444.337.260	26.501.639.250	3.837.523.103.796
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	33.240.276.990	82.333.519.072	39.789.496.971	130.942.856.185	286.306.149.218

Giá trị khấu hao lũy kế:

Số đầu năm	404.362.556.307	339.207.473.422	88.530.503.774	8.141.201.637	840.241.735.140
Khấu hao trong năm	104.421.684.017	98.791.858.420	9.912.187.148	2.024.745.568	215.150.475.153
Tặng khác (*)	-	21.107.014.399	6.721.563.411	39.631.680	27.868.209.490
Thanh lý, nhượng bán	(12.244.302.346)	(30.617.566.024)	(4.905.362.484)	(390.978.954)	(48.158.209.808)
Phân loại lại	(206.215.731)	81.675.000	-	124.540.731	-
Số cuối năm	496.333.722.247	428.570.455.217	100.258.891.849	9.939.140.662	1.035.102.209.975

Giá trị còn lại:

Số đầu năm	1.407.850.817.481	721.232.222.009	66.055.453.986	7.236.529.926	2.202.375.023.402
Số cuối năm	1.793.849.015.887	924.823.933.935	67.185.445.411	16.562.498.588	2.802.420.893.821
Trong đó:					
Tài sản sử dụng để cầm cố/thế chấp (**)	813.283.834.435	468.568.982.930	14.257.932.735	-	1.296.110.750.099

(*) Chủ yếu tăng khác là chuyển tài sản thuế tài chính đã trả hết nợ gốc thuế tài chính sang tài sản cố định hữu hình với tổng nguyên giá là 40.291.305.576 VND và khấu hao lũy kế là 26.163.087.679 VND (Thuyết minh số 10).

(**) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, một số tài sản cố định là khách sạn, siêu thị, nhà xưởng, máy móc thiết bị sản xuất và dây chuyền sản xuất thức ăn chăn nuôi với giá trị còn lại là khoảng 1.296,1 tỷ đồng Việt Nam đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại như đã được trình bày trong Thuyết minh số 21.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Số đầu năm	421.988.149.134	22.139.190.000	444.127.339.134
Thuê thêm trong năm	154.133.288.419	-	154.133.288.419
Giảm khác (*)	(33.559.305.576)	(6.732.000.000)	(40.291.305.576)
Số cuối năm	<u>542.562.131.977</u>	<u>15.407.190.000</u>	<u>557.969.321.977</u>
Giá trị khấu hao lũy kế:			
Số đầu năm	103.927.639.900	14.021.276.639	117.948.916.539
Khấu hao trong năm	39.645.615.368	3.517.333.232	43.162.948.600
Giảm khác (*)	(21.107.014.399)	(5.056.073.280)	(26.163.087.679)
Số cuối năm	<u>122.466.240.869</u>	<u>12.482.536.591</u>	<u>134.948.777.460</u>
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	<u>318.060.509.234</u>	<u>8.117.913.361</u>	<u>326.178.422.595</u>
Số cuối năm	<u>420.095.891.108</u>	<u>2.924.653.409</u>	<u>423.020.544.517</u>

(*) Giảm khác trong năm là khoản chuyển từ tài sản cố định thuê tài chính sang tài sản cố định hữu hình do gốc vay tài chính đã được trả hết trong năm.

Công ty thuê hệ thống thiết bị chuồng trại chăn nuôi, hệ thống chế biến thực phẩm và các phương tiện vận chuyển theo các hợp đồng thuê tài chính ký với các công ty cho thuê tài chính. Cam kết liên quan đến các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được trình bày trong Thuyết minh số 21.3.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dự án Nhà máy ép dầu (*)	515.651.260.543	317.781.216.479
Nhà máy phân bón hữu cơ Việt Nhật	204.745.188.696	160.118.705.812
Dự án khu chăn nuôi gà giống Bình Phước (*)	151.485.494.018	5.355.531.920
Dự án nhà máy thức ăn chăn nuôi Bình Phước (*)	65.608.515.363	-
Dự án cảng Dabaco - giai đoạn 2	54.139.666.762	11.291.546.693
Dự án trung tâm gia súc gia cầm Tuyên Quang (*)	51.425.186.581	38.428.206.937
Dự án nhà máy Nutreco Hà Tĩnh (*)	42.116.105.125	28.169.853.481
Dự án kho nguyên liệu Hạp Lĩnh (*)	34.230.307.100	30.311.790.100
Dự án trung tâm thương mại Đại Phúc	13.846.034.545	11.228.520.909
Dự án nhà hàng Đền Đô	13.500.701.547	20.277.867.273
Dự án siêu thị Thuận Thành	11.838.078.202	8.838.078.202
Dự án trung tâm thương mại Yên Phong	11.699.823.486	7.554.068.732
Dự án mở rộng văn phòng Công ty	9.065.276.809	8.879.614.609
Dự án trung tâm sản xuất giống Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh	8.200.000.000	8.200.000.000
Dự án khu chăn nuôi Hà Tĩnh	7.424.949.272	7.424.949.272
Dự án lợn giống Dabaco Hải Phòng	-	103.745.618.065
Dự án hệ thống chuồng trại gà Yên Thế	-	71.185.070.508
Dự án nhà máy chế biến trứng	-	51.914.529.114
Trung tâm thương mại Quế Võ	-	36.615.723.376
Dự án nhà văn phòng Công ty Thương mại Dịch vụ Bắc Ninh (ACB)	-	36.154.083.463
Các dự án khác	18.371.655.465	3.273.438.003
TỔNG CỘNG	<u>1.213.348.243.514</u>	<u>966.748.412.948</u>

(*) Các tài sản thuộc các dự án này đang được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh số 21).

12. CHI PHÍ ĐI VAY ĐƯỢC VỐN HÓA

Trong năm, Tập đoàn đã vốn hóa chi phí đi vay với giá trị khoảng 68,1 tỷ đồng Việt Nam (năm 2017: 44,9 tỷ đồng Việt Nam). Chi phí đi vay này phát sinh từ các khoản vay dùng để đầu tư tài sản cố định của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	Giá trị ghi sổ (đồng thời là giá trị hợp lý)	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty liên kết	87.233.693.082	87.233.693.082
TỔNG CỘNG	87.233.693.082	87.233.693.082

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên kết:

Tên đơn vị	Ngày 31 tháng 12 năm 2018			Ngày 31 tháng 12 năm 2017		
	Giá trị (VND)	Tỷ lệ vốn năm giữ biểu quyết	Tỷ lệ quyền	Giá trị (VND)	Tỷ lệ vốn năm giữ biểu quyết	Tỷ lệ quyền
Công ty Cổ phần Transeco	(i) 20.000.000.000	33,33%	33,33%	20.000.000.000	33,33%	33,33%
Công ty TNHH Chế biến thực phẩm Dabaco	(ii) 67.233.693.082	45%	45%	67.233.693.082	45%	45%
TỔNG CỘNG	87.233.693.082			87.233.693.082		

(i) Công ty Cổ phần Transeco

Công ty Cổ phần Transeco là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 2300942823 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 13 tháng 7 năm 2016. Hoạt động chính theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của công ty này là cung cấp dịch vụ vận chuyển và vận tải.

Công ty này có trụ sở tại Cụm công nghiệp Khắc Niệm, phường Khắc Niệm, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

(ii) Công ty TNHH Chế biến thực phẩm Dabaco

Công ty TNHH Chế biến thực phẩm Dabaco là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 2300345626 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 4 tháng 9 năm 2008, và theo các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 12 được cấp ngày 5 tháng 7 năm 2017. Hoạt động chính theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của công ty này là giết mổ, chế biến thịt gia súc, gia cầm; sản xuất thực phẩm và đồ uống.

Công ty này có trụ sở tại Quốc lộ 38, xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ	46.727.228.729	6.008.263.219
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.690.617.026	67.514.113
	48.417.845.755	6.075.777.332
TỔNG CỘNG		
Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ	43.694.293.897	63.026.457.701
Chi phí trả trước dài hạn khác	4.918.237.536	6.763.126.558
	48.612.531.433	69.789.584.259

15. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Lợi thế thương mại từ hợp nhất Công ty TNHH MTV Thương mại Hiệp Quang</i>	
Nguyên giá:		
Số đầu năm		11.817.922.747
Số cuối năm		11.817.922.747
Phân bổ lũy kế:		
Số đầu năm		9.454.338.218
Phân bổ trong năm		1.181.792.280
Số cuối năm		10.636.130.498
Giá trị còn lại		
Số đầu năm		2.363.584.529
Số cuối năm		1.181.792.249

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Giá trị (đồng thời là số có khả năng trả nợ)	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả nhà cung cấp nguyên vật liệu nước ngoài	373.805.662.573	42.070.267.782
- Marubeni Grain & Oilseeds Trading Asia	-	18.064.321.600
- Enerfo Pte.Ltd	122.042.351.813	19.870.390.000
- Cargill	89.624.546.826	-
- CJ International Asia Pte,LTD	28.519.871.625	-
- The Delong Co., INC	24.399.761.623	-
- Export Trading Commodities	18.228.944.016	-
- Các nhà cung cấp nước ngoài khác	90.990.186.670	4.135.556.182
Phải trả nhà cung cấp trong nước	549.260.354.979	522.063.493.819
- Công ty Cổ phần Xây dựng số 1 Vinaconex	-	14.491.793.278
- Công ty TNHH Marine Functional VN	-	13.285.720.345
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng GDC Hà Nội	-	12.790.758.071
- Công ty TNHH Tiến Việt - Thái	-	11.675.503.920
- Các nhà cung cấp trong nước khác	549.260.354.979	469.819.718.205
TỔNG CỘNG	923.066.017.552	564.133.761.601

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Giá trị (đồng thời là số có khả năng trả nợ)	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước	88.999.847.094	28.008.758.253
Chiết khấu thương mại trích trước (*)	118.002.567.535	104.242.501.087
TỔNG CỘNG	207.002.414.629	132.251.259.340

(*) Giá trị chiết khấu thương mại đã phát sinh trong năm 2018 nhưng chưa được chi trả tại thời điểm cuối năm. Giá trị chiết khấu này sẽ được giảm trừ vào công nợ phải thu của khách hàng trong các tháng tiếp theo.

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Số phát sinh trong năm	Số đã nộp trong năm	
			Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	70.890.267	8.628.136.768	(8.631.171.096)	42.136.590
Thuế thu nhập doanh nghiệp	56.994.844.317	33.123.360.160	(61.544.820.040)	28.573.384.437
Tiền sử dụng đất	7.863.534.500	5.914.942.785	(13.778.477.285)	-
Các loại thuế khác	-	57.543.483	(57.543.483)	-
TỔNG CỘNG	64.929.269.084	47.723.983.196	(84.012.011.904)	28.615.521.027
	Số đầu năm	Số kê khai hoàn trong năm	Số đã cân trừ trong năm	Số cuối năm
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	69.475.639.604	126.524.665.006	(52.787.298.152)	143.213.006.458
TỔNG CỘNG	69.475.639.604	126.524.665.006	(52.787.298.152)	143.213.006.458

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí xây dựng và phát triển bất động sản phải trả	30.371.451.347	72.550.975.639
Chi phí lãi vay phải trả	6.483.617.519	4.242.874.852
Chi phí phải trả khác	13.275.215.335	16.388.292.596
TỔNG CỘNG	<u>50.130.284.201</u>	<u>93.182.143.087</u>

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<i>Ngắn hạn</i>		
Khoản hỗ trợ không hoàn lại của UBND tỉnh Bắc Ninh để xây dựng hệ thống xử lý môi trường cho khu chăn nuôi tập trung (*)	-	169.077.994.000
Khoản hỗ trợ kinh phí xây dựng công trình khác (*)	-	9.485.500.000
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế	9.037.592.305	10.963.493.610
Nhận đặt cọc thực hiện nghĩa vụ hợp đồng	-	-
Khoản hỗ trợ tạm thời để bình ổn giá phải trả cho UBND tỉnh Bắc Ninh	31.078.000.000	28.000.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	18.039.776.201	17.015.854.557
TỔNG CỘNG	<u>58.155.368.506</u>	<u>234.542.842.167</u>
<i>Dài hạn</i>		
Khoản hỗ trợ của UBND tỉnh Bắc Ninh để xây dựng hệ thống xử lý môi trường cho khu chăn nuôi tập trung (*)	169.077.994.000	-
Khoản hỗ trợ kinh phí xây dựng công trình khác (*)	4.485.500.000	-
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	58.068.320.974	10.881.637.600
Các khoản phải trả, phải nộp dài hạn khác	9.390.595.800	-
TỔNG CỘNG	<u>241.022.410.774</u>	<u>10.881.637.600</u>

(*) Đây là các khoản nhận từ UBND tỉnh Bắc Ninh để hỗ trợ cho các dự án đầu tư xây dựng cơ bản sẽ được quyết toán vào giá trị đầu tư của dự án khi hoàn thành và đưa vào sử dụng. Giá trị hỗ trợ cuối cùng Công ty nhận được phụ thuộc sự chấp thuận của UBND tỉnh Bắc Ninh sau khi quyết toán giá trị đầu tư các dự án này.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn ngân hàng (Thuyết minh số 21.1)	2.103.205.083.940	2.103.205.083.940	4.678.054.418.113	(4.359.984.380.834)	2.461.239.173.219	2.461.239.173.219
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 21.2)	108.591.278.859	108.591.278.859	191.826.891.435	(94.060.946.756)	166.393.171.538	166.393.171.538
Nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 21.3)	81.256.673.709	81.256.673.709	83.573.331.081	(82.295.439.360)	82.534.565.430	82.534.565.430
Vay đối tượng khác	751.000.000	751.000.000	-	(351.000.000)	400.000.000	400.000.000
	2.293.804.036.508	2.293.804.036.508	4.953.454.640.629	(4.536.691.766.950)	2.710.566.910.187	2.710.566.910.187
Vay dài hạn						
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 21.2)	732.387.672.534	732.387.672.534	465.671.420.474	(221.626.891.435)	974.591.201.573	974.591.201.573
Nợ thuế tài chính (Thuyết minh số 21.3)	186.914.611.578	186.914.611.578	57.719.272.608	(97.906.095.380)	148.568.788.806	148.568.788.806
Vay dài hạn từ quỹ Đầu tư và Phát triển UBND tỉnh Bắc Ninh (Thuyết minh số 21.4)	94.000.000.000	94.000.000.000	-	-	94.000.000.000	94.000.000.000
Vay đối tượng khác (Thuyết minh số 21.5)	-	-	70.000.000.000	-	70.000.000.000	70.000.000.000
	1.013.302.284.112	1.013.302.284.112	593.390.693.082	(319.532.986.815)	1.287.159.990.379	1.287.159.990.379
TỔNG CỘNG						

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

21.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

Các khoản vay	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất năm
Các khoản vay ngân hàng bằng VND	2.461.239.173.219	Thời hạn vay theo từng khế ước nhận nợ, tối đa 1 năm. Lãi vay trả vào ngày 20 đến 26 hàng tháng.	5,5% - 7,5%
TỔNG CỘNG	<u>2.461.239.173.219</u>		

Các tài sản sau được sử dụng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng ngắn hạn:

- ▶ Toàn bộ tài sản gắn liền với đất và quyền sử dụng đất của 4 mảnh đất ở tỉnh Bắc Ninh ở Thuyết minh số 9 và chứng chỉ tiền gửi như đã được trình bày ở Thuyết minh số 5;
- ▶ Toàn bộ tài sản hình thành thuộc Dự án đầu tư nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi cao cấp Nutreco tại KCN Hoàn Sơn như được trình bày tại Thuyết minh số 9 (đồng thời là tài sản đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại ngân hàng này – xem Thuyết minh số 21.2);
- ▶ Bất động sản là nhà xưởng và máy móc thiết bị và phương tiện vận tải tại Nhà máy Thức ăn Thủy sản Kinh Bắc và Thức ăn Gia súc Dabaco II (Thuyết minh số 9);
- ▶ Toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai của dự án Nhà máy ép dầu như được trình bày ở Thuyết minh số 11;
- ▶ Nhà làm việc cao tầng nay là khách sạn Le Indochina của Công ty TNHH Du lịch và Khách sạn L' Indochina, công ty con của Công ty;
- ▶ Hàng tồn kho hình thành từ vốn vay ở Thuyết minh số 8; và
- ▶ Phần còn lại là tín chấp.

21.2 Các khoản vay ngân hàng dài hạn

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Các khoản vay	Ngày 31 tháng 12 năm 2018	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Đơn vị tính: VND	Lãi suất năm
Các khoản vay ngân hàng bằng VND	1.140.984.373.111	Gốc vay được trả lần cuối trong giai đoạn từ tháng 1 năm 2019 đến tháng 1 năm 2024. Lãi vay trả hàng tháng.		9,2% - 12,3%
TỔNG CỘNG	<u>1.140.984.373.111</u>			
<i>Trong đó</i>				
Vay dài hạn đến hạn trả	166.393.171.538			
Vay dài hạn	974.591.201.573			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

21.2 Các khoản vay ngân hàng dài hạn (tiếp theo)

Các tài sản sau được sử dụng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng dài hạn:

- ▶ Toàn bộ tài sản hình thành thuộc Dự án đầu tư nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi cao cấp Nutreco tại Khu công nghiệp Hoàn Sơn (Thuyết minh số 9);
- ▶ Nhà cửa vật kiến trúc của Trung tâm giống gia súc gia cầm (Thuyết minh số 9);
- ▶ Trung tâm thương mại tại khu đô thị Đền Đô, phường Đình Bảng, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh (Thuyết minh số 9);
- ▶ Toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai của dự án Nhà máy ép dầu như được trình bày ở (Thuyết minh số 11);
- ▶ Toàn bộ bất động sản, công trình trên đất và máy móc thiết bị, động sản nằm trong 19.208 m² đất thuộc cụm công nghiệp Hạp Lĩnh, thuộc Dự án Kho nguyên liệu Hạp Lĩnh (Thuyết minh số 11);
- ▶ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất thuộc Dự án trung tâm thương mại Dabaco Gia Bình (Thuyết minh số 9);
- ▶ Bất động sản, máy móc thiết bị, phần vốn góp, quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng thuê đất và các tài sản đảm bảo khác tại Dự án nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi Nasaco Hà Nam của Công ty TNHH Thức ăn chăn nuôi Nasaco Hà Nam - công ty con của Công ty (Thuyết minh số 9); và
- ▶ Tài sản gắn liền với đất của Dự án Lợn Lương Tài, máy móc thiết bị chuồng nuôi (bao gồm cả khung nhà thép), phương tiện vận tải, quyền tài sản phát sinh từ dự án khu chăn nuôi lợn giống tại xã Lai Hạ, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh của Công ty TNHH Lợn giống Dabaco Lương Tài - công ty con của Công ty (Thuyết minh số 9);
- ▶ Tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai của Dự án "Nhà máy sản xuất Thức ăn chăn nuôi cao cấp Dabaco Bình Phước", máy móc thiết bị hình thành trong tương lai, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác (Thuyết minh số 11).

21.3 Nợ thuê tài chính

Chi tiết nợ thuê tài chính dài hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

Đơn vị tính: VND

Các khoản nợ thuê tài chính	Ngày 31 tháng 12 năm 2018	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất năm
Các khoản nợ thuê tài chính	231.103.354.236	Gốc vay được trả lần cuối trong giai đoạn từ tháng 1 năm 2019 đến tháng 11 năm 2022. Lãi vay trả hàng tháng.	8,5%-10,5%
Tổng cộng	<u>231.103.354.236</u>		
Trong đó:			
Nợ dài hạn đến hạn trả	82.534.565.430		
Nợ dài hạn	148.568.788.806		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

21.3 Nợ thuê tài chính (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017 các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai được trình bày như sau:

Đơn vị tính: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2018		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Lãi thuê tài chính	Nợ gốc
Nợ thuê tài chính ngắn hạn			
Từ 1 năm trở xuống	101.121.757.702	18.587.192.272	82.534.565.430
Nợ thuê tài chính dài hạn			
Từ 1-5 năm	173.136.490.983	24.567.702.177	148.568.788.806
TỔNG CỘNG	274.258.248.685	43.154.894.449	231.103.354.236

Đơn vị tính: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2017		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Lãi thuê tài chính	Nợ gốc
Nợ thuê tài chính ngắn hạn			
Từ 1 năm trở xuống	102.150.913.794	20.894.240.085	81.256.673.709
Nợ thuê tài chính dài hạn			
Từ 1-5 năm	211.355.404.527	24.440.792.949	186.914.611.578
TỔNG CỘNG	313.506.318.321	45.335.033.034	268.171.285.287

21.4 Vay dài hạn từ Quỹ Đầu tư và Phát triển UBND tỉnh Bắc Ninh

Đây là các khoản vay dài hạn không chịu lãi suất từ Quỹ Đầu tư và Phát triển UBND tỉnh Bắc Ninh để tài trợ cho dự án Nhà máy ép dầu, đáo hạn ngày 20 tháng 3 năm 2022.

21.5 Vay đối tượng khác

Bên cho vay	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Các khoản vay các cá nhân	70.000.000.000	Gốc vay được trả lần cuối vào tháng 6 năm 2022. Lãi vay trả hàng năm.	10% - 11%/năm	Tài sản hình thành từ vốn vay
TỔNG CỘNG	70.000.000.000			

22. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	17.639.187.122	14.398.437.438
Trích lập trong năm (Thuyết minh số 23.1)	35.186.027.000	33.828.858.684
Sử dụng trong năm	(6.532.130.000)	(30.588.109.000)
Số dư cuối năm	46.293.084.122	17.639.187.122

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

23.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đơn vị tính: VND
Năm trước:					
Số đầu năm	752.899.590.000	418.432.992.221	753.114.963.010	414.694.359.271	2.339.141.904.502
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	200.105.222.090	200.105.222.090
- Trích lập các quỹ	-	-	304.459.728.162	(304.459.728.162)	-
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(33.828.858.684)	(33.828.858.684)
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu	75.285.060.000	-	-	(75.285.060.000)	-
- Thuế thu nhập cá nhân từ chia cổ tức	-	-	-	(1.120.712.425)	(1.120.712.425)
- Giảm khác	-	-	-	(1.680.950.246)	(1.680.950.246)
Số cuối năm	828.184.650.000	418.432.992.221	1.057.574.691.172	198.424.271.844	2.502.616.605.237
Năm nay:					
Số đầu năm	828.184.650.000	418.432.992.221	1.057.574.691.172	198.424.271.844	2.502.616.605.237
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	360.235.354.153	360.235.354.153
- Trích lập các quỹ (*)	-	-	82.100.730.090	(82.100.730.090)	-
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	(35.186.027.000)	(35.186.027.000)
- Chia cổ tức (*)	-	-	-	(82.818.465.000)	(82.818.465.000)
- Tăng khác	-	-	-	1.680.950.246	1.680.950.246
Số cuối năm	828.184.650.000	418.432.992.221	1.139.675.421.262	360.235.354.153	2.746.528.417.636

(*) Việc trích lập các quỹ và chia cổ tức từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty số 01/2018/NQ-DHĐCĐ ngày 28 tháng 4 năm 2018.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

23.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn đã góp		
Vào ngày 1 tháng 1	828.184.650.000	752.899.590.000
Tăng trong năm	-	75.285.060.000
Vào ngày 31 tháng 12	828.184.650.000	828.184.650.000

23.3 Cổ tức

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức, lợi nhuận đã công bố	82.818.465.000	75.285.060.000
Cổ tức bằng cổ phiếu (0,1 cổ phần/1 cổ phần hiện hữu)	-	75.285.060.000
Cổ tức bằng tiền (1.000VND/cổ phần)	82.818.465.000	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả	82.818.465.000	76.405.772.425
Cổ tức cho năm 2017 (1.000VND/cổ phần)	82.818.465.000	-
Cổ tức cho năm 2016 (0,1 cổ phần/1 cổ phần hiện hữu)	-	75.285.060.000
Thuế thu nhập cá nhân cho phần cổ tức của năm 2016 trả bằng tiền trong năm 2017	-	1.120.712.425

23.4 Cổ phiếu

	Đơn vị tính: VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2018		Ngày 31 tháng 12 năm 2017	
	Số lượng	VND	Số lượng	VND
Cổ phiếu đăng ký phát hành	82.818.465	828.184.650.000	82.818.465	828.184.650.000
Cổ phiếu đã bán ra công chúng	82.818.465	828.184.650.000	82.818.465	828.184.650.000
Cổ phiếu đang lưu hành	82.818.465	828.184.650.000	82.818.465	828.184.650.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND (2017:10.000 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. DOANH THU

24.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	6.795.512.334.046	5.959.707.636.582
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	5.848.240.126.354	4.409.580.884.706
<i>Doanh thu bán vật liệu, hàng hóa</i>	707.045.602.883	750.121.178.746
<i>Doanh thu chuyển nhượng bất động sản và dịch vụ xây lắp</i>	240.226.604.809	800.005.573.130
Các khoản giảm trừ doanh thu	(121.206.863.230)	(104.242.501.087)
Chiết khấu thương mại	(116.361.853.435)	(98.835.201.894)
Giảm giá hàng bán	(628.422.560)	(70.769.870)
Hàng bán bị trả lại	(4.216.587.235)	(5.336.529.323)
Doanh thu thuần	6.674.305.470.816	5.855.465.135.495
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	5.727.033.263.124	4.305.338.383.619
<i>Doanh thu bán vật liệu, hàng hóa</i>	707.045.602.883	750.121.178.746
<i>Doanh thu chuyển nhượng bất động sản và dịch vụ xây lắp</i>	240.226.604.809	800.005.573.130
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên thứ ba</i>	6.674.305.470.816	5.855.465.135.495
<i>Doanh thu đối với bên liên quan</i>	-	-

24.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	25.730.899.618	28.212.241.851
Lãi từ chuyển nhượng công ty con	15.000.000.000	27.825.486.233
Lãi chênh lệch tỷ giá	51.027.604	591.047.909
Lãi trả chậm	-	10.293.642.000
TỔNG CỘNG	40.781.927.222	66.922.417.993

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã bán	4.860.723.458.070	3.843.034.953.521
Giá vốn của vật liệu, hàng hóa đã bán	601.114.314.385	678.598.517.076
Giá vốn chuyển nhượng bất động sản và dịch vụ xây lắp và dịch vụ xây lắp	133.743.413.078	570.357.320.266
TỔNG CỘNG	5.595.581.185.533	5.091.990.790.863

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí lãi vay	188.946.659.079	119.958.086.103
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.810.909	783.951
Khác	3.687.454.885	-
TỔNG CỘNG	<u>192.635.924.873</u>	<u>119.958.870.054</u>

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí bán hàng	258.384.611.438	210.292.556.195
- Chi phí vật liệu và công cụ dụng cụ	14.890.459.245	10.057.715.274
- Chi phí nhân công	146.407.305.927	109.504.538.364
- Chi phí vận chuyển, bốc vác	20.728.580.126	19.694.355.544
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	21.101.628.811	17.615.878.881
- Chi phí quảng cáo, khuyến mại	4.863.412.413	6.714.643.394
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.543.687.548	26.783.228.285
- Chi phí khác	23.849.537.368	19.922.196.453
Chi phí quản lý doanh nghiệp	281.328.855.897	224.532.661.301
- Chi phí văn phòng phẩm	21.057.074.982	25.631.193.066
- Chi phí nhân công	113.794.320.830	91.031.933.669
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	25.087.105.556	30.739.083.029
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	54.874.905.825	55.578.019.225
- Chi phí dự phòng phải thu khó đòi và chi phí xóa nợ phải thu	40.621.380.760	-
- Chi phí khác	25.894.067.944	21.552.432.312
TỔNG CỘNG	<u>539.713.467.335</u>	<u>434.825.217.496</u>

28. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Thu nhập khác	14.617.568.062	9.953.007.830
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	3.032.849.296	6.608.247.080
Thanh lý nguyên liệu, phế liệu	218.717.486	397.458.084
Thu nhập khác	11.366.001.280	2.947.302.666
Chi phí khác	8.415.674.046	6.765.542.868
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	1.515.237.452	-
Chi phí khác	6.900.436.594	6.765.542.868
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>6.201.894.016</u>	<u>3.187.464.962</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.266.721.440.086	4.504.628.239.383
Chi phí nhân công	455.237.288.492	391.370.597.877
Chi phí khấu hao và hao mòn	259.642.777.244	122.090.156.714
Chi phí dịch vụ mua ngoài	226.209.224.575	113.509.720.879
Chi phí khác	194.221.276.955	192.281.105.588
TỔNG CỘNG	<u>6.402.032.007.352</u>	<u>5.323.879.820.441</u>

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty và các công ty con trong năm hiện tại là 15% lợi nhuận chịu thuế đối với hoạt động sản xuất thức ăn chăn nuôi và 20% cho các hoạt động khác (năm 2017: 15% đối với hoạt động sản xuất và kinh doanh thức ăn chăn nuôi và 20% cho các hoạt động khác), ngoại trừ các công ty con bao gồm Công ty TNHH Lợn Giống Lạc Vệ, Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển gia công gà, Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Gia công lợn, Công ty TNHH Gà giống Dabaco và Công ty TNHH Lợn giống Hạt nhân là đối tượng được miễn thuế TNDN trong thời gian 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế theo các Giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao do Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cấp. Do vậy, cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, các công ty con này đang được miễn thuế.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá Công ty và các công ty con đủ điều kiện để được hưởng mức thuế suất thuế TNDN ưu đãi (15%) đối với hoạt động sản xuất, chế biến thức ăn chăn nuôi trong năm theo hướng dẫn của Thông tư số 96/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 6 năm 2015.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

30.1 Chi phí thuế TNDN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	33.123.360.160	78.694.917.947
TỔNG CỘNG	<u>33.123.360.160</u>	<u>78.694.917.947</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

30.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	393.358.717.538	278.800.140.037
Thuế TNDN theo thuế suất của từng hoạt động	32.905.770.458	78.273.814.197
<i>Trong đó:</i>		
<i>Thuế suất 15% của hoạt động sản xuất thức ăn chăn nuôi</i>	23.424.659.219	14.267.932.044
<i>Thuế suất 20% của các hoạt động khác</i>	9.481.111.239	64.005.882.153
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>		
Chi phí khấu hao ứng với phần vượt định mức	182.358.839	167.357.453
Chi phí khác không được khấu trừ	35.230.863	253.746.297
Chi phí thuế TNDN	33.123.360.160	78.694.917.947

30.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty và các công ty con khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc niên độ kế toán năm.

30.3 Tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa được ghi nhận

Lỗi chuyển sang từ năm trước

Công ty và các công ty con được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, các công ty con có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 182.896.153.854 VND có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

<i>Đơn vị tính: VND</i>					
<i>Năm phát sinh</i>	<i>Có thể chuyển lỗ đến năm</i>	<i>Lỗ tính thuế (1)</i>	<i>Đã chuyển lỗ đến ngày 31/12/2018</i>	<i>Không được chuyển lỗ</i>	<i>Chưa chuyển lỗ tại ngày 31/12/2017</i>
2012	2017	24.711.666.236	(24.711.666.236)	-	-
2013	2018	47.890.179.507	(36.261.001.264)	-	11.629.178.243
2014	2019	30.121.914.687	-	-	30.121.914.687
2015	2020	15.418.885.682	-	-	15.418.885.682
2016	2021	15.192.483.234	-	-	15.192.483.234
2017	2022	40.745.531.014	-	-	40.745.531.014
2018	2023	69.788.160.994	-	-	69.788.160.994
TỔNG CỘNG		243.868.821.354	(60.972.667.500)	-	182.896.153.854

(1) Đây là các khoản lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của các công ty con và chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Tập đoàn chưa ghi nhận tài sản thuế hoãn lại đối với khoản lỗ thuế của các công ty con do tính không chắc chắn của lợi nhuận tính thuế trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm 2018 bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Diễn giải	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Dabaco	Công ty liên kết	Phân bổ chi phí sử dụng tài sản	-	2.328.058.040
		Lãi vay phân bổ	-	817.147.156
		Tạm ứng mua thực phẩm chế biến	15.000.000.000	-
		Tiền nhận trong năm	-	8.994.953.760

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Công ty bán hàng và mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty không trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 0). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Đơn vị tính: VND	
		Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 6.2)			
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Dabaco	Công ty liên kết	15.000.000.000	-
Phải thu khác từ thành viên quản lý chủ chốt (Thuyết minh số 7)		10.000.000.000	10.000.000.000

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lương và thưởng	7.534.557.000	6.827.436.000
TỔNG CỘNG	7.534.557.000	6.827.436.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Tập đoàn sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (Trình bày lại)</i>
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	360.235.354.153	200.105.222.090
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh số 22) (*)	-	(35.186.027.000)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	<u>360.235.354.153</u>	<u>164.919.195.090</u>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>82.818.465</u>	<u>82.818.465</u>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm.	<u>82.818.465</u>	<u>82.818.465</u>

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (Trình bày lại)</i>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.350	1.991
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	4.350	1.991

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được điều chỉnh giảm tương ứng với khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 4 năm 2018. Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 chưa được điều chỉnh do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm nay.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Tập đoàn lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp. Các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Toàn bộ các hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty được thực hiện trên lãnh thổ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày:

	Sản xuất và bán thức ăn chăn nuôi và nguyên vật liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi	Kinh doanh bất động sản và dịch vụ xây lắp	Sản xuất con giống, chăn nuôi, chế biến thực phẩm và các hoạt động khác	Đơn vị tính: VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018				
và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày				
Doanh thu thuần				
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	2.590.630.996.867	203.843.730.707	3.879.830.743.242	6.674.305.470.816
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bộ phận	3.714.554.179.885	129.025.185.810	1.385.744.132.641	-
Tổng doanh thu thuần	6.305.185.176.752	332.868.916.517	5.265.574.875.883	6.674.305.470.816
Kết quả				
Lợi nhuận trước thuế	163.662.890.090	84.102.506.538	157.331.896.921	393.358.714.313
Chi phí thuế TNDN hiện hành	(15.598.538.389)	(16.823.361.971)	(701.459.800)	(33.123.360.160)
Lợi nhuận thuần sau thuế	148.064.351.701	67.279.144.567	156.630.437.121	360.235.354.153
Tài sản và nợ phải trả				
Tổng tài sản	5.998.748.955.165	482.032.913.803	3.540.235.710.148	8.350.013.449.187
Tài sản bộ phận	5.998.748.955.165	482.032.913.803	3.540.235.710.148	7.734.401.558.555
Tài sản không phân bổ (*)	-	-	615.611.890.632	615.611.890.632
Tổng nợ phải trả	4.733.414.501.290	125.085.054.560	3.240.202.974.645	5.603.485.031.551
Nợ phải trả bộ phận	4.733.414.501.290	125.085.054.560	3.240.202.974.645	5.603.485.031.551

(*) Tài sản không phân bổ chủ yếu bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư tài chính.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày:

	Sản xuất và bán thức ăn chăn nuôi và nguyên vật liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi	Kinh doanh bất động sản và dịch vụ xây lắp	Sản xuất con giống, chăn nuôi, chế biến thực phẩm và các hoạt động khác	Loại trừ	Tổng cộng
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày					
Doanh thu thuần					
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	2.747.295.668.930	861.652.905.752	2.246.516.560.813	-	5.855.465.135.495
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bộ phận	1.296.160.777.355	72.138.380.964	3.527.486.623.821	(4.895.785.782.140)	-
Tổng doanh thu thuần	4.043.456.446.285	933.791.286.716	5.774.003.184.634	(4.895.785.782.140)	5.855.465.135.495
Kết quả					
Lợi nhuận trước thuế	172.842.104.117	397.274.345.791	(354.011.906.499)	62.695.596.628	278.800.140.037
Chi phí thuế TNDN hiện hành	(10.176.265.178)	(65.928.682.236)	(2.589.970.533)	-	(78.694.917.947)
Lợi nhuận thuần sau thuế	162.665.838.939	331.345.663.555	(356.601.877.032)	62.695.596.628	200.105.222.090
Tài sản và nợ phải trả					
Tổng tài sản	5.127.934.190.996	425.257.752.024	2.816.725.330.557	(1.380.701.316.363)	6.989.215.957.214
Tài sản bộ phận	5.127.934.190.996	425.257.752.024	2.816.725.330.557	(2.106.755.349.660)	6.263.161.923.917
Tài sản không phân bổ (*)	-	-	-	726.054.033.297	726.054.033.297
Tổng nợ phải trả	3.717.860.066.205	169.202.253.846	2.885.970.893.337	(2.286.433.861.411)	4.486.599.351.977
Nợ phải trả bộ phận	3.717.860.066.205	169.202.253.846	2.885.970.893.337	(2.286.433.861.411)	4.486.599.351.977

(*) Tài sản không phân bổ chủ yếu bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Các cam kết về chi phí xây dựng và phát triển các bất động sản

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Tập đoàn có các cam kết về chi phí xây dựng và phát triển các bất động sản theo hợp đồng với các nhà thầu xây lắp với số tiền khoảng 334,3 tỷ đồng Việt Nam.

Cam kết đầu tư

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có các cam kết góp vốn đầu tư vào các công ty con như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Công ty TNHH Cảng Dabaco Tân Chi	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty TNHH MTV Bất động sản Dabaco	70.000.000.000	70.000.000.000
Công ty TNHH Nông nghiệp công nghệ cao Dabaco	20.000.000.000	20.000.000.000
Công ty TNHH Xây dựng Đường Kinh Dương Vương 3 và Đường Trường Chinh	25.000.000.000	25.000.000.000
Công ty TNHH Lợn giống Hải Phòng	-	35.000.000.000
Công ty TNHH Lợn giống Phú Thọ	50.000.000.000	50.000.000.000
Công ty TNHH Lợn giống Hà Nam	-	40.000.000.000
Công ty TNHH Lợn giống Dabaco Lương Tài	40.000.000.000	40.000.000.000
Công ty TNHH Thức ăn chăn nuôi Nasaco Hà Nam	-	100.000.000.000
Công ty TNHH Xây dựng Hồ Điều Hòa Văn Miếu Bắc Ninh	100.000.000.000	100.000.000.000
Công ty TNHH Xây dựng Đường từ Đền Đô đến Đường Vành đai III và TL295B Từ Sơn	200.000.000.000	200.000.000.000
Công ty TNHH Khúc Xuyên	43.000.000.000	-
Công ty TNHH Du lịch và Khách sạn L'Indochina	30.630.222.959	30.630.222.959
TỔNG CỘNG	<u>588.630.222.959</u>	<u>720.630.222.959</u>

Cam kết theo các hợp đồng thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê đất phải trả trong tương lai liên quan đến các lô đất dùng để xây dựng nhà máy sản xuất, văn phòng và để phát triển các dự án bất động sản theo các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	1.928.981.082	1.928.981.082
Trên 1 - 5 năm	9.522.757.410	9.522.757.410
Trên 5 năm	72.568.393.116	74.497.374.198
TỔNG CỘNG	<u>84.020.131.608</u>	<u>85.949.112.690</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.



Nguyễn Thị Thanh Huyền
Người lập



Nguyễn Thị Thu Hương
Phó Tổng Giám đốc kiêm
Kế toán trưởng



Nguyễn Như So
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 19 tháng 3 năm 2019

